



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

CHỦ ĐỘNG THÍCH NGHI VƯỢT XA BỀN VỮNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

TRỤ SỞ CHÍNH

141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
(84 024) 3942 2354/65-69

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM
(84 028) 3821 1615

www.vinare.com.vn





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

VINARE

Nội dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CHƯƠNG

1

Tổng quan về VINARE

- 10 Tổng quan Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 16 VINARE - Định hướng phát triển
- 18 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
- 20 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 24 Giới thiệu Ban kiểm soát
- 26 Giới thiệu Ban điều hành
- 28 Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông
- 30 Công ty con và công ty liên kết
- 32 Đối tác và Khách hàng
- 35 AM Best - Khẳng định xếp hạng
- 36 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2020-2024

CHƯƠNG

2

Môi trường kinh doanh & chiến lược kinh doanh

- 40 Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2024
- 45 Dự báo kinh tế, tài chính bảo hiểm năm 2025
- 50 Toàn cảnh rủi ro của VINARE
- 52 Chiến lược kinh doanh & chiến lược phát triển bền vững

CHƯƠNG

3

Kết quả hoạt động kinh doanh 2024 & kế hoạch kinh doanh 2025

- 58 Báo cáo đánh giá của Ban điều hành về các hoạt động của VINARE
- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE

CHƯƠNG

4

Quản trị Công ty

- 70 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 76 Báo cáo hoạt động của Đại hội đồng cổ đông
- 77 Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- 86 Ban kiểm soát
- 87 Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích
- 93 Hệ thống kiểm soát nội bộ
- 100 Đánh giá thực hiện quản trị công ty

CHƯƠNG

5

Phát triển bền vững

- 110 Tổng quan về báo cáo
- 112 Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE
- 119 Quản trị phát triển bền vững
- 123 Sự tham gia của các bên liên quan
- 129 Các vấn đề trọng yếu được đánh giá
- 132 Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

CHƯƠNG

6

Báo cáo tài chính

- 150 Báo cáo tài chính hợp nhất
- 212 Báo cáo tài chính riêng

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính gửi Quý cổ đông, đối tác
và toàn thể cán bộ nhân viên VINARE,



Năm 2024 đánh dấu cột mốc 30 năm hành trình xây dựng và phát triển của VINARE – một dấu ấn quan trọng không chỉ phản ánh sự trưởng thành, mà còn là động lực để VINARE vươn xa hơn nữa. Với vai trò công ty tái bảo hiểm quốc gia, ba thập kỷ qua, VINARE đã khẳng định vị thế vững chắc của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, đồng thời từng bước ghi dấu ấn trên bản đồ khu vực. Nhưng phía trước là những cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi VINARE phải tiếp tục đổi mới, chủ động thích nghi để bứt phá mạnh mẽ hơn.

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ động thích nghi - Kiến tạo tương lai

VINARE không chỉ là một doanh nghiệp tái bảo hiểm, mà còn là một phần của sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Nhưng chúng tôi hiểu rằng, thành công trong quá khứ không đảm bảo cho sự phát triển trong tương lai. Để tiến xa hơn, VINARE phải không ngừng đổi mới, không ngừng học hỏi và tái định nghĩa chính mình.



Tổng doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2024

3.153 TỶ ĐỒNG



Doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng

14,3% so với cùng kỳ



Thích nghi không chỉ là phản ứng với thay đổi, mà là tư duy chủ động, chuẩn bị vững vàng cho tương lai. VINARE đang đầu tư nhiều hơn vào công nghệ, nâng cao năng lực phân tích dữ liệu để tối ưu hóa quản lý rủi ro, đồng thời mở rộng hệ sinh thái tái bảo hiểm với những mô hình hợp tác linh hoạt, giúp khách hàng và đối tác gia tăng lợi thế cạnh tranh trong một thế giới đầy biến động.

Năm 2024, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đối mặt với những áp lực chưa từng có tiền lệ, đặt ra thách thức lớn đối với toàn ngành. Con bão số 3 (Yagi) đổ bộ vào đất liền trong quý III/2024 đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng về tài sản. Theo thống kê từ Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm (Bộ Tài chính), tính đến ngày 31/10/2024, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đã tiếp nhận gần 15.000 báo cáo tổn thất liên quan đến bảo hiểm tài sản kỹ thuật, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, cùng nhiều loại hình khác như bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm nông nghiệp. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do cơn bão gây ra ước tính vượt 11.000 tỉ đồng tính đến ngày 6/12/2024. Chi phí bồi thường tăng vọt sau bão đã tạo sức ép lớn lên hiệu quả kinh doanh bảo hiểm, khiến lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp trong ngành sụt giảm đáng kể.

Tuy nhiên với sự ủng hộ của các cổ đông và các đối tác đồng hành đã gắn bó lâu dài với VINARE, sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, cùng toàn thể cán bộ, VINARE đã hoàn thành kế hoạch năm 2024. Tổng doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2024 đạt 3.153 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2023 và đạt 108,1% kế hoạch năm được giao. Trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 14,3% so với cùng kỳ. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm của nghiệp vụ Kỹ thuật, Hỗ trợ và Xe cơ giới tăng trưởng tốt so với năm 2023 và đạt cao so với kế hoạch nhờ vào sự tăng trưởng tốt của thị trường, tham gia các hợp đồng sức khỏe, xe cơ giới của một số doanh nghiệp trong nước và một số hợp đồng nước ngoài.

Vươn xa bền vững Hành trình không giới hạn

Trong năm 2024, VINARE vinh dự đạt nhiều giải thưởng như Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (Vietnam Report), Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận cao nhất (Vietnam Report), Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt – Nhóm vốn hóa vừa và Top 10 doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 (Vietnam Listed Company Award) do HOSE tổ chức, Top 10 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt năm 2023 – 2024 (do HNX tổ chức), Top 10 Thương hiệu Mạnh – Tăng trưởng ấn tượng (VnEconomy – VN Economic Times), Top 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50 (VIOD), Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì đã có những thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2022 – 2023 cũng như Giấy khen của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2023.

Kỷ niệm 30 năm không chỉ là dấu mốc để nhìn lại những thành tựu đã đạt được, mà hơn thế, là thời khắc để khẳng định một nền tảng vững chắc cho tương lai bền vững. VINARE cam kết theo đuổi các giá trị ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị doanh nghiệp), không ngừng nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả, đặt mục tiêu phát triển bền vững làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động.

VINARE không chỉ mở rộng thị phần mà còn tiên phong kiến tạo một hệ sinh thái tái bảo hiểm bền vững – nơi lợi ích kinh tế luôn song hành với trách nhiệm xã hội. Thực hiện cam kết ESG, VINARE tích hợp yếu tố bền vững vào từng chiến lược đầu tư, phát triển sản phẩm và các sáng kiến giảm thiểu tác động môi trường. VINARE không chỉ theo đuổi tăng trưởng tài chính mà còn nỗ lực kiến tạo giá trị bền vững cho cộng đồng, thông qua các chương trình trách nhiệm xã hội, nâng cao năng lực quản trị và phát triển nhân sự theo các chuẩn mực quốc tế. Đây chính là nền móng để VINARE tiếp tục phát triển mạnh mẽ, giữ vững vị thế tiên phong trong lĩnh vực tái bảo hiểm.

Chúng tôi hiểu rằng, để vươn xa và phát triển bền vững, VINARE cần có sự đồng hành chặt chẽ của tất cả các bên liên quan – từ cổ đông, đối tác, khách hàng đến đội ngũ cán bộ nhân viên. Sự tin tưởng, ủng hộ và hợp tác bền chặt của quý vị chính là động lực to lớn để chúng tôi không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và đón đầu xu hướng thị trường. VINARE luôn trân trọng và cam kết sẽ tiếp tục cùng các bên xây dựng một hệ sinh thái tái bảo hiểm phát triển mạnh mẽ, nơi lợi ích chung được cộng hưởng và lan tỏa.

Hướng tới tương lai Cùng nhau vững bước

Năm 2024 không chỉ là một năm phát triển, mà còn là năm đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của VINARE trên hành trình vươn xa. Chúng tôi cam kết không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và mở rộng hợp tác trên quy mô toàn cầu. Nhưng trên tất cả, VINARE luôn lấy con người làm trọng tâm – vì chính sự gắn kết và cống hiến của đội ngũ cán bộ nhân viên là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp chinh phục những đỉnh cao mới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông, đối tác và toàn thể đội ngũ VINARE. Chính sự tin tưởng, đồng hành và nỗ lực không ngừng nghỉ của các bạn đã tạo nên một VINARE mạnh mẽ, vững vàng và không ngừng vươn xa. Hãy cùng nhau tiếp tục hành trình, viết tiếp câu chuyện 30 năm thành công và mở ra những chương mới rực rỡ hơn nữa.

Trân trọng,

Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE

TỔNG QUAN VỀ VINARE

- 10 Tổng quan Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 16 VINARE - Định hướng phát triển
- 18 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
- 20 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 24 Giới thiệu Ban kiểm soát
- 26 Giới thiệu Ban điều hành
- 28 Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông
- 30 Công ty con và công ty liên kết
- 32 Đối tác và Khách hàng
- 35 AM Best - Khẳng định xếp hạng
- 36 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2020-2024



Tổng quan Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION



Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam – VINARE – kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm Kỹ thuật, Tài sản, Hàng hải (Hàng hóa, Thân tàu, P&I), Năng lượng, Hàng không, Trách nhiệm, Tai nạn con người, ... và cung cấp các giải pháp chuyển giao rủi ro theo yêu cầu khách hàng.

Với vị thế là Nhà nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại thị trường Việt Nam, sứ mệnh của VINARE là cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của ngành bảo hiểm cũng như thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển.



Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
Giấy phép kinh doanh	: 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
Giấy phép điều chỉnh	: 28/GPĐC7/KDBH ngày 09/03/2025 của Bộ Tài chính
Địa chỉ :	: 141 Lê Duẩn, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	: 84 24 39422354
Email	: vinare@vinare.com.vn
Website	: www.vinare.com.vn
Mã cổ phiếu	: VNR

Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của VINARE

- » Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.
- » Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

Địa bàn kinh doanh

Tổng công ty có trụ sở chính tại
141 Lê Duẩn, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
và Chi nhánh tại
11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh.



VNR

Mã cổ phiếu
VỐN ĐIỀU LỆ (VND)

1.823.914.550.000

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ VINARE

Quá trình hình thành và phát triển

1994

VINARE chính thức được thành lập và là công ty tái bảo hiểm trong nước đầu tiên với số vốn ban đầu là 40 tỷ đồng.

1999-2009

- 1999** Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân kỷ niệm 5 năm ngày thành lập.
- 2001** Khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Hà Nội.
- 2004-2005**
 - Thực hiện cổ phần hóa thành công, Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ là 500 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp là 343 tỷ đồng;
 - Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập.
- 2006** Doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm và doanh nghiệp thứ 10 được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 2007-2008**
 - Tăng vốn điều lệ thực góp lên đến 672 tỷ đồng;
 - Swiss Re trở thành đối tác chiến lược (25% cổ phần).
- 2009** Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập.

2012-2019

- 2012-2013**
 - Tái cấu trúc bộ máy;
 - Được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức "bbb" lần đầu tiên vào năm 2013 và duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb" đến nay.
- 2014** Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.
- 2017**
 - Lần thứ tư liên tiếp nằm trong số 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2016 – 2017 theo Chương trình đánh giá công bố thông tin và minh bạch của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
 - Thương hiệu Tái bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2017 (Tập chí Global Brands).
- 2018**
 - PROFIT500 – Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận nhất (hai năm liên tiếp từ 2017 – 2018) (Vietnam Report);
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam (hai năm liên tiếp từ 2017 – 2018) (Thời báo Kinh tế Việt Nam).
- 2019** Đón nhận Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập.

2023

- Top Thương hiệu Mạnh – Phát triển bền vững 2022-2023 (VnEconomy – VN Economic Times);
- Top 10 Công ty niêm yết quản trị công ty tốt năm 2022-2023 (HNX);
- Top 12 Hội đồng quản trị cam kết thực hành tốt Quản trị công ty - Top 5 Hội đồng quản trị có tính đa dạng cao (Board Diversity) (VIOD);
- Top 10 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa trên Thị trường chứng khoán Việt Nam tại Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2023 (VLCA 2023);
- Giấy khen của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì "Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2022".

2022

- Bằng khen của Bộ Tài chính tặng doanh nghiệp "đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2021";
- Top 10 Thương hiệu xuất sắc – Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 – 2022;
- VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – năm 2022 (Vietnam Report);
- Top 10 Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt trong kỳ đánh giá năm 2021 – 2022;
- Top 10 doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2022 nhóm vốn hóa vừa;

2021

- Top 10 ngành Ngân hàng - Dịch vụ tài chính tại Lễ công bố và vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020 – 2021;
- Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - IR Awards (hai năm liên tiếp 2020 và 2021);
- Báo cáo thường niên của VINARE được vinh danh ở hạng mục giải "Tiến bộ vượt trội" tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021.

2021-2023

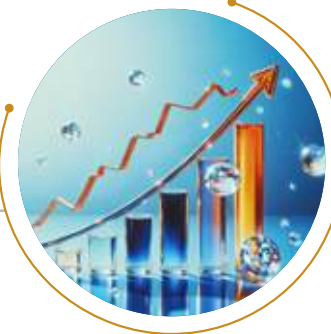
Quá trình hình thành và phát triển

..... 2024

Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập

VINARE

1994 - 2024



Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên **1.824** tỷ đồng



FAST500 - TOP 500
Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (2 năm liên tiếp 2023 và 2024) (Vietnam Report)



PROFIT500 TOP 500
Doanh nghiệp lợi nhuận nhất (4 năm liên tiếp từ 2021-2024) (Vietnam Report)



VNR500 - TOP 500
Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Vietnam Report)



TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH
Tăng trưởng ấn tượng 2024 (VnEconomy – VN Economic Times);



VALUE 500 - TOP 500
Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam năm 2024 (Báo Đầu tư và Viet Research)



TOP 50 - VNCG50
Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam (VIOD)



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA)

TOP 10
Doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất

TOP 10
Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa



TOP 10
Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt năm 2023-2024 (HNX)



BẢNG XẾP HẠNG
Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin 2024 (Vietstock)



BẢNG KHEN
của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2022 - 2023”



GIẤY KHEN
của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2023”

VINARE

Định hướng phát triển



Tầm nhìn chiến lược

- » Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và khu vực, nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- » Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của Tổng công ty.
- » Tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- » Doanh nghiệp có trách nhiệm tích cực với cộng đồng.

Các giá trị cam kết

- » Lợi nhuận tối ưu cho các cổ đông
- » Nâng cao hiệu quả và tính sinh lợi của thị trường bảo hiểm
 - Quản lý rủi ro và nguồn vốn
 - Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ
 - Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm
- » Phát triển bền vững thị trường bảo hiểm
 - Cung cấp năng lực tái bảo hiểm
 - Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới
- » Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

Mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2025-2029

Dự kiến chỉ tiêu kinh doanh

- » Tổng doanh thu (bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan): tăng trưởng 8%/năm
- » Lợi nhuận trước thuế: tăng trưởng 7%/năm
- » Tỷ lệ kết hợp (combined ratio) không quá: 98%
- » ROE bình quân tối thiểu: 10%
- » Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng quy định về “Vốn trên cơ sở rủi ro” có hiệu lực từ 01/01/2028 (căn cứ hướng dẫn chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền)
- » Tỷ lệ cổ tức tối thiểu: 10%/năm

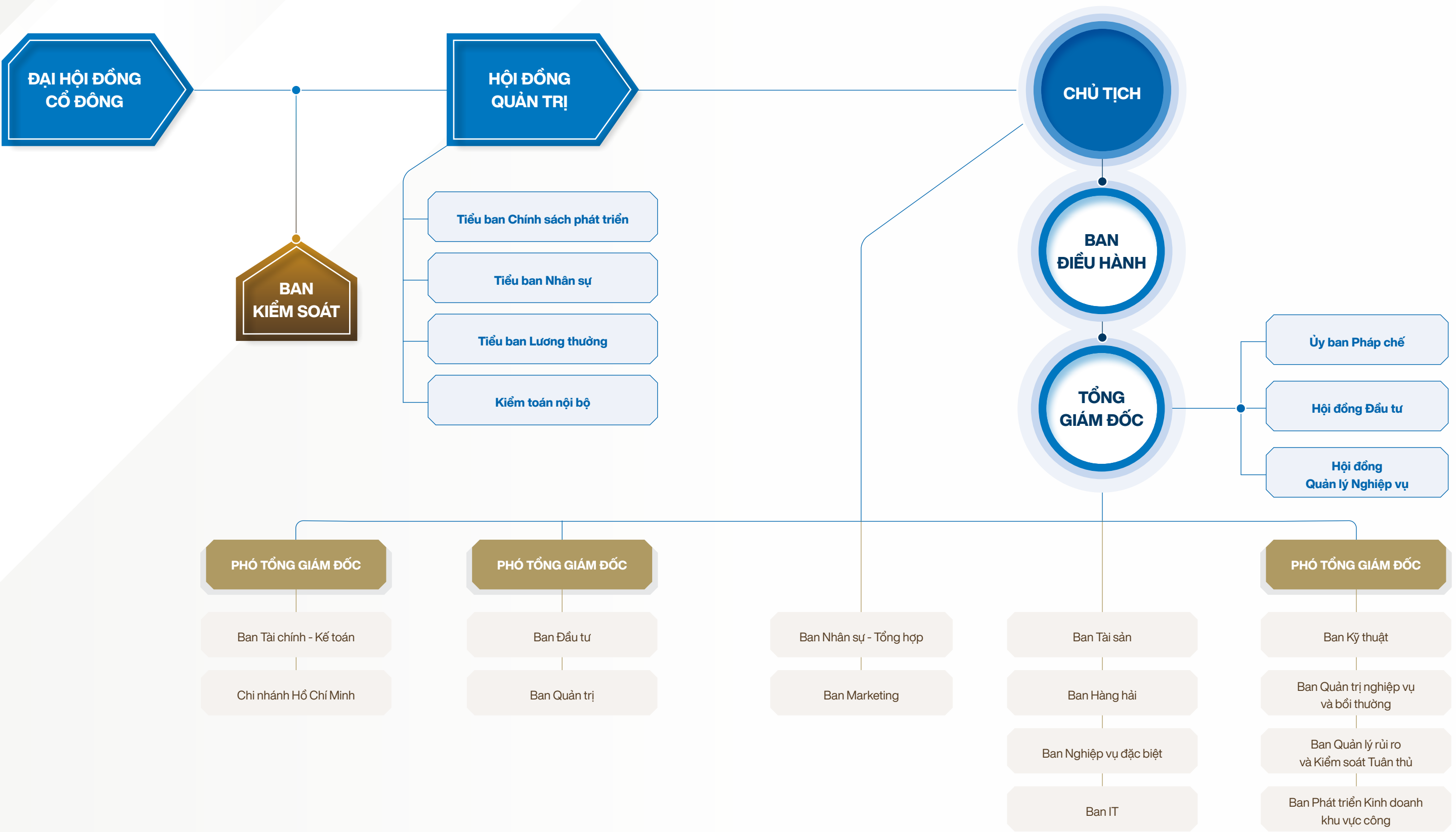
Phát triển bền vững

- » Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho người dân và doanh nghiệp.
- » Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Chiến lược phát triển bền vững gắn kết với ESG được mô tả chi tiết trong phần Chiến lược và Nội dung về phát triển bền vững ở phần sau của Báo cáo.



Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy



Giới thiệu Hội đồng Quản trị



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ tịch - 46 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 11/6/2020 và Chủ tịch HĐQT từ 22/7/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ chuyên ngành Luật kinh doanh quốc tế - Đại học Tours - Cộng hòa Pháp liên kết với Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE (làm việc chuyên trách)
- Trưởng Ban Đầu tư, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
- Phó Chủ tịch Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam
- Chủ tịch Cơ quan Quốc gia Việt Nam thực hiện Nghị định thư số 5 về Chương trình bảo hiểm bắt buộc xe cơ giới ASEAN (VINABAI)

Chức vụ công tác đã qua

- Thư ký Hội đồng quản trị, Phó Chánh Văn phòng Điều hành, Trưởng Ban Đầu tư 3, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
- Thành viên HĐQT (làm việc kiêm nhiệm) Công ty cổ phần Traphaco
- Thành viên HĐQT (làm việc kiêm nhiệm) Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong
- Chủ tịch HĐQT (làm việc kiêm nhiệm) Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty cổ phần (Seaprodex)
- Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina



ÔNG NGUYỄN XUÂN VIỆT

Phó Chủ tịch - 54 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2019 và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ 10/9/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị, quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (Baoviet Fund - BVF)
- Chủ tịch Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua

- Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2, Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Vận hành và Bảo trì ứng dụng, Tập đoàn Bảo Việt



BÀ ANNA LEE ON WAH

Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập - 54 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2022 và Phó Chủ tịch HĐQT từ 29/8/2022)

Quốc tịch: Trung Quốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Mở Hong Kong, Trung Quốc
- Cử nhân ngành Tài chính, Đại học Napier, Anh Quốc

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng Bộ phận Phát triển sản phẩm mới, P&C tại Đông Nam Á, Hong Kong, Đài Loan, Hàn Quốc & Ấn Độ, Swiss Re
- Trưởng Bộ phận P&C của Hong Kong & Đài Loan, Swiss Re

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Bộ phận Tài sản & Trách nhiệm của Hong Kong & Đài Loan
- Giám đốc Chi nhánh Swiss Re Hong Kong
- Trưởng Bộ phận Kinh doanh dịch vụ châu Á, bao gồm cả Úc và New Zealand



ÔNG MAI XUÂN DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị - 50 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2015)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, Úc
- Chứng chỉ ANZIIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)
- Phó Tổng giám đốc VINARE
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE

Giới thiệu Hội đồng Quản trị



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH AN
Thành viên Hội đồng quản trị - 43 tuổi
(Thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2017)

- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn**
- Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính - Đại học Staffordshire, Anh Quốc
 - Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân
- Chức vụ đang đảm nhiệm**
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
 - Thành viên Hội đồng thành viên Ngân hàng TMCP Bảo Việt
 - Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (Baoviet Fund - BVF)
- Chức vụ công tác đã qua**
- Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
 - Tổng giám đốc Baoviet Fund - BVF
 - Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, Tập đoàn Bảo Việt



ÔNG PHẠM PHAN DŨNG
Thành viên độc lập - 67 tuổi
(Thành viên HĐQT từ ngày 11/6/2020)

- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn**
- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính
 - Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Columbia, Hoa Kỳ
 - Cử nhân Kế toán Công nghiệp - Trường Đại học Tài chính - Kế toán (nay là Học viện Tài chính)
- Chức vụ đang đảm nhiệm**
- Thành viên độc lập
- Chức vụ công tác đã qua**
- Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính
 - Vụ trưởng Vụ Tài chính - Ngân hàng, Bộ Tài chính
 - Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính



BÀ NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG
Thành viên Hội đồng quản trị - 45 tuổi
(Thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2021)

- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn**
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Ngoại Thương
 - Cử nhân Tài chính Tín dụng, Học viện Tài chính
- Chức vụ đang đảm nhiệm**
- Phó Trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
- Chức vụ công tác đã qua**
- Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)



BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Thành viên Hội đồng quản trị - 49 tuổi
(Thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2022)

- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn**
- Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, Đại học NANTES
 - Cử nhân Nga văn, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Chức vụ đang đảm nhiệm**
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
- Chức vụ công tác đã qua**
- Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
 - Trưởng phòng Tài sản - Kỹ thuật, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex



ÔNG NGUYỄN HỒNG HOÀNG NAM
Thành viên Hội đồng quản trị - 31 tuổi
(Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2023)

- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn**
- Thạc sỹ Quản trị Tài chính, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Cử nhân Khoa học ngành Quản lý chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội liên kết với Đại học Keuka Hoa Kỳ
 - Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Chính trị phát triển, Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Chức vụ đang đảm nhiệm**
- Giám đốc Công ty Bảo Minh Tràng An kiêm Giám đốc Công ty Bảo Minh Thanh Hóa, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh
- Chức vụ công tác đã qua**
- Giám đốc tại các Công ty: Bảo Minh Long Biên, Bảo Minh Ninh Bình, Bảo Minh Vĩnh Phúc, Bảo Minh Thái Nguyên, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

Giới thiệu Ban Kiểm soát



BÀ LÊ THỊ THANH HIỀN
Trưởng Ban Kiểm soát - 41 tuổi

(Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 22/4/2015, Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 17/5/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Tài chính - Đại học Sydney
- Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm toán Pricewaterhouse Coopers



ÔNG VŨ NGỌC VƯỢNG
Thành viên Ban Kiểm soát - 40 tuổi

(Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 26/4/2017)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Frederick Taylor
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chuyên viên Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt



ÔNG ĐÀO MẠNH DƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát - 48 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 11/6/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ kinh tế
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - Đại học Tài chính - Kế toán (nay là Học viện Tài chính)
- Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Giám đốc Ban Marketing VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Tài sản VINARE



ÔNG TUSHAR CHATTERJEE
Thành viên Ban Kiểm soát - 46 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 11/6/2020)

Quốc tịch: Ấn Độ

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Đại học Heriot-Watt
- Sau Đại học chuyên ngành định phí - Đại học Heriot-Watt
- Thạc sĩ chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ
- Cử nhân chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro Hoạt động Nhân thọ và Sức khỏe và Giám đốc Quản trị rủi ro của Swiss Re Nexus / Giám đốc/ Quản lý rủi ro Tập đoàn

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Bộ phận Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp khu vực Châu Á, Swiss Re (Head of ERM)
- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động (Head of ORM)



BÀ TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát - 39 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 20/4/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế, Khoa Kế toán Doanh nghiệp - Học viện Tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Giám đốc Ban Kế toán, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng - Ban Tài chính kế toán BIC
- Trưởng phòng - Ban Kế toán BIC

Giới thiệu Ban Điều hành



ÔNG MAI XUÂN DŨNG

Tổng giám đốc - 50 tuổi

(Tổng giám đốc từ ngày 17/11/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, Úc
- Chứng chỉ ANZILF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)
- Phó Tổng giám đốc VINARE
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE



ÔNG NGUYỄN MẠNH LINH

Phó Tổng giám đốc - 53 tuổi

(Phó Tổng giám đốc từ 01/9/2016)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế (MSC), Trường Kinh tế CERAM, Sophia Antipolis Pháp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Viện Công nghệ châu Á Thái Lan
- Kỹ sư Tin học

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng giám đốc VINARE
- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI)

Chức vụ công tác đã qua

- Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)
- Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro



ÔNG ĐỖ ANH ĐỨC

Phó Tổng giám đốc - 53 tuổi

(Phó Tổng giám đốc từ 01/02/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân, Đại học Luật

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng giám đốc VINARE
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư VINARE
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Legacy
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF), Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF), Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên Ban Kiểm soát Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Đầu tư VINARE



BÀ LƯU THỊ VIỆT HOA

Phó Tổng giám đốc - 55 tuổi

(Phó Tổng giám đốc từ 30/12/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng giám đốc VINARE
- Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Kế toán Trưởng VINARE
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Bảo hiểm Agribank (ABIC)
- Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex



ÔNG NGUYỄN THÀNH CÔNG

Kế toán trưởng - 47 tuổi

(Kế toán trưởng từ ngày 02/12/2024)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Kế toán trưởng VINARE
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư VINARE (VINARE Invest)

Chức vụ công tác đã qua

- Người phụ trách Kế toán
- Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán

Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ phần

STT	Chi tiêu	Số lượng cổ phần
1	Tổng số cổ phần	182.391.455
	• Cổ phần phổ thông chuyển nhượng tự do	182.391.313
	• Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142
2	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	182.391.455
	• Cổ phiếu phổ thông chuyển nhượng tự do	182.391.313
	• Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142

Cơ cấu cổ đông VINARE tính đến ngày 12/12/2024 (theo Danh sách tổng hợp số S063/2024-VNR/VSDC lập ngày 16/12/2024 của VSDC)

STT	Tên Cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá (VNĐ)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	736.187.470.000	73.618.747	40,36%
2	Tập đoàn Swiss Re	455.980.470.000	45.598.047	25,00%
3	Tập đoàn Bảo Việt	167.353.190.000	16.735.319	9,18%
4	Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt	146.046.270.000	14.604.627	8,01%
5	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	117.268.780.000	11.726.878	6,43%
6	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	45.604.510.000	4.560.451	2,50%
7	Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	19.544.760.000	1.954.476	1,07%
8	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIC)	15.028.330.000	1.502.833	0,82%
9	Các cổ đông khác	120.900.770.000	12.090.077	6,63%
	Tổng	1.823.914.550.000	182.391.455	100,00%

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ /Vốn điều lệ
1	Cổ đông tổ chức	174.006.263	95,40%
a	Trong nước	124.711.858	68,37%
b	Nước ngoài	49.294.405	27,03%
2	Cổ đông cá nhân	8.385.192	4,60%
a	Trong nước	7.882.339	4,32%
b	Nước ngoài	502.853	0,28%
	Cộng	182.391.455	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	73.618.747	40,36%
2	Tập đoàn Swiss Re	45.598.047	25,00%
3	Tập đoàn Bảo Việt	16.735.319	9,18%
4	Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt	14.604.627	8,01%
5	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	11.726.878	6,43%

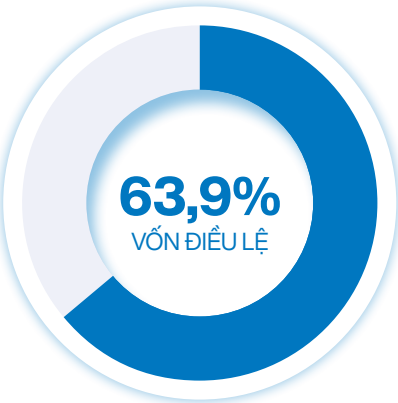
Công ty con và công ty liên kết

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINARE



Giá trị góp vốn của VINARE
tính đến ngày 31/12/2024
~ 60.000.000.000 đồng



Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103141556 sửa đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16/07/2021.

Địa chỉ: Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 93.919.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động

- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, đô thị, nhà ở các loại;
- Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103141556 cấp ngày 16/07/2021

Các cổ đông chính

VINARE	63,9%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và KCN Sông Đà	10,6%
Công ty cổ phần Bất động sản Phú Lộc	10,6%
Các cổ đông khác	14,9%

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2024



Tổng tài sản
119,3 Tỷ đồng



Vốn chủ sở hữu
92,7 Tỷ đồng



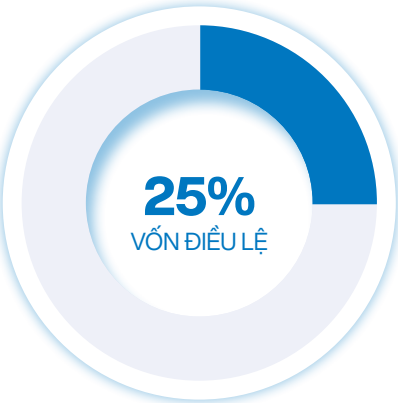
Lợi nhuận sau thuế
(1,29) Tỷ đồng

Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SAMSUNG VINA



Tỷ lệ góp vốn của VINARE
tính đến ngày 31/12/2024
~ 125.000.000.000 đồng



Giấy phép đăng ký kinh doanh số 70/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/08/2014

Địa chỉ: Tầng 45, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động:

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính theo luật định.

Đối tác liên kết:

- Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải SamSung, Hàn Quốc.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2024



Tổng tài sản
2.866 Tỷ đồng



Vốn chủ sở hữu
1.513,9 Tỷ đồng



Doanh thu phí bảo hiểm
(tính đến ngày 31/12/2024)
1.172,2 Tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế
132,6 Tỷ đồng

Đối tác và Khách hàng

Khách hàng trong nước: các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trên thị trường Việt Nam.
Khách hàng nước ngoài: các công ty tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm trong khu vực châu Á và trên thế giới.

Công ty Bảo hiểm và Tái Bảo hiểm Phi nhân thọ

AAA Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	TMIV Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam	PJICO Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
ABIC Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	Fubon VN Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ Fubon (Việt Nam)	PTI Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
AIG Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam	GIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	PVI Tổng công ty Bảo hiểm PVI
Bảo Long Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	HD Insurance Công ty TNHH Bảo hiểm HD	Hanoi Re Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội
Bảo Minh Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Liberty Insurance Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty	QBE Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm QBE (Việt Nam)
Bảo Việt Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	LPBI Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	SVI Công ty LD TNHH Bảo hiểm Samsung Vina
BHV Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	MIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	TCGIIns Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Techcom
BIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	MSIG Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân Thọ MSIG Việt Nam	TIC Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco
BSH Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	PAC Công Ty Cổ Phần Bảo hiểm Phú Hưng	UIC Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp
Chubb Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam	OPES Công ty Bảo hiểm OPES	VASS Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ

Baoviet Life Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
AIA Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)
Manulife Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

Công ty môi giới Bảo hiểm/Tái Bảo hiểm

Aon Aon	Gallagher Re Gallagher Re	MALAKUT Malakut Insurance Brokers (Vietnam) LLC	Ulysse Re Ulysse Re
ACE Ace Insurance Brokers	Haakon Haakon Ltd	Mathsons Mathrawala and Sons Insurance Brokers	Willis Tower Watson Willis Tower Watson
ARB Asia Reinsurance Brokers Pte Ltd	HIS HIS Insurance Services Co., Ltd.	Marsh Marsh Ltd	WIS Worldwide Insurance Services Ltd.
AIB Alliance Insurance Brokers Pvt. Ltd.	Hub Risk Hub Risk Solutions Limited	MHK MHK Insurance Services limited	LK Vietnam LK Vietnam Insurance Broker Company Limited
BHARAT RE Bharat Re-Insurance Brokers Pvt. Ltd.	INTERLINK Interlink Insurance & Reinsurance Broking Pvt. Ltd.	Pana Harrison Pana Harrison (Asia) Pte Ltd	LOCKTON LOCKTON
BRM BRM Korea Co., Ltd.	IRICBS International Reinsurance & Insurance Consultancy & Broking Services Pvt. Ltd.	Pioneer Pioneer Insurance & Reinsurance Broker Pvt Ltd	J.B. Boda J.B Boda & Co.
CIB Continental Insurance Brokers Ltd.	KMD KM Dastur Reinsurance Brokers	Protection Protection Insurance and Reinsurance Services	PWS (LL07886) PWS Global Risks Labuan Ltd (LL07886)
ENC PLUS ENC PLUS Insurance Brokers Co. Ltd	M.B. Boda M. B. Boda Reinsurance Brokers	RISK CARE Risk Care Insurance Broking Services Pvt. Ltd.	
Guy Carpenter Guy Carpenter & Company Ltd	Mahindra Mahindra Insurance Brokers Limited	UIB UIB Insurance Brokers (Korea) Co., Ltd	

Khách hàng nước ngoài

Allianz Re Allianz Reinsurance	Emirates Insurance Emirates Insurance Company	Labuan Re Labuan Reinsurance (L) Ltd	PICC PICC Property and Casualty Co., Ltd	Swiss Re Swiss Reinsurance Company
Allied World Allied World Assurance Company Holdings, Ltd	Esicuba Seguros Internacionales de Cuba, S.A.	LVI Lao-Viet Insurance Company	Ping An Ping An Insurance Company of China, Ltd.	Trust Re Trust International Insurance and Reinsurance Company B.S.C.
Amlin MS Amlin	FPG Philippines FPG Insurance Co., INC., Makati, Philippines	London P&I Club The London Steam-Ship Owners' Mutual Insurance Association Limited	RongSheng RongSheng P&C Insurance Co., Ltd	Tugu Re PT. Tugu Reasuransi Indonesia
Aspen Aspen	GARD GARD	Malaysian Re Malaysian Reinsurance Berhad	Russian Re Russian National Reinsurance Corporation	Thai Re Thai Reinsurance Public Company Ltd
Asian Re Asian Reinsurance Corporation	GIC Bhutan Re GIC Bhutan Re	Munich Re Munich Reinsurance Company	Qianhai Re Qianhai Reinsurance Co., Ltd.	Toa Re The Toa Reinsurance Company, Limited
AXIS Re AXIS Re	GIG Gulf Insurance Group (Gulf)	MSIG Mitsui Sumitomo Insurance Co. Ltd.	SANTAM RE Santam RE	Tokio Marine Kiln Tokio Marine Kiln
Berkley Re Berkley Re	GIC RE General Insurance Corporation of India	Mongolia Re Mongolian National Reinsurance Company	Seoul Guarantee Seoul Guarantee Insurance Company	TPRe Taiping Reinsurance Co., Ltd
BEAZLEY Beazley	Hannover Re Hannover Re	Nat Re The National Reinsurance Corporation of the Philippines	SOGAZ SOGAZ INSURANCE	Trans Re Transatlantic Reinsurance Company
BH SPECIALTY Berkshire Hathaway Specialty Insurance	Huione Huione Insurance PLC	National Insurance National Insurance Company Limited	Samsung F&M Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd	Triglav Re Triglav Re, Reinsurance Company Ltd
Canopus Canopus	Huundai Hyundai Marine & Fire Insurance Company Co., Ltd.	Nepal Re Nepal Reinsurance Company Limited	Saudi Re Saudi Reinsurance Company	United India United India Insurance Company Limited
CB Insurance CB General Insurance PLC	Hanwha Hanwha General Insurance	New India The New India Assurance Co. Ltd.	SCOR Scor Reinsurance Company	ZURICH Zurich Insurance Group
Central Re Central Reinsurance Corporation	Indonesia Re PT Reasuransi Indonesia Utama	NH Insurance NongHyup Property and Casualty Insurance	Shipowners' P&I Club The Shipowners' Mutual Protection and Indemnity Association (Luxembourg)	West of England P&I Club The West of England Ship Owners Mutual Insurance Association (Luxembourg)
China Re China Reinsurance (Group) Corporation	III India International Insurance	Oriental The Oriental Insurance Company	Sirius Point Sirius Point Ltd	
China Pacific China Pacific Insurance Co., (HK) Limited	Korean Re Korean Reinsurance Company	PartnerRe PartnerRe Ltd.	SompoRe Sompo International Reinsurance	
CVI Cambodia-Vietnam Insurance Plc.	Kuwait Re Kuwait Reinsurance Company	Sava Re Pozavarovalnica Sava d.d., Czech	Steamship Mutual P&I Club Steamship Mutual P&I Club	
Echo Re Echo Reinsurance Limited Company	KB Insurance KB Insurance Co., Ltd	Peak Re Peak Reinsurance Company Limited	Sukoone Sukoone Insurance	

AM Best khẳng định xếp hạng của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) năm 2024



Trong kỳ đánh giá năm 2024, AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức (Tốt)

B++

và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành (ICR) mức (Tốt)

bbb+

của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)

Triển vọng của năng lực tài chính và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành ở mức ổn định (stable). Thêm vào đó, trong kỳ đánh giá năm nay, AM Best bổ sung tiêu chí xếp hạng tín nhiệm trong phạm vi quốc gia (National Scale Rating – NSR), được quy đổi từ kết quả xếp hạng theo tiêu chuẩn quốc tế. Theo đó, NSR của VINARE là aaa.VN, mức cao nhất tại Việt Nam với triển vọng ổn định. Mức xếp hạng đã phản ánh tình hình tài chính vững mạnh của VINARE, đồng thời cũng phản ánh kết quả kinh doanh tốt, hồ sơ năng lực kinh doanh ổn định, và khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM) phù hợp.

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2020-2024

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính giai đoạn 2020 – 2024

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Đơn vị: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu phí nhận	2.448	2.246	2.369	2.677	3.153
Doanh thu phí giữ lại	1.497	1.273	1.275	1.379	1.740
Doanh thu đầu tư và khác	380	480	415	483	439
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	1.543	1.520	1.497	1.613	2.035
Vốn điều lệ	1.310	1.507	1.507	1.658	1.824
Tổng tài sản	6.976	7.157	7.126	8.002	8.777
Lợi tức trước thuế	377	423	463	500	481
Lợi nhuận sau thuế	311	347	378	423	404
ROA (%)	4,46	4,85	5,31	5,29	4,61
ROE (%)	9,89	10,56	10,94	11,39	10,25
EPS (VNĐ)	2.314	2.235	2.228	2,241	2,157

Số liệu báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán

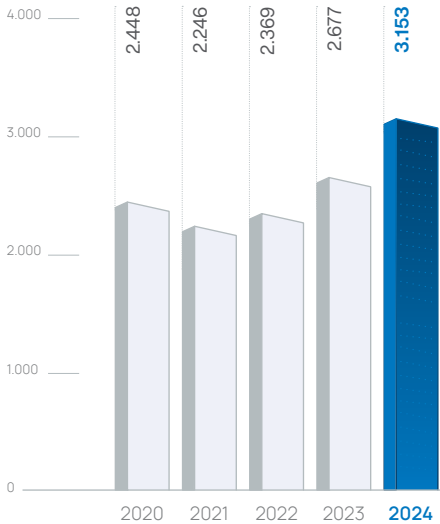
Đơn vị: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu đầu tư và khác	390	463	419	492	448
Tổng tài sản	6.738	6.915	6.862	7.713	8.475
Lợi tức trước thuế	357	408	439	474	465
Lợi nhuận sau thuế	291	332	355	397	389
ROA (%)	4,32	4,80	5,17	5,15	4,59
ROE (%)	9,90	10,83	11,05	11,53	10,63

Doanh thu phí nhận
(Tỷ đồng)



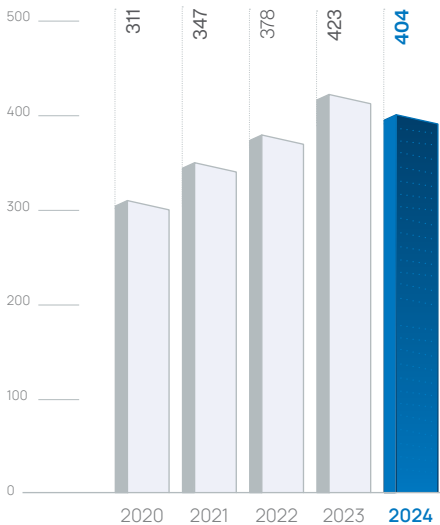
3.153



Lợi nhuận sau thuế hợp nhất
(Tỷ đồng)



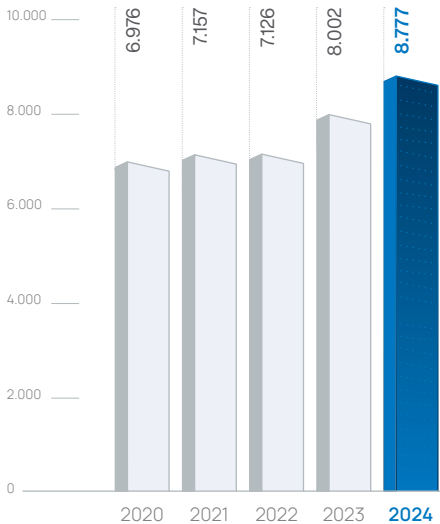
404



Tổng tài sản hợp nhất
(Tỷ đồng)



8.777



GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ VINARE

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- 40 Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2024
- 45 Dự báo kinh tế, tài chính bảo hiểm năm 2025
- 50 Toàn cảnh rủi ro của VINARE
- 52 Chiến lược kinh doanh & chiến lược phát triển bền vững

Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2024

Kinh tế thế giới



Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục hành trình phục hồi với tốc độ chậm và không đồng đều. Mặc dù lạm phát toàn cầu đã hạ nhiệt đáng kể so với năm 2023, những rủi ro kéo dài đối với chuỗi cung ứng và giá cả hàng hóa quốc tế vẫn là thách thức lớn. Nhiều nền kinh tế lớn bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất, góp phần nới lỏng các điều kiện tài chính. Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu có xu hướng giảm, thậm chí nhiều khu vực đã ghi nhận tình trạng thiếu hụt lao động.

Căng thẳng trong thương mại toàn cầu, đặc biệt giữa Mỹ - Trung Quốc và Nga - phương Tây, vẫn là lực cản lớn đối với tăng trưởng kinh tế thế giới. Xung đột kéo dài tại Ukraine và Trung Đông không chỉ gây tổn thất nặng nề mà còn làm gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến tâm lý thị trường. Mặc dù lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt, nguy cơ tái bùng phát vẫn hiện hữu, trong khi mức nợ công cao tại nhiều quốc gia đặt ra những rào cản lớn đối với tăng trưởng bền vững. Lãi suất duy trì ở mức cao có thể tiếp tục kìm hãm chi tiêu và đầu tư, trong khi thị trường lao động phục hồi chậm, khiến áp lực việc làm chưa thể sớm được giải tỏa.

Đối với các nền kinh tế mới nổi, hành trình phục hồi còn nhiều khó khăn do phụ thuộc vào dòng vốn nước ngoài và công nghệ nhập khẩu. Quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch cũng đặt ra những thách thức không nhỏ khi

chi phí đầu tư cho công nghệ xanh vẫn còn cao, trong khi sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch chưa thể giảm ngay trong ngắn hạn. Biến đổi khí hậu tiếp tục là một bài toán nan giải, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, hội nghị COP29 vào tháng 11/2024 được kỳ vọng mở ra những giải pháp đột phá nhằm đẩy nhanh các cam kết chống biến đổi khí hậu thông qua hợp tác công - tư. Năm 2024 không chỉ là giai đoạn thử thách mà còn là thời điểm các quốc gia phải linh hoạt, chủ động thích ứng để vừa vượt qua thách thức, vừa nắm bắt cơ hội phát triển. Hơn lúc nào hết, sự phối hợp giữa các chính sách kinh tế trong nước và quốc tế sẽ đóng vai trò then chốt trong việc định hình tương lai của nền kinh tế toàn cầu trong một thế giới đầy biến động.



Kinh tế Việt Nam



Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt

786,29

TỶ USD

tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3%; nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.



Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 theo giá hiện hành đạt

3.692,1

NGHÌN TỶ ĐỒNG

tăng 7,5% so với năm 2023, cao hơn so với mức tăng 6,6% của cùng kỳ 2023 đã phản ánh sự phục hồi tích cực của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 so với năm 2023.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 đạt

25,35

TỶ USD

tăng 9,4% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ năm 2020 đến nay.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%).

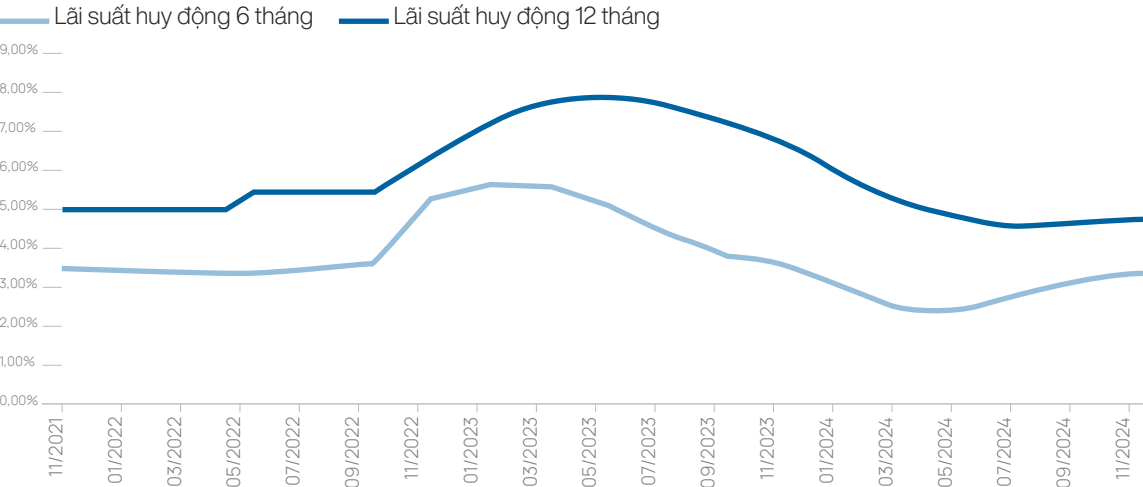
Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2024

Thị trường tài chính - tiền tệ



Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả của Ngân hàng Nhà nước được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2024.

Lãi suất huy động trung bình 6 và 12 tháng của nhóm NH quốc doanh



Nguồn: NHNN, FinPro, ABS Research

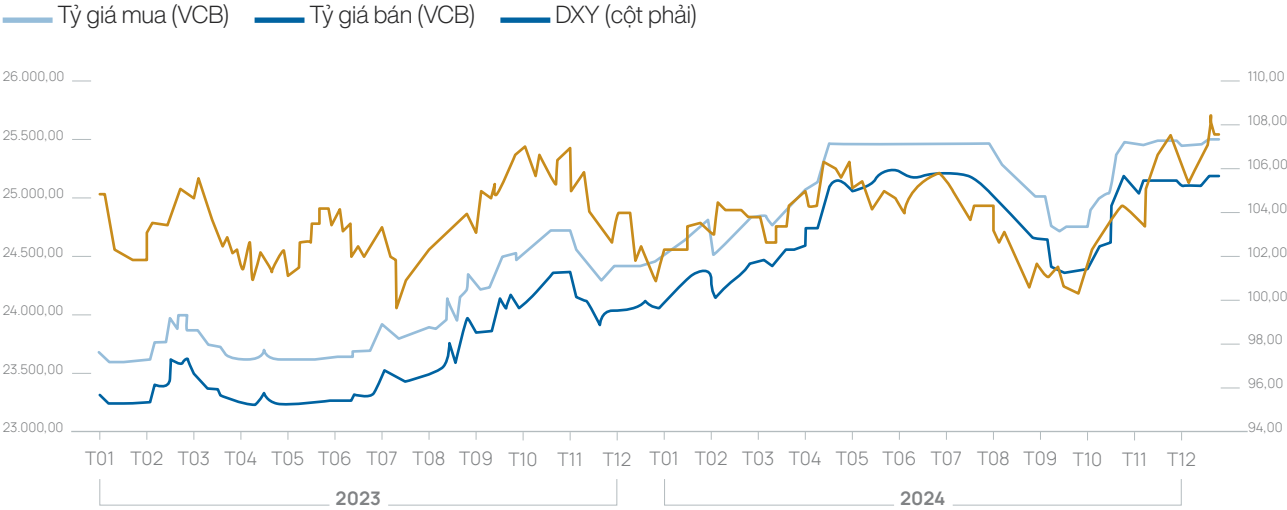
Trong năm, lãi suất cho vay tại các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm. Tính đến hết năm 2024, mặt bằng lãi suất huy động tăng 0,71%, mặt bằng lãi suất cho vay giảm 0,59% so với đầu năm, riêng lãi suất cho vay tại các ngân hàng thương mại đã giảm trung bình gần 1%. Tỷ giá trung tâm VND/USD ngày 31/12 đạt 24.355 đồng, tăng 1,97% so với cuối 2023, phản ánh sự ổn định của tỷ giá.

Tính đến ngày 20/12, chỉ số DXY tăng mạnh lên mức 108,54, tăng mạnh 5,4% so với đầu năm và là mức cao nhất trong 2 năm. Cùng với xu hướng tăng của DXY, tỷ giá tăng mạnh đạt 25.540 đồng/USD (tỷ giá bán VCB ngày 20/12/2024), tăng 4,2% YTD.

Nguyên nhân của tỷ giá mạnh lên do

- 1 Chỉ số DXY tăng mạnh
- 2 Nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp tăng mạnh do nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho mùa sản xuất cuối năm
- 3 Kho bạc Nhà nước mua một lượng lớn USD để trả nợ nước ngoài.

Tỷ giá bán nhiều lần chạm trần trong năm 2024



Nguồn: FinPro, ABS Research

Theo Tổng cục thống kê, tính đến 25/12, tăng trưởng tín dụng đạt 13,8% (cao hơn mức 11,5% cùng kỳ năm trước). Tổng phương tiện thanh toán tăng 9,4%, huy động vốn tăng 9%.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thúc đẩy tín dụng chính sách xã hội, giải ngân 119,5 nghìn tỷ đồng cho hơn 2,3 triệu hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách. Đến 31/12, dư nợ tín dụng chính sách đạt 367,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,8% với gần 6,9 triệu hộ còn dư nợ.

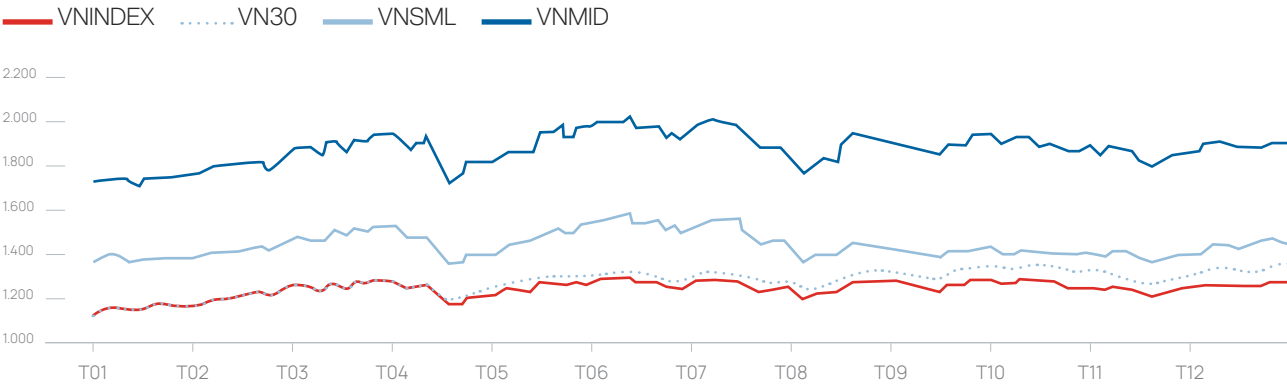
Thị trường chứng khoán

Trong một năm nhiều biến động của thị trường tài chính quốc tế, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định, tiếp tục khẳng định vai trò kênh dẫn vốn trung, dài hạn quan trọng của nền kinh tế. Kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với năm 2023, đứng thứ ba trong khu vực sau thị trường Singapore và Malaysia. Thanh khoản thị trường cổ phiếu Việt Nam đạt 18.685 tỷ đồng/ngày, tăng 22,4% so với năm 2023,

xếp ở vị trí thứ 3 trong khu vực sau thị trường Thái Lan và Singapore. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu trên HOSE đạt khoảng 5,21 triệu tỷ đồng, tăng 14,3% so với cuối năm trước.

Xu hướng tăng trưởng chính của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024 chủ yếu tập trung vào quý I. Phần còn lại của năm chứng kiến thị trường đi ngang với biên độ dao động khoảng 100 điểm.

Diễn biến các chỉ số năm 2024



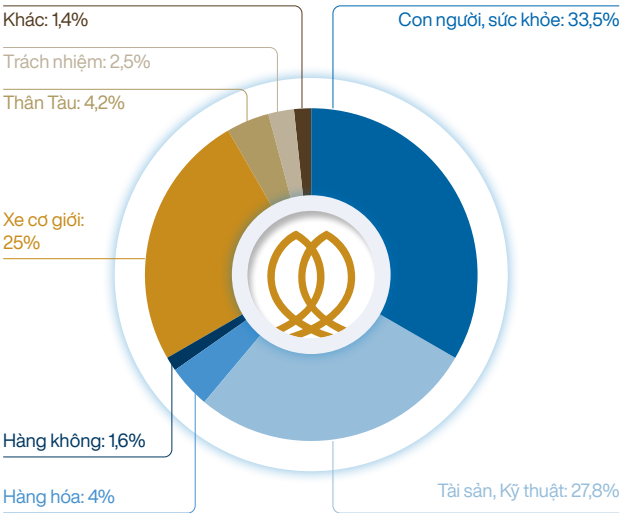
Nguồn: NHNN, Finpro, ABS Research

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2024

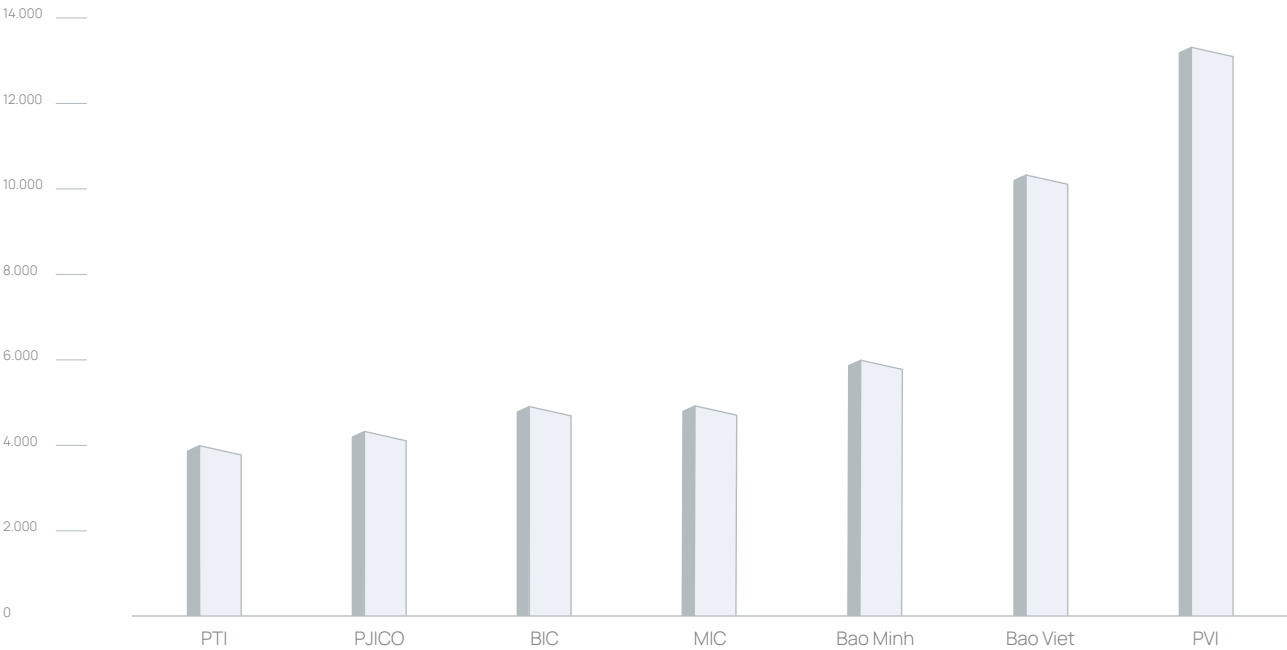
Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ trọng doanh thu phí thị trường theo nghiệp vụ



Tình hình cạnh tranh phi kỹ thuật thông qua hạ phí và mở rộng điều kiện điều khoản vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt đối với hầu hết các nghiệp vụ (cả bảo hiểm cá nhân và bảo hiểm thương mại). Tình hình tổn thất “man-made” trên thị trường nhìn chung diễn biến khá tích cực khi tần suất và mức độ tổn thất đều giảm mạnh. Tuy nhiên trong năm 2024 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ hứng chịu tổn thất nặng nề từ cơn bão số 3 - Yagi – tổn thất thiên tai lớn nhất từ trước đến nay ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm Việt Nam, với số ước tổn thất lên đến hơn 400 triệu USD. Tổn thất từ bão Yagi cũng đã có những ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ của hầu hết doanh nghiệp và đặc biệt là tác động trực tiếp đến những trao đổi đàm phán với các nhà tái bảo hiểm quốc tế trong mùa tái tục 2024/2025.

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm theo công ty
(Đơn vị: tỷ đồng)



Dự báo kinh tế, tài chính bảo hiểm năm 2025



Kinh tế thế giới

Năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm có nhiều biến động nữa đối với kinh tế toàn cầu. Những hậu quả còn “sót lại” của đại dịch Covid-19, cùng với cuộc xung đột Nga - Ukraine và căng thẳng tại Trung Đông sẽ tạo ra một bức tranh kinh tế phức tạp và khó đoán định.

Xu hướng phân mảnh kinh tế và căng thẳng địa chính trị đang gia tăng, đặt ra những thách thức đáng kể cho tăng trưởng và hợp tác toàn cầu. Việc các quốc gia ngày càng áp đặt nhiều hàng rào thương mại, hạn chế đầu tư và theo đuổi chính sách bảo hộ có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng, suy giảm thương mại toàn cầu và kìm hãm tăng trưởng.

Trong dự báo về triển vọng kinh tế 2025, các tổ chức tài chính quốc tế như IMF, Ngân hàng Thế giới (WB) và OECD đều đồng thuận rằng, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ chậm lại trong năm 2025, duy trì ổn định, bất chấp những thách thức đáng kể.

IMF dự báo mức tăng trưởng GDP toàn cầu khoảng 3,2% trong năm 2025. Trong khi đó, WB đưa ra mức dự báo tăng trưởng 3,3% cho năm 2025, so với mức tương ứng 3,5% trước đại dịch Covid-19. Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs, dù lạc quan hơn, dự đoán tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ giảm xuống còn 3% vào năm 2025, từ mức 3,2% của năm 2024.

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế mới nhất của OECD, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 3,3% vào năm 2025, tăng nhẹ từ 3,2% vào năm 2024. Lạm phát tại các nước OECD được kỳ vọng sẽ tiếp tục giảm, từ 5,4% trong năm 2024 xuống 3,8% vào năm 2025. Xu hướng này được hỗ trợ bởi chính sách tiền tệ thắt chặt vẫn duy trì ở hầu hết các quốc gia. Tỷ lệ lạm phát đã quay về mức mục tiêu của ngân hàng trung ương tại gần một nửa các nền kinh tế phát triển và khoảng 60% các nền kinh tế mới nổi.

Dự báo kinh tế, tài chính bảo hiểm năm 2025

Những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025

- 1

**Chính sách tiền tệ
linh hoạt – động cơ
thúc đẩy đầu tư và
tiêu dùng**

Các ngân hàng trung ương trên thế giới duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong những tháng cuối năm 2024 và có thể kéo dài đến giữa năm 2025. Nếu lạm phát tiếp tục được kiểm soát, dòng vốn rẻ sẽ tiếp sức cho doanh nghiệp mở rộng đầu tư, gia tăng tiêu dùng và duy trì đà phục hồi kinh tế.
- 2

**Công nghệ - Chia khóa
mở ra kỷ nguyên tăng
trưởng mới**

Cuộc cách mạng công nghệ không ngừng định hình lại nền kinh tế thế giới. Trí tuệ nhân tạo AI, blockchain và Internet vạn vật (IoT) đang mở ra những chân trời mới, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa vận hành, nâng cao năng suất và tạo ra những ngành nghề mới đầy triển vọng.
- 3

**Hợp tác quốc tế -
Lời giải cho những
thách thức toàn cầu**

Trong bối cảnh thế giới đối diện với nhiều vấn đề mang tính xuyên biên giới như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng kinh tế và nguy cơ khủng hoảng chuỗi cung ứng, các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, IMF, G20 tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong việc điều phối và thúc đẩy các giải pháp bền vững.
- 4

**Đầu tư vào hạ tầng và
giáo dục – Nền tảng
cho tương lai**

Nhiều quốc gia đang ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng giáo dục nhằm chuẩn bị cho một thế hệ lao động mới, có khả năng thích ứng với nền kinh tế tri thức. Đây không chỉ là động lực tăng trưởng trước mắt mà còn là chiến lược dài hạn để thu hẹp khoảng cách phát triển với các nền kinh tế tiên tiến.
- 5

**Sự trỗi dậy của
năng lượng tái tạo –
Hướng đi tất yếu**

Xu hướng phát triển bền vững ngày càng trở thành ưu tiên hàng đầu. Các quốc gia đang đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí carbon và tạo ra việc làm xanh. Điều này không chỉ giúp đảm bảo an ninh năng lượng mà còn góp phần hiện thực hóa cam kết chống biến đổi khí hậu toàn cầu.

Những thách thức tiềm ẩn

Dù triển vọng tích cực, kinh tế thế giới vẫn đối diện với nhiều rủi ro khó lường:

- 1

Bất ổn chính trị và xung đột khu vực có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và làm lung lay niềm tin của nhà đầu tư.
- 2

Áp lực tài khóa gia tăng, khi nhiều quốc gia phải đối mặt với gánh nặng trả nợ từ các khoản vay trong đại dịch, buộc họ phải thắt chặt ngân sách và điều chỉnh chính sách kinh tế.
- 3

Biến đổi khí hậu và thiên tai tiếp tục là nguy cơ hiện hữu, gây tổn thất lớn cho nhiều nền kinh tế, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển.
- 4

Hàng rào thương mại và chính sách thuế đang có xu hướng gia tăng, khi nhiều quốc gia áp dụng các biện pháp bảo hộ nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa và duy trì lợi thế cạnh tranh. Việc áp đặt các mức thuế mới, cùng với các quy định khắt khe hơn về tiêu chuẩn hàng hóa và chuỗi cung ứng xanh, có thể làm suy giảm thương mại quốc tế, gây áp lực lên chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến dòng chảy đầu tư toàn cầu.

Kinh tế vĩ mô Việt Nam



Thủ tướng Chính phủ đã đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP cho năm 2025 đạt ít nhất 8%, với kỳ vọng có thể đạt mức tăng trưởng hai con số trong điều kiện thuận lợi. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ tập trung vào việc giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, đột phá đã được Thủ tướng chỉ đạo nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên.

Một số thuận lợi cho kinh tế Việt Nam năm 2025

- 1

Nhìn từ góc độ sản xuất, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đang có xu hướng tăng trưởng khá rõ nét nhờ vào động lực xuất khẩu, ứng dụng mạnh khoa học kỹ thuật và cơ hội từ các hiệp định FTA. Ngành công nghiệp dự báo có thể duy trì tốc độ tăng trưởng trong khoảng 7-9%, với động lực chính từ xuất khẩu, đầu tư công và chuyển đổi công nghệ. Khu vực dịch vụ cũng có xu hướng tăng trưởng tốt nhờ sự phục hồi của hoạt động du lịch và xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.
- 2

Thế chế chính sách và môi trường kinh doanh đang được rà soát hoàn thiện và đồng bộ.
- 3

Cơ hội mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và thu hút đầu tư khi Việt Nam tham gia tích cực vào các hiệp định thương mại tự do (FTA).
- 4

Đầu tư về cơ sở hạ tầng và công nghiệp công nghệ cao đang được định hướng và tập trung thúc đẩy mạnh mẽ.
- 5

Quá trình chuyển đổi số và công nghệ đang được triển khai mạnh mẽ trong cả bộ máy nhà nước cũng như các đơn vị kinh tế sẽ tạo động lực mới cho phát triển.

Những khó khăn, thách thức kinh tế Việt Nam phải đối mặt trong năm 2025

- 1

Rủi ro, thách thức của kinh tế toàn cầu, quan hệ với Mỹ, Trung Quốc sẽ tác động tới Việt Nam cả ở tầm vĩ mô và vi mô (chính sách vĩ mô của nhà nước và hoạt động của các doanh nghiệp, các thị trường tài chính, tiền tệ, hàng hóa, lao động v.v...).
- 2

Thế chế pháp lý đang được hoàn thiện nhưng còn chậm và nhiều chính sách còn chưa có sự ổn định, chồng chéo, dẫm chân nhau.
- 3

Động lực truyền thống chưa được làm mới, các điểm nghẽn đầu tư đang được nhận diện và xử lý nhưng hiệu quả chưa cao.
- 4

Lao động chi phí rẻ không còn là lợi thế quốc gia; lao động có trình độ để bắt kịp với công nghệ hiện đại còn thiếu, chưa đồng đều trong lực lượng lao động, thiếu lao động chất lượng cao.
- 5

Khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu, đặc biệt đối với các doanh nghiệp trong nước; thị trường vốn, thị trường chứng khoán chưa phát huy tương xứng với tiềm năng.

Dự báo kinh tế, tài chính bảo hiểm năm 2025



Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gồm

- 1 Kinh tế thế giới dần ổn định với thương mại toàn cầu phục hồi, lạm phát hạ nhiệt, thị trường tài chính nói lỏng và lao động cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế Việt Nam. Xu hướng đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ và bảo vệ môi trường ngày càng quan trọng, buộc các quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải điều chỉnh chiến lược để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao vị thế xuất khẩu và thu hút đầu tư.
- 2 Chính phủ tập trung ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và hỗ trợ doanh nghiệp thông qua đối thoại chính sách, tháo gỡ khó khăn về tín dụng, bất động sản, bảo đảm nguồn điện và đẩy mạnh truyền thông chính sách để củng cố niềm tin của doanh nghiệp và người dân.
- 3 Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng tạo cơ hội lớn để Việt Nam thu hút vốn FDI vào công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao.
- 4 Chuyển đổi số, kinh tế số và phát triển công nghiệp bán dẫn trở thành động lực tăng trưởng mới, không chỉ thúc đẩy thương mại điện tử, chế tạo, logistics mà còn làm nền tảng cho kinh tế số.
- 5 Việt Nam tận dụng các hiệp định FTA để mở rộng xuất khẩu sang châu Âu, Nhật Bản, Bắc Mỹ, Hala và nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- 6 Đầu tư công tăng mạnh, với mức kỷ lục 791.000 tỷ đồng năm 2025 (tương đương 6,4% GDP). Chính phủ ưu tiên các dự án giao thông trọng điểm, đường sắt cao tốc Bắc - Nam, điện hạt nhân, thu hút “đại bàng” công nghệ, tạo hiệu ứng lan tỏa cho nền kinh tế. Các doanh nghiệp hạ tầng, vật liệu xây dựng, logistics, bất động sản được kỳ vọng hưởng lợi lớn.

Thị trường tài chính – tiền tệ

Năm 2025, thị trường tài chính và tiền tệ Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục phát triển với những định hướng và mục tiêu cụ thể nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và duy trì ổn định vĩ mô.

Chính sách tiền tệ linh hoạt và kiểm soát lạm phát: Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động và linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa để kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Mục tiêu là hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đạt 8% và giữ lạm phát dưới 4,5%. Ngân hàng Nhà nước sẽ theo dõi sát sao diễn biến kinh tế toàn cầu và trong nước để đưa ra các biện pháp điều hành phù hợp.

Tăng trưởng tín dụng hợp lý: Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16% trong năm 2025, với khả năng điều chỉnh linh hoạt tùy theo diễn biến kinh tế thực tế.

Dòng vốn tín dụng sẽ được ưu tiên cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là nông nghiệp và nông thôn, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản.

Lãi suất và tỷ giá ổn định: Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành lãi suất hợp lý, yêu cầu các tổ chức tín dụng cắt giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn. Tỷ giá sẽ được điều hành linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường và các cân đối vĩ mô, nhằm duy trì sự ổn định của đồng Việt Nam trước những biến động quốc tế.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được kỳ vọng sẽ duy trì tăng trưởng nhưng có nhiều biến động.

Khả năng nâng hạng thị trường theo tiêu chuẩn quốc tế hứa hẹn thu hút dòng vốn lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài, trong bối cảnh kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng cao. Tuy nhiên, các thách thức như trong thời kỳ Trump 2.0, bất ổn kinh tế toàn cầu, lạm phát và xung đột địa chính trị kéo dài vẫn là rủi ro tiềm tàng, đòi hỏi chính sách điều hành linh hoạt và hiệu quả từ các cơ quan quản lý.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Thị trường bảo hiểm dự kiến sẽ tiếp tục đà tăng trưởng khả quan trong năm 2025 nhờ sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế, tiêu dùng nội địa, hoạt động xuất nhập khẩu, tăng trưởng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như đẩy mạnh tiến độ giải ngân các dự án đầu tư công.

Các doanh nghiệp sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ và sản phẩm để tăng cường trải nghiệm cho khách hàng nhằm tạo sự khác biệt và tăng độ nhận biết trong một thị trường bảo hiểm mang tính cạnh tranh cao.

Xu hướng “soft” của thị trường tái bảo hiểm quốc tế đã quay trở lại trong mùa tái tục 2024/2025 vừa qua và sẽ có những tác động đa chiều đến các hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm của các doanh nghiệp. Với xu hướng này, dự kiến tình hình cạnh tranh trong khai thác trên thị trường (đặc biệt với các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại) sẽ khó có những cải thiện tích cực trong năm 2025.

Toàn cảnh rủi ro của VINARE

Trong hoạt động kinh doanh VINARE phải đối mặt với rất nhiều loại hình rủi ro đa dạng. Có thể kể đến là các rủi ro cốt lõi trong hoạt động kinh doanh chính, các rủi ro từ những thay đổi trong kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính; các rủi ro liên quan tín nhiệm của các đối tác; các rủi ro liên quan đến con người, hệ thống phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Về cơ bản, toàn cảnh rủi ro của VINARE được thể hiện như sau:



Các rủi ro chính

Rủi ro bảo hiểm

- Tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ cao: mức phí thu được từ các hợp đồng tái bảo hiểm không đủ để chi trả bồi thường và bù đắp chi phí hoạt động của Tổng công ty
- Rủi ro liên quan đến trích lập dự phòng bồi thường: Trích lập dự phòng bồi thường không đầy đủ, không chính xác, không tuân thủ phương pháp đã đăng ký và được cơ quan quản lý phê duyệt
- Rủi ro liên quan đến thảm họa: Là rủi ro khi tỷ lệ bồi thường thực tế lớn do có sự kiện thảm họa xảy ra như thiên tai, diễn biến thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tổn thất đặc biệt lớn

Rủi ro thị trường tài chính

- Rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với các khoản đầu tư có lãi cố định như tiền gửi, trái phiếu
- Rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường đối với các hoạt động thanh toán nhận tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm
- Rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu, chứng khoán phái sinh, góp vốn cổ phần đang thực hiện
- Rủi ro không tương xứng về thời hạn của tài sản đầu tư và trách nhiệm phải trả phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm

Rủi ro hoạt động

- Rủi ro liên quan đến việc thiết lập không đầy đủ và không tuân thủ các quy định nội bộ và quy trình nghiệp vụ
- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và an ninh mạng
- Rủi ro liên quan đến gián đoạn kinh doanh

Rủi ro đối tác

- Rủi ro liên quan đến việc đối tác không thực hiện được các cam kết thanh toán trong hoạt động tái bảo hiểm và trong hoạt động đầu tư của Tổng công ty

Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro Tổng công ty không có đủ tiền để đáp ứng được khả năng thanh toán cho các khoản phải trả đến hạn.

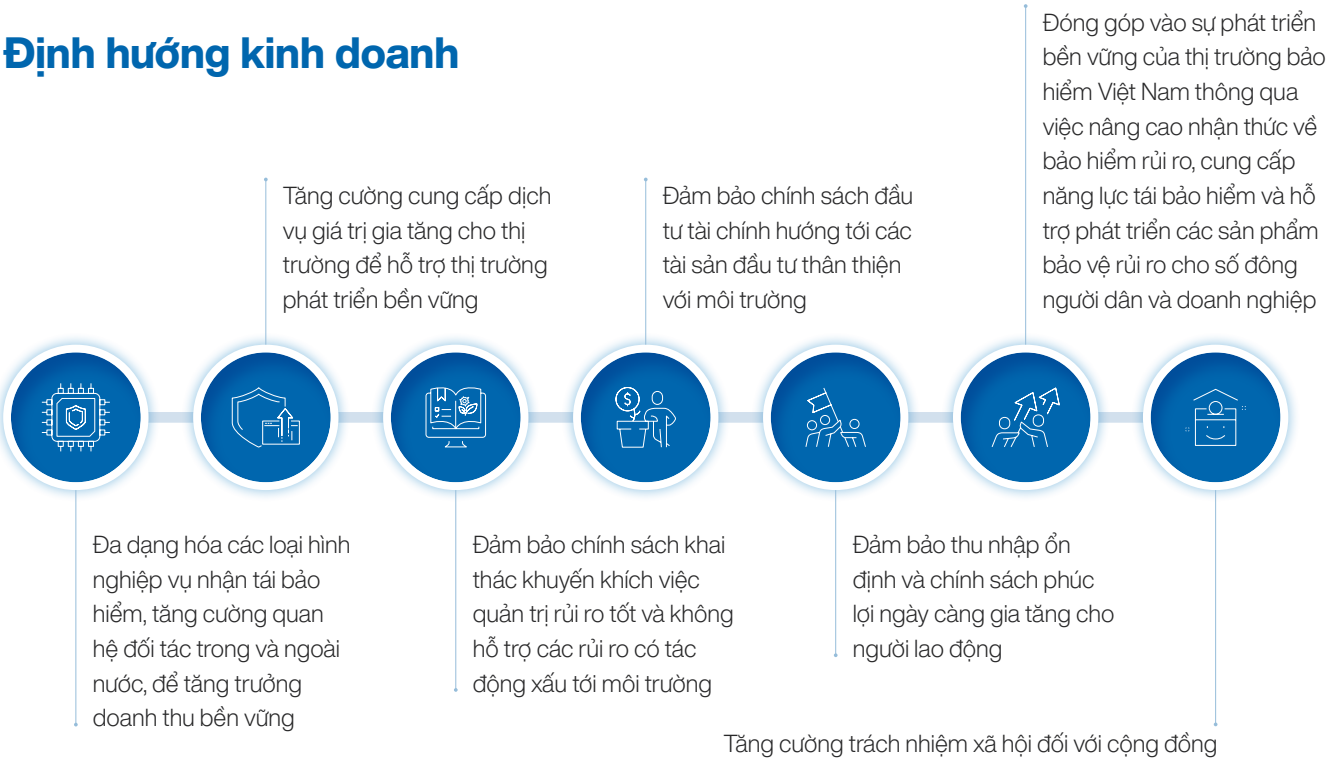
Chiến lược kinh doanh & chiến lược phát triển bền vững



Kế hoạch và
lộ trình triển khai

ESG

Định hướng kinh doanh



Sự cần thiết xây dựng định hướng ESG?



Phát triển bền vững, với 3 yếu tố Môi trường (Environment), Xã hội (Social) và Quản trị doanh nghiệp (Governance), đang trở thành chủ đề được quan tâm lớn của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm nói riêng.

Trên thực tế, ESG là một xu thế chung không thể đảo ngược. Thế giới giờ đây đang ngày càng đối mặt với các thách thức gia tăng liên tục từ các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị, các công ty tái bảo hiểm quốc tế đều coi ESG là một trong những điều kiện, yêu cầu tiên quyết trước khi quyết định đầu tư hay hợp tác.

Chiến lược kinh doanh & chiến lược phát triển bền vững

Kế hoạch phát triển bền vững của VINARE



Là một doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm và tái bảo hiểm, VINARE có lợi ích quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội bền vững. Mục tiêu của VINARE là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ chất lượng và đáng tin cậy, đồng thời cũng tham gia mạnh mẽ vào các cam kết liên quan đến các yếu tố xã hội, môi trường và cộng đồng.



Mục tiêu ESG

- Xanh hóa các hoạt động kinh doanh
- Thúc đẩy phát triển các sản phẩm bảo hiểm có mức giá hợp lý
- Nâng cao trách nhiệm của cộng đồng đối với sự phát triển bền vững

Nguyên tắc thực hiện ESG

- VINARE áp dụng 4 nguyên tắc do UNEPFI khuyến nghị**
- Xem xét các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm của VINARE.
 - Làm việc cùng với các khách hàng và đối tác kinh doanh của mình để nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, quản lý rủi ro và phát triển các giải pháp.
 - Làm việc cùng với các chính phủ, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác để thúc đẩy rộng rãi hành động trong toàn xã hội về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị.
 - Thể hiện trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc thường xuyên công bố công khai tiến trình thực hiện các Nguyên tắc do UNEPFI khuyến nghị.

Nguyên tắc ESG trong từng lĩnh vực

- Hoạt động nghiệp vụ (Underwriting)**
 - Ưu tiên cung cấp năng lực cho các dự án điện tái tạo và kinh doanh thân thiện với môi trường.
 - Có lộ trình giảm dần, hạn chế cung cấp bảo hiểm cho các nhà máy/dự án nhiệt điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch.
 - Thúc đẩy các nỗ lực R & D trong bảo hiểm tham số cho ngành nông nghiệp.
 - Tích cực tham gia các chương trình bảo vệ rủi ro cho cộng đồng do Chính phủ khởi xướng.
- Hoạt động Đầu tư (Investment)**
 - Tích hợp các tiêu chí ESG vào quy trình đầu tư và các danh mục đầu tư.
 - Lồng ghép các vấn đề ESG vào thực tiễn trước khi đưa ra quyết định đầu tư.
 - Tránh đầu tư liên quan đến hoạt động kinh doanh được xếp hạng ESG thấp.
- Vận hành (Operation)**
 - Ưu tiên chuyển đổi kỹ thuật số trong vận hành văn phòng để giảm việc tiêu thụ giấy.
 - Phân bổ ngân sách thích hợp cho các hoạt động từ thiện và các hoạt động cộng đồng khác.
 - Ưu tiên tiêu thụ các sản phẩm có thể tái chế.
 - Giảm thiểu chất thải cũng như giảm thiểu tiêu thụ nước và điện.
- Quản trị công ty (Governance)**
 - Giám sát tiến độ quản lý các vấn đề ESG và thường xuyên công bố thông tin một cách công khai.
 - Xác định và đánh giá các rủi ro ESG cũng như tác động của chúng đến các hoạt động kinh doanh.
 - Nâng cao nhận thức về rủi ro biến đổi khí hậu thông qua đối thoại với khách hàng, nhân viên và công chúng.

Lộ trình thực hiện ESG

	2025	2035
Tái bảo hiểm các dự án nhiệt điện than nước ngoài (tạm thời)	Loại bỏ hoàn toàn	
Tái bảo hiểm các dự án nhiệt điện than trong nước (tạm thời)	Hạn chế	Loại bỏ hoàn toàn
Tái bảo hiểm Vận chuyển than	Hạn chế	Loại bỏ hoàn toàn
Tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than	Loại bỏ hoàn toàn	
Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than	Không phát sinh mới	Loại bỏ hoàn toàn
Danh mục đầu tư ủy thác	Cân nhắc đến các yếu tố ESG trong các thỏa thuận đầu tư ủy thác	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025

- 58 Báo cáo đánh giá của Ban điều hành
về các hoạt động của VINARE
- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của VINARE



Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Năm 2024, tổng doanh thu phí bảo hiểm của thị trường giảm nhẹ, nhưng tốc độ giảm đã chậm hơn so với năm trước, bảo hiệu khả năng phục hồi. Tuy nhiên, thị trường bảo hiểm Việt Nam đối mặt với sự pha trộn giữa thách thức và cơ hội: Bảo hiểm nhân thọ ghi nhận sự sụt giảm về doanh thu phí bảo hiểm, tiếp tục xu hướng từ năm 2023. Nguyên nhân đến từ những khó khăn kinh tế và sự giảm sút niềm tin của người tiêu dùng, đặc biệt trong mảng bancassurance. Bảo hiểm phi nhân thọ

cho thấy sự bền bỉ, với doanh thu phí bảo hiểm tăng hơn 10%, chủ yếu nhờ vào bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới.

Trong bối cảnh đó, VINARE đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ trong năm 2024. Bên cạnh việc tập trung phát triển mảng nghiệp vụ cốt lõi, VINARE đã chủ động triển khai nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước.



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024



Những tiến bộ đã đạt được



Tình hình tài chính



Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý



Kế hoạch kinh doanh 2025

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024



Trước bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ghi nhận những hiệu ứng tích cực của sự phục hồi thì thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ phải đối mặt với áp lực chưa từng có do cơn bão cổ 3 (Yagi) gây ra thiệt hại nghiêm trọng về con người, tài sản cho nền kinh tế với ước tính giá trị

tổn thất lên đến hơn 400 triệu USD. Tổn thất do bão Yagi đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ của hầu hết các doanh nghiệp và tác động trực tiếp đến mùa tái tục 2024/2025 vừa qua.

Tuy nhiên với sự ủng hộ của các cổ đông, đối tác luôn đồng hành lâu dài với VINARE, sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, cùng toàn thể cán bộ, VINARE đã hoàn thành kế hoạch năm 2024. Tổng doanh thu năm 2024 ghi nhận con số 3.703 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 3.153 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2023 và đạt 108,1% kế hoạch năm được giao, doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt gần 448 tỷ đồng.



Doanh thu từ hoạt động đầu tư

448
TỶ ĐỒNG

Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2024

Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm 2024 đạt 3.153 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2023 và đạt 108,1% kế hoạch năm.



Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm 2024

3.153
TỶ ĐỒNG

Mức tăng trưởng tốt về doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm đến từ nỗ lực mở rộng thị phần nhận dịch vụ trong nước và quốc tế, đồng thời đảm bảo quản trị chặt chẽ rủi ro và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ của Tổng công ty. Trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi (gồm Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải và các nghiệp vụ Hỗn hợp) đạt 2.904 tỷ VND, tăng trưởng 14,3% so với cùng kỳ và đạt 104,5% kế hoạch năm. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm của các nghiệp vụ Kỹ thuật, Hỗn hợp và Xe cơ giới tăng trưởng tốt so với năm 2023 và đạt cao so với kế hoạch nhờ vào sự tăng trưởng tốt của thị trường, sự tham gia mới các hợp đồng sức khỏe, xe cơ giới của một vài doanh nghiệp trong nước và một số hợp đồng nước ngoài. Nghiệp vụ Tài sản ghi nhận doanh thu tăng 4,5% so với năm trước, song chỉ đạt 89,4% kế hoạch, chủ yếu do tác động từ Nghị định 67. Các nghiệp vụ Hàng hải tăng trưởng thấp (1,8%) do nghiệp vụ Hàng hóa giảm 6,2% và Thân tàu giảm 10%.



Doanh thu phí giữ lại

1.740
TỶ ĐỒNG

Với mảng nghiệp vụ phi cốt lõi không nằm trong trọng tâm tăng trưởng, doanh thu phí nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng đạt 250 tỷ VND, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu phí giữ lại đạt 1.740 tỷ VND, tăng 26,2% so với cùng kỳ

Doanh thu phí giữ lại các nghiệp vụ cốt lõi đạt 1.490 tỷ VND, tăng 20% so với cùng kỳ và doanh thu phí giữ lại nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng đạt 250 tỷ VND, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm trước.



Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại

Tăng
271
TỶ ĐỒNG

Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 271 tỷ VND

Tổng tổn thất do bão Yagi thuộc trách nhiệm nhận tái bảo hiểm của VINARE tính đến 31/12/2024 là 570 tỷ VND, trách nhiệm thuộc mức giữ lại là 288 tỷ VND. Trong đó, nghiệp vụ Tài sản chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, với tổn thất thuộc trách nhiệm giữ lại lên đến 214 tỷ VND, nghiệp vụ Kỹ thuật 57 tỷ VND, nghiệp vụ Hàng hải 16,6 tỷ VND.

Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Các tổn thất lớn 2024

(Một số tổn thất lớn nhất theo trách nhiệm nhận của VINARE)

Đơn vị: USD

Tổn thất	Nghệp vụ	Ngày tổn thất	100% tổn thất	TN nhận VNR	TNGL VNR
YAGI – EAR – REFRIGERATE LPG STORAGE - LPG	Kỹ thuật	07/09/2024	13.370.000	3.275.650	601.953
JINKO SOLAR 2	Tài sản	07/09/2024	15.000.000	1.174.737	551.207
VIEN DONG 3	P&I	07/11/2024	909.960	755.156	125.574
WIHA VIETNAM	Tài sản	08/11/2024	2.520.000	504.000	302.400
YURA CORPORATION VINA	Tài sản	07/09/2024	2.018.571	498.587	135.647
WILMAR FLOUR	Tài sản	07/09/2024	7.257.668	434.574	260.746
YAGI – CÔNG TY CỔ PHẦN CANG HAI PHONG	Kỹ thuật	07/09/2024	3.725.885	409.847	53.533

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính 2024

Đánh giá phân bổ tài sản đầu tư 2024

Lợi nhuận danh mục đầu tư giai đoạn 2020-2024

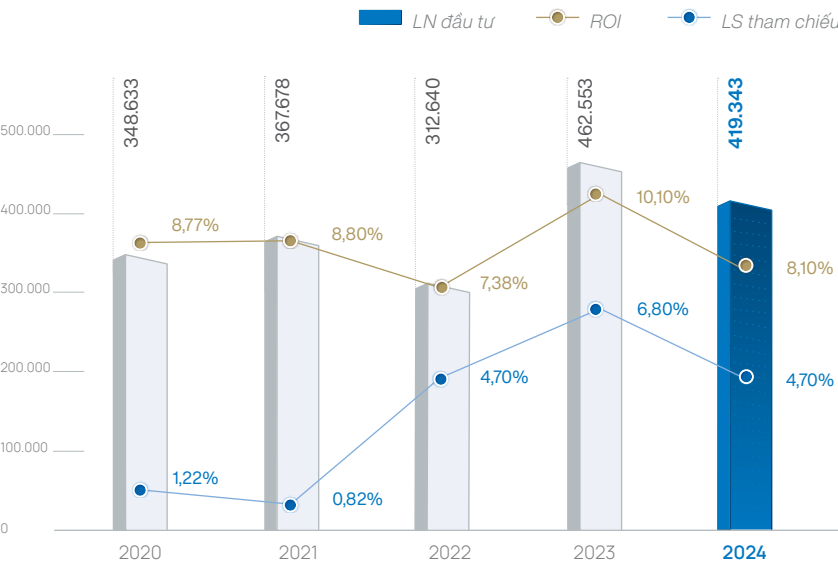
Đơn vị: Triệu VND, %

Tổng tài sản đầu tư đến 31/12/2024 đạt 5.525 tỷ VND, tăng 709 tỷ VND (+12,8%) so với cuối năm 2023.

Việc phân bổ tài sản đầu tư của VINARE tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ và định hướng phân bổ tài sản đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Kết quả hoạt động đầu tư 2024

Môi trường đầu tư có nhiều biến động đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập hoạt động đầu tư năm 2024 của VINARE. Để hạn chế bớt rủi ro, gia tăng hiệu quả, VINARE đã tiến hành cơ cấu lại danh mục tiền gửi và trái phiếu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong dài hạn.



Đánh giá tình hình tài chính

Tài sản hợp nhất

Tổng tài sản hợp nhất năm 2024 của Tổng công ty đạt 8.777 tỷ đồng tăng 9,7% so với năm 2023 (8.002 tỷ đồng). Tài sản đầu

tư tiếp tục là danh mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của VINARE, chiếm tỷ lệ 65,5% (năm 2023 là 62,5%).

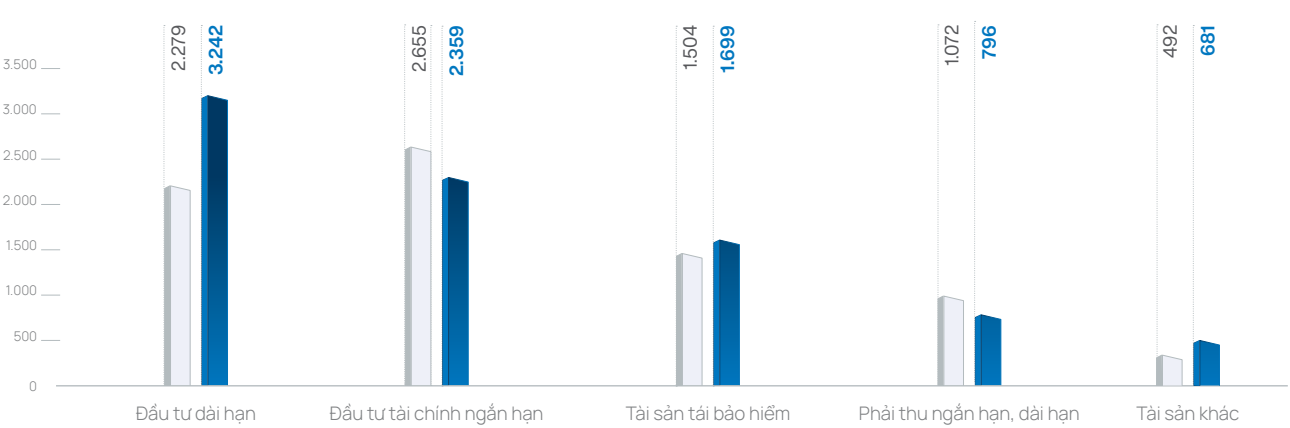
Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2020-2024

Danh mục tài sản	2024		2023		2022		2021		2020	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Đầu tư dài hạn	3.242	36,94	2.279	28,49	1.948	27,33	1.676	23,42	2.001	28,68
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.359	26,88	2.655	33,18	2.448	34,36	2.556	35,71	2.053	29,43
Tài sản tái bảo hiểm	1.699	19,35	1.504	18,79	1.441	20,22	1.618	22,61	1.463	20,97
Phải thu ngắn hạn, dài hạn	796	9,07	1.072	13,39	759	10,65	775	10,83	737	10,57
Tài sản khác	681	7,76	492	6,15	530	7,44	532	7,43	722	10,35
Cộng	8.777	100	8.002	100	7.126	100	7.157	100	6.976	100

Tài sản hợp nhất theo khoản mục chính (2023-2024)

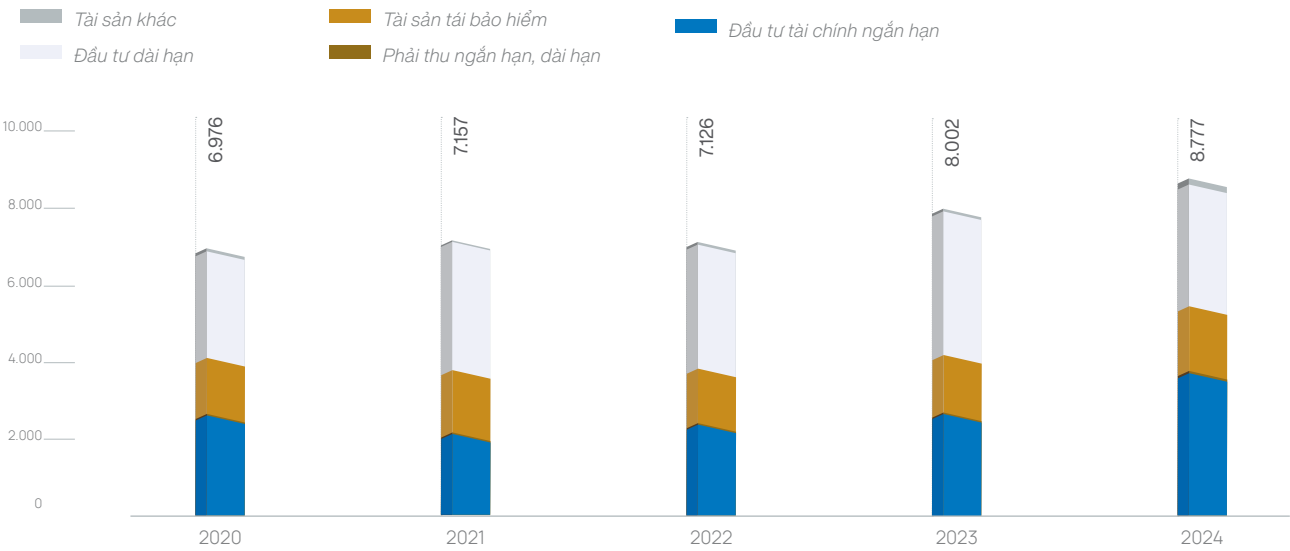
2023 2024

Đơn vị: Tỷ đồng



Tài sản hợp nhất 2023-2024 theo khoản mục chính (2020-2024)

Đơn vị: Tỷ đồng



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2024 & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025

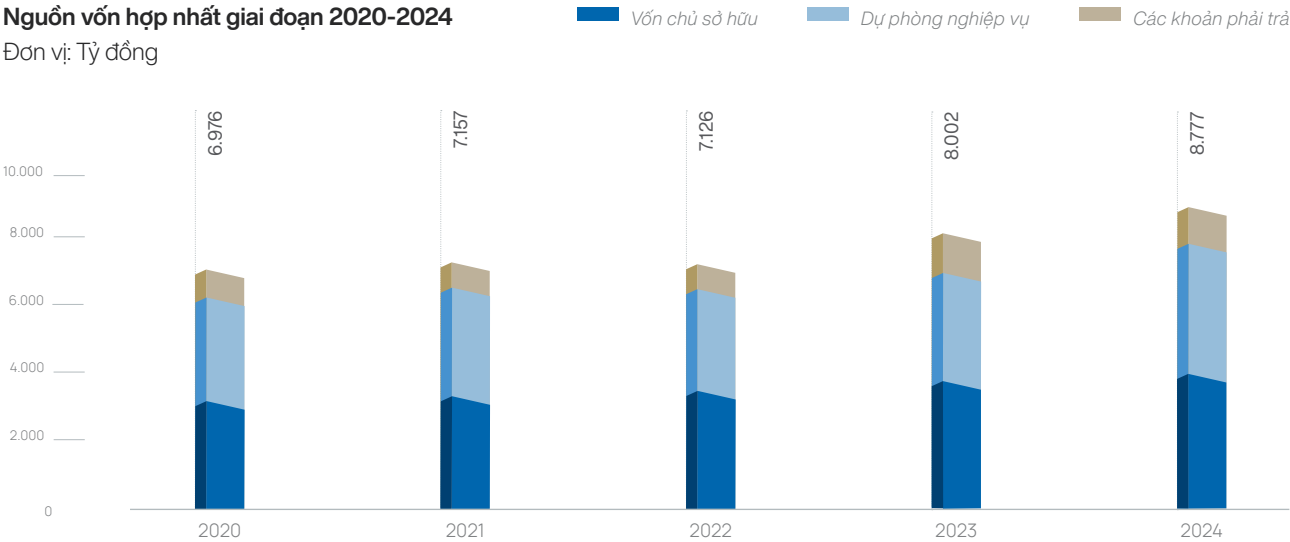
Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Nguồn vốn hợp nhất

	2024		2023		2022		2021		2020	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Vốn chủ sở hữu	3.944	45%	3.717	46%	3.457	49%	3.286	46%	3.145	45,1%
Dự phòng nghiệp vụ	3.733	43%	3.117	39%	2.938	41%	3.137	44%	3.006	43,1%
Các khoản phải trả	1.100	12%	1.168	15%	731	10%	734	10%	825	11,8%
Cộng	8.777	100%	8.002	100%	7.126	100%	7.157	100%	6.976	100%

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2020-2024

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn vốn chủ sở hữu hợp nhất năm 2024 đạt 3.944 tỷ đồng tăng 227 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Quý dự phòng nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm tăng 616 tỷ đồng. Tổng công ty luôn tuân thủ việc trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo các phương pháp đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, thể hiện trách nhiệm và các cam kết của Tổng công ty với khách hàng được đảm bảo.



Biên khả năng thanh toán

Biên khả năng thanh toán của VINARE được tính toán dựa trên quy định tại các điều 63, 64, 65 Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Điều 20 Thông tư số 50/2017/TT-BTC (có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027):

- 1

Biên khả năng thanh toán tối thiểu là số lớn hơn của các kết quả tính toán sau
 - i. 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;
 - ii. 12,5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.
- 2

Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản (sau khi giảm trừ giá trị) và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

TT	Chỉ tiêu	2024	2023
1	Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	3.657	3.446
2	Giá trị tài sản bị loại trừ tính biên khả năng thanh toán	1.049	949
3	Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty	2.608	2.497
4	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	435	345
5	So sánh (3) và (4)		
	- Giá trị tuyệt đối	2.173	2.152
	- Tỷ lệ phần trăm	599%	725%

Biên khả năng thanh toán của VINARE cao gấp nhiều lần so với Biên khả năng thanh toán tối thiểu, vượt xa so với yêu cầu của uy định hiện hành.

Các chỉ tiêu môi trường

Xin tham khảo Chương VI – Các tiêu chuẩn về môi trường.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Xin tham khảo Chương VI – Các tiêu chuẩn về xã hội.

Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Trách nhiệm đối với cộng đồng

Xin tham khảo Chương VI – Phân tích các tác động của VINARE liên quan đến phát triển bền vững – Tác động đến sự phát triển của xã hội.

Phương hướng nhiệm vụ và Kế hoạch kinh doanh 2025

Dự báo tình hình kinh tế 2025

Xin tham khảo Chương III – Môi trường kinh doanh – Dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam 2025.

Dự báo tình hình thị trường bảo hiểm – tái bảo hiểm 2025

Xin tham khảo Chương III – Môi trường kinh doanh – Triển vọng thị trường bảo hiểm Việt Nam 2025



Định hướng Mục tiêu giai đoạn 2025-2029

Định hướng kinh doanh

Định hướng chung: hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả lâu dài của doanh nghiệp; đảm bảo quyền lợi tối ưu của cổ đông, người lao động và các đối tác đồng hành với VINARE; hướng đến xếp hạng tín nhiệm quốc tế “A-” hoặc cao hơn khi có điều kiện thuận lợi.

Trong lĩnh vực kinh doanh Tái bảo hiểm: Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cẩn trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số.

Trong lĩnh vực đầu tư: Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An Toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.

Kế hoạch kinh doanh 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tăng trưởng
Tổng doanh thu (bao gồm Doanh thu bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan)	3.594.000	3.328.703	8,0%
Lợi nhuận trước thuế	503.000	465.332	8,1%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE



Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Tổng giám đốc và nỗ lực của tập thể Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên, VINARE đã nỗ lực hết sức để hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2024. VINARE tiếp tục khẳng định Thương hiệu số 1 trên thị trường tái bảo hiểm Việt Nam, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị **Nguyễn Anh Tuấn** đánh giá

Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Anh Tuấn đánh giá những thành tựu VINARE có được năm 2024 là nhờ sự đoàn kết trong nội bộ từ cấp cao là Hội đồng quản trị, sự phối hợp hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, nhất là sự ủng hộ quý báu của các cổ đông lớn, các đối tác đã liên tục đồng hành với VINARE. VINARE tự tin là nhà tái bảo hiểm quốc gia (National Reinsurer) bởi bên cạnh lợi ích của doanh nghiệp, VINARE

còn tích cực đóng góp vào sự phát triển của cả thị trường bảo hiểm. Trong nhiều năm qua, VINARE vẫn đóng vai trò là một cầu nối quan trọng trong quan hệ với các tổ chức quốc tế, là đầu mối cung cấp thông tin trung lập cho toàn thị trường bảo hiểm. Để “phát triển bền vững” thì doanh nghiệp cần phải tăng trưởng bền vững, được sự ủng hộ của cổ đông và sự gắn bó lâu dài của người lao động.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Hội đồng quản trị đánh giá chung

- Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận nỗ lực của Tổng công ty trong việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2024. Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm. Nhờ đó Tổng công ty đã hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kinh doanh của nhiệm kỳ 5 năm 2020-2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Năng lực cạnh tranh của VINARE đã được cải thiện và nâng tầm.
- Tổng công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

- Ban Điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- Ban Điều hành đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ.
- Ban Điều hành tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Các đề xuất của Ban Điều hành đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Nhà nước, Điều lệ áp dụng với Công ty niêm yết.
- Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty cũng như đã có những giải pháp thích ứng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh:

- » Chú trọng kết nối, hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm để tăng cường khai thác, tối ưu hóa năng lực nhận tái bảo hiểm, tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả;
- » Tiếp tục nâng cao vị thế của VINARE trong nước và khu vực: phát hành định kỳ Bản tin Bảo hiểm – Tái Bảo hiểm song ngữ Anh – Việt;
- » Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập VINARE và các hoạt động gắn kết khách hàng nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập;
- » Triển khai công tác đầu tư vào tài sản đảm bảo an toàn, hiệu quả trong bối cảnh lãi suất tiền gửi biến động, duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư; tiếp tục chú trọng công tác giám sát, xử lý phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp mà VINARE góp vốn;
- » Tiếp tục duy trì và tăng cường năng lực tài chính; thực hiện chương trình kiểm toán nội bộ theo kế hoạch; chú trọng đến việc kiểm soát tuân thủ và quản lý rủi ro thông qua cập

- nhật khung quản trị rủi ro ERM, rà soát, tư vấn pháp lý đối với các vấn đề phát sinh;
- » Tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy trình, quy chế (ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ Thông tin; xây dựng dự thảo Quy chế Văn thư lưu trữ, ...);
- » Tiếp tục áp dụng có hiệu quả phần mềm Tái bảo hiểm cốt lõi (ViCore) đã được đầu tư bài bản;
- » KIỆN TOÀN NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO cấp cao của Tổng công ty (bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng VINARE), kiện toàn nhân sự các cấp đáp ứng nhu cầu công việc;
- » Chủ tịch HĐQT được phân công chịu trách nhiệm về các vấn đề phát triển bền vững, chỉ đạo Tổng công ty tiếp tục thực hiện theo lộ trình ESG đã được HĐQT phê duyệt;
- » Chỉnh trang cơ sở vật chất, cải tạo, sửa chữa tòa nhà văn phòng và làm việc, trang thiết bị đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu công việc; dần triển khai các công việc PCCC theo yêu cầu.

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Hội đồng quản trị thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2025 và các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029.
- Xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu VINARE; tiếp tục nâng cao công tác quản trị điều hành đảm bảo tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật, đồng thời tiến tới áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty.
- Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới; tăng cường giải pháp/ năng lực ái bảo hiểm cho thị trường.
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng; phát triển, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.
- Tiếp tục đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ, đầu tư, quản trị, vận hành.
- Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường).
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
- Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 76 Báo cáo hoạt động của Đại hội đồng cổ đông
- 77 Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- 86 Ban kiểm soát
- 87 Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích
- 93 Hệ thống kiểm soát nội bộ
- 100 Đánh giá thực hiện quản trị công ty



Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE



Quản trị công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để VINARE gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ trong 30 năm qua.

Nguyên tắc và giá trị cốt lõi của quản trị công ty tại VINARE

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, VINARE đã áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam, Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (G20-OECD) và Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN.

Các nguyên tắc quản trị liên quan đến:

- i Quyền của cổ đông
- ii Đối xử bình đẳng với cổ đông
- iii Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan
- iv Công bố thông tin và minh bạch
- v Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

đã được VINARE chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tổng công ty, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề để phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu rộng hơn như nâng cao niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tiếp cận thị trường vốn và mở rộng phạm vi hoạt động trên thị trường khu vực và quốc tế.

Các Nguyên tắc quản trị tại VINARE

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông
- Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan
- Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp
- Đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả

Bên cạnh đó, VINARE cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định của luật pháp Việt Nam bao gồm Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán, trong đó có quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, VINARE đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

10 Nguyên tắc quản trị công ty được VINARE quán triệt thực hiện cụ thể như sau:

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị (HDQT)

- Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HDQT
- Thiết lập một HDQT có năng lực và tính chuyên nghiệp cao
- Đảm bảo tính độc lập của HDQT
- Thiết lập các Ủy ban trực thuộc HDQT
- Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HDQT
- Thiết lập và duy trì Văn hóa đạo đức VINARE

Môi trường kiểm soát

- Thiết lập khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động kiểm toán nội bộ

Công bố thông tin và Minh bạch

- Đảm bảo hoạt động công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch

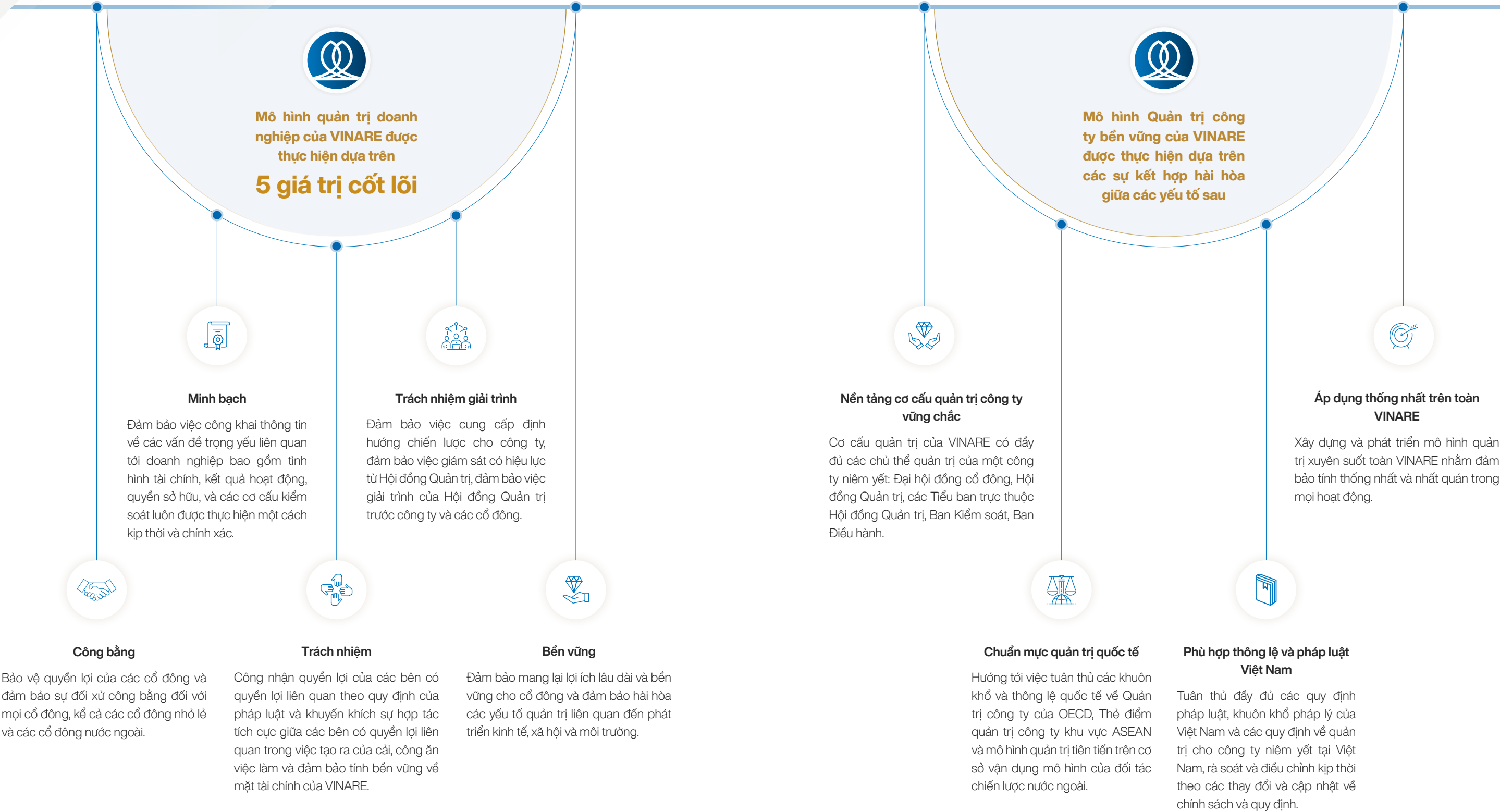
Quyền của Cổ đông

- Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

Quan hệ với các bên hữu quan

- Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan

Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE



Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE

Khung quản trị doanh nghiệp của VINARE

Thành phần & Cơ cấu của HĐQT

(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thủ lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)



- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thủ lao cho HĐQT
- Kế hoạch kế nhiệm

Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)



- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
- Tiểu ban Chiến lược phát triển
- Tiểu ban Nhân sự
- Tiểu ban Thủ lao & Lương thưởng

Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)



- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của VINARE và hiệu quả quản trị
- Chiến lược Công nghệ thông tin
- Quản lý nguồn nhân lực

Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả

(Tham chiếu nội dung tại Chương V Báo cáo thường niên)



- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

Minh bạch & Công bố thông tin

(Tham chiếu nội dung tại Chương VII Báo cáo thường niên)



- Báo cáo tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo

Trách nhiệm của VINARE (xã hội, đạo đức & môi trường)

(Tham chiếu nội dung tại Chương VI Báo cáo thường niên)



- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên/An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

Đào tạo về quản trị công ty

2024



Đào tạo và cập nhật các quy định, kiến thức về quản trị công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người phụ trách quản trị công ty, cán bộ thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị là việc làm thường xuyên liên tục.

Trong năm 2024 có 02 cán bộ tham gia đào tạo về nghiệp vụ Thư ký quản trị công ty (CSMP) của VIOD:

Vũ Thị Mỹ Trang Ban Nhân sự - Tổng hợp
Trần Hiến Chi Ban Nhân sự - Tổng hợp

Các hội thảo về quản trị công ty đã tham dự trong năm 2024

Hội thảo “Thực hành quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ”
(VIOD – tháng 1/2024)

Hội thảo đào tạo về Quản trị Công ty trong khuôn khổ Chương trình nâng cao năng lực giữa Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc

(UBCKNN và Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc – tháng 9/2024)

Diễn đàn “Vì một mùa Đại hội cổ đông đổi mới và hiệu quả”
(Ủy ban Chứng khoán nhà nước và VIOD – tháng 3/2024)

Directors Talk #18: “Đanh tiếng & Niềm tin của Doanh nghiệp - Góc nhìn từ ESG và Quản trị Công ty”

(UBCKNN, VIOD – tháng 9/2024)

Thủ lao Hội đồng quản trị - Xu hướng và thực thi
(VIOD – tháng 3/2024)

Đánh giá Hội đồng quản trị: Khai phóng tiềm năng của Hội đồng quản trị
(VIOD – tháng 4/2024)

Hội thảo giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG
(UBCKNN – tháng 10/2024)

Đào tạo Công bố thông tin và quản trị công ty trên thị trường chứng khoán
(HNX – tháng 6/2024)

Hội thảo “Thực hành ESG trên thị trường chứng khoán Việt Nam - Thực tiễn và giải pháp”
(UBCKNN – tháng 11/2024)

Hội nghị “Tăng cường năng lực quản trị công ty cho các doanh nghiệp niêm yết”
(Ủy ban Chứng khoán nhà nước và VIOD – tháng 7/2024)

Diễn đàn thường niên về QTCT lần thứ 7 (AF7) về Bộ thẻ điểm VNCG50



Báo cáo hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam được tổ chức ngày 23/4/2024 với sự tham dự của các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, đại diện công ty kiểm toán độc lập Pricewaterhouse Coopers.

Cuộc họp đã được tổ chức theo đúng các quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và các quy định pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

Cuộc họp đã tổ chức thành công với tỷ lệ cổ đông tham gia đại diện cho 92,9% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.



Đại hội đã nhất trí thông qua các nội dung:

- Phê duyệt báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2023;
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2023;
- Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập cho năm 2024.



Kết quả thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

- Hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền 10% vào ngày 27/9/2024
- Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 10%
- Lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2024
- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2024



Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị



Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo sự tham gia hiệu quả của Hội đồng Quản trị đối với việc định hướng chiến lược và giám sát công tác quản lý của công ty cũng như trách nhiệm giải trình của Hội đồng Quản trị đối với Công ty và cổ đông.

Các Nguyên tắc Quản trị công ty của G20-OECD 2023

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Thông tin đã cung cấp tại trang 20 (Giới thiệu Lãnh đạo VINARE – Hội đồng Quản trị)

Tiêu chí để cử thành viên Hội đồng Quản trị VINARE

Tuân thủ

quy định pháp luật



- Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các quy định pháp luật liên quan.

Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm làm việc



- Có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực bảo hiểm và tái bảo hiểm, tài chính, pháp luật;
- Có kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành bảo hiểm hoặc các ngành liên quan; đã và đang giữ các vị trí quản lý trong các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm, tài chính hoặc các ngành có liên quan.

Trình độ học vấn



- Tốt nghiệp đại học trở lên, ưu tiên các ngành liên quan đến bảo hiểm, tài chính, kinh tế, pháp luật, quản trị kinh doanh.

Tính độc lập khách quan và Đạo đức nghề nghiệp



- Không có mối quan hệ lợi ích với các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, hoặc Ban Điều hành;
- Có khả năng đưa ra các quyết định khách quan và độc lập;
- Có đạo đức nghề nghiệp và uy tín trong lĩnh vực hoạt động.

Ưu tiên



- **Giới tính:** hướng đến mục tiêu có tối thiểu 1/3 số thành viên là nữ;
- **Độ tuổi:** hướng đến mục tiêu đa dạng về độ tuổi.

Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của VINARE trong năm 2024 đã luôn nỗ lực nâng cao vị thế và vai trò của mình để đảm bảo thực thi đầy đủ các vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng Quản trị đối với hoạt động của Tổng công ty.

VINARE nỗ lực thiết lập một Hội đồng Quản trị có năng lực và chuyên nghiệp, có sự đa dạng về chuyên môn, kỹ năng, quan điểm, giới tính, cũng như đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

Cấu trúc, văn hoá Hội đồng Quản trị

Đóng góp



- Chuẩn bị cho cuộc họp
- Tích cực đóng góp, tham gia ý kiến tại cuộc họp
- Hiểu biết về thị trường và chuyên môn tài chính – bảo hiểm
- Đóng góp cho chiến lược của công ty
- Đóng góp cho các quyết định quan trọng

Kỹ năng



- Đảm bảo tính độc lập và khách quan của thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành
- Tổng giám đốc – phối hợp với Hội đồng Quản trị
- Chủ tịch – Vai trò lãnh đạo của Hội đồng Quản trị
- Hiệu quả đóng góp

Giám sát



- Hiểu biết rõ về hoạt động của cơ quan, tổ chức
- Chất vấn mang tính xây dựng đối với Giám đốc điều hành và các thành viên Hội đồng Quản trị khác
- Xử lý mâu thuẫn, xung đột
- Quản lý khủng hoảng

Tài chính, tuân thủ và pháp lý



- Đánh giá năng lực tài chính
- Kiểm soát tài chính và kiểm soát nội bộ
- Quản lý rủi ro
- Trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động và các đối tác bên ngoài



Các danh hiệu và thành tích về Quản trị công ty đã đạt được trong năm 2024



TOP 10 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất năm 2023-2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TOP 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa của Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA)

TOP 10 Doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất của Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA)

Đạt danh hiệu **Doanh nghiệp đạt Chuẩn Công bố thông tin năm 2024** (Vietstock)

VNCG50
VINARE nằm trong danh sách **VNCG 50**, là một trong số 42 doanh nghiệp niêm yết có điểm Quản trị Công ty tốt nhất Việt Nam năm 2024, được đánh giá và công bố lần đầu tiên vào tháng 12 năm 2024 bởi Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) với sự đồng hành của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).



Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hoạt động ESG của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị VINARE đã xây dựng một tầm nhìn rõ ràng về ESG, chiến lược phát triển bền vững cho doanh nghiệp và sự chuẩn bị để thích ứng với biến đổi khí hậu.

Năm 2024, theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực thi lộ trình ESG đã được phê duyệt trong năm 2022 theo các nguyên tắc sau:



Môi trường

Thúc đẩy các giải pháp chuyển giao rủi ro nhằm hỗ trợ các ngành nghề và hoạt động kinh doanh thân thiện với môi trường, đồng thời giảm dần và tiến tới dừng hỗ trợ cung cấp năng lực tái bảo hiểm cho các ngành nghề và hoạt động kinh doanh gây hại nhiều nhất cho môi trường.



Xã hội

Đảm bảo việc đối xử và tạo cơ hội nghề nghiệp bình đẳng, nâng cao chế độ phúc lợi cho cán bộ nhân viên. Tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện cho cộng đồng.



Quản trị

Đảm bảo cơ cấu quản trị công ty theo các nguyên tắc và thông lệ tốt nhất của Việt Nam, ASEAN và OECD.



Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Điều hành

Tham khảo Chương IV – Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của VINARE

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị



Tiểu ban Chính sách phát triển

- Trong năm 2024, Tiểu ban Chính sách phát triển tổ chức họp 02 lần để thảo luận một số nội dung và có ý kiến tham mưu Hội đồng quản trị về:
 - Các giải pháp thực hiện yêu cầu của Luật Kinh doanh Bảo hiểm về vốn trên cơ sở rủi ro
 - Phương án nâng cao năng lực tài chính giai đoạn 2024-2027 của VINARE
 - Báo cáo tác động của cơn bão số 3
 - Phương án tái cơ cấu danh mục góp vốn cổ phần
- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024 và kế hoạch 5 năm 2020 - 2024
- Chỉ đạo và giám sát việc thực thi lộ trình ESG



Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng

- Duy trì chính sách lương thưởng đã áp dụng trong năm 2023
- Thay đổi tiêu thức giao đơn giá tiền lương điều chỉnh/bổ sung theo kết quả kinh doanh của người quản lý doanh nghiệp chuyên trách.
- Triển khai công bố thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành theo quy định của pháp luật



Tiểu ban Nhân sự

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tổng công ty
- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc kiện toàn nhân sự Lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty: rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành; bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng VINARE.

Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Báo cáo của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Tuyên bố về tính độc lập của Thành viên HĐQT độc lập

HĐQT VINARE có 02 thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về thành viên HĐQT độc lập:

- Ông **Phạm Phan Dũng**
- Bà **Anna Lee On Wah**

- 1

Không phải là người đang làm việc cho VINARE hay công ty liên doanh/liên kết của VINARE;
- 2

Không hưởng lương từ VINARE, trừ khoản thù lao mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- 3

Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của VINARE; là người quản lý của VINARE hoặc công ty con của VINARE;
- 4

Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của VINARE;
- 5

Không phải là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của VINARE trước khi được bầu nhiệm kỳ này.

Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2024 gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất được Chi nhánh Công ty TNHH PriceWaterhouse Coopers Việt Nam kiểm toán. Theo đánh giá của công ty kiểm toán, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của VINARE.

Tình hình tài chính

- Năng lực tài chính của VINARE: AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát

Tình hình hoạt động

Kết quả kinh doanh năm 2024

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm	3.153.316	2.677.422	17,8%
Lợi nhuận trước thuế	465.332	473.642	-1,8%

VINARE đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy định, quy trình và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

hành (ICR) mức “bbb+” (Tốt); xếp hạng tín nhiệm trong phạm vi quốc gia (National Scale Rating – NSR) aaa.VN - mức cao nhất tại Việt Nam với triển vọng ổn định.

- VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức đều đặn hàng năm ở mức cao.

Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VINARE, công ty con của VINARE với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó

VINARE và công ty con của VINARE là VINARE Invest không có giao dịch với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác trong Tổng công ty.

Đối với các giao dịch giữa VINARE và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, giao dịch giữa VINARE với các công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (sau đây gọi chung là các giao dịch với bên có liên quan) trong năm 2024, Hội đồng quản trị VINARE đã có Quyết định số 25/2024/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024, theo đó:

“Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các giao dịch với Người có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với điều kiện:

- Giá trị của mỗi giao dịch không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VINARE.
- Mỗi giao dịch phải được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật.
- Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị tóm tắt về các giao dịch với bên/người có liên quan của Người nội bộ sau khi kết thúc năm tài chính và xác nhận rằng tất cả các điều kiện nói trên đã được tuân thủ đầy đủ.”

Đánh giá việc thực hiện các giao dịch với bên có liên quan trong năm 2024:

Với đặc điểm cơ cấu cổ đông có tới 7 cổ đông là các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường bảo hiểm – tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, trong đó có 5 cổ đông có đại diện tham gia Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, VINARE có các giao dịch với bên có liên quan là các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, cụ thể là với Swiss Re, Bảo Việt, Bảo Minh, FJICO, BIC.

Ngoài ra VINARE có khoản đầu tư góp vốn tại một số doanh nghiệp bảo hiểm khác trên thị trường Việt Nam và cử người quản lý điều hành tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp này, việc này cũng làm phát sinh giao dịch với một số bên có liên quan khác là các doanh nghiệp bảo hiểm, cụ thể là PTI, SVI, ABIC, GIC, BHV.

Các giao dịch với bên có liên quan như trên là các giao dịch kinh tế mang tính thường xuyên và là cốt lõi trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của VINARE. Các giao dịch đã được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật và trên cơ sở ngang giá và công bằng, đồng thời báo cáo chi tiết và đầy đủ tại các Báo cáo quản trị công ty năm và bán niên và công bố thông tin công khai theo quy định.

Báo cáo của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Kết quả đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của VINARE đã được thiết lập và vận hành đáp ứng quy định của Thông tư 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022.

Báo cáo quản lý rủi ro của VINARE được cập nhật định kỳ hàng năm, phản ánh đầy đủ và chi tiết các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của VINARE và các giải pháp ứng phó với rủi ro.

Hệ thống kiểm soát nội bộ được giám sát bởi Bộ phận Kiểm toán nội bộ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Tổng công ty.

Hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về việc thực hiện kiểm toán nội bộ và các quy định có liên quan của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ, các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ và tình hình thực hiện các khuyến nghị.

Định kỳ hàng quý và hàng năm, Hội đồng quản trị xem xét Báo cáo của Chuyên gia tính toán (Actuary) về thực trạng tình hình tài chính, dự báo tình hình tài chính tương lai của doanh nghiệp,

chỉ nhánh; tình hình hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, chỉ nhánh trong đó nêu các rủi ro phát sinh và đề xuất về tài sản đầu tư, thời hạn đầu tư của từng loại tài sản, đảm bảo tương xứng giữa thời hạn của tài sản đầu tư với các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm; tình hình và dự báo tình hình tương lai về tổn thất, dự phòng, hiệu quả nghiệp vụ bảo hiểm.

Đánh giá đối với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Điều hành không ghi nhận kết luận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị đã cử đại diện tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Điều hành, phân tích, phản biện và tham mưu với Ban Điều hành nhằm đạt được giải pháp tối ưu cho lợi ích của Tổng công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2024

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2024/QĐ- HĐQT	07/02/2024	Tạm giao kế hoạch kinh doanh 2024 và kế hoạch công tác 2024 cho Ban Điều hành
2	Quyết định số 03/2024/QĐ- HĐQT	01/03/2024	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2024
3	Quyết định số 04/2024/QĐ-HĐQT	22/03/2024	Phê duyệt phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu ngân hàng
4	Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT	02/04/2024	Nghị quyết phiên họp lần thứ 13, nhiệm kỳ IV
5	Quyết định số 06/2024/QĐ-HĐQT	04/04/2024	Quyết định về việc chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	Quyết định số 07/2024/QĐ-HĐQT	19/04/2024	<ul style="list-style-type: none">Miễn nhiệm ông Mai Xuân Dũng - Tổng Giám đốc VINARE đối với chức danh Người đại diện vốn của VINARE tại Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI) kể từ ngày 24/04/2024.Cử ông Nguyễn Anh Đức - Giám đốc Ban Đầu tư VINARE là Người đại diện vốn của VINARE tại PTI kể từ ngày 24/04/2024.
7	Quyết định số 08/2024/QĐ-HĐQT	19/04/2024	Phê duyệt Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án Cải tạo, sửa chữa tòa nhà văn phòng và làm việc
8	Quyết định số 10/2024/QĐ-HĐQT	06/05/2024	Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập VINARE và các Tiểu ban giúp việc
9	Quyết định số 11/2024/QĐ-HĐQT	24/05/2024	<ul style="list-style-type: none">Miễn nhiệm chức danh Người đại diện vốn của VINARE tại Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI) đối với ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT VINARE kể từ ngày 24/05/2024.Cử ông Nguyễn Mạnh Linh - Phó Tổng Giám đốc VINARE là Người đại diện vốn của VINARE tại SVI kể từ ngày 24/05/2024.
10	Quyết định số 12/2024/QĐ-HĐQT	31/05/2024	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023
11	Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Lựa chọn công ty TNHH PriceWaterhouseCoopers Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
12	Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐQT	28/06/2024	Thông qua danh sách giới thiệu bổ sung quy hoạch nhân sự các chức danh quản trị, điều hành
13	Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT	25/07/2024	Thông qua danh sách quy hoạch nhân sự các chức danh quản trị, điều hành năm 2024
14	Quyết định số 16/2024/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu và giá gói thầu Thi công xây dựng của dự án Cải tạo, sửa chữa tòa nhà văn phòng và làm việc
15	Quyết định số 17/2024/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Phê duyệt E-HSMT (Chào hàng cạnh tranh qua mạng) gói thầu Thi công xây dựng của dự án Cải tạo, sửa chữa tòa nhà văn phòng và làm việc
16	Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐQT	22/08/2024	Nghị quyết phiên họp lần thứ 14, nhiệm kỳ IV
17	Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT	02/10/2024	Phê duyệt việc thay đổi tiêu thức giao đơn giá tiền lương điều chỉnh/bổ sung theo kết quả kinh doanh của người quản lý doanh nghiệp chuyên trách.
18	Quyết định số 20/2024/QĐ-HĐQT	01/11/2024	Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023
19	Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT	06/11/2024	Thông qua chủ trương tiến hành bổ nhiệm Kế toán trưởng
20	Quyết định số 22/2024/QĐ-HĐQT	20/11/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thi công xây dựng dự án: Cải tạo, sửa chữa tòa nhà văn phòng và làm việc
21	Quyết định số 23/2024/QĐ-HĐQT	21/11/2024	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023
22	Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT	22/11/2024	Nghị quyết phiên họp lần thứ 15, nhiệm kỳ IV
23	Quyết định số 25/2024/QĐ-HĐQT	22/11/2024	Thông qua chương trình Tái bảo hiểm 2025; giao dịch với bên có liên quan 2025
24	Quyết định số 26/2024/QĐ-HĐQT	27/11/2024	Bổ nhiệm Kế toán trưởng VINARE
25	Quyết định số 27/2024/QĐ-HĐQT	02/12/2024	Lương Kế toán trưởng


Ban kiểm soát





Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)


Thông tin đã cung cấp tại trang ... (Giới thiệu Lãnh đạo VINARE – Ban Kiểm soát)


Hoạt động giám sát/phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) đối với Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Điều hành và cổ đông/các cán bộ quản lý khác


- 


Tham gia các cuộc họp của HDQT;
- 


Tổ chức họp BKS định kỳ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- 


Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- 

Thực hiện giám sát HDQT, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty;
- 

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- 

Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán;
- 

Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty;
- 

Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HDQT, Ban Điều hành và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng công ty.

Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 12/12/2024		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 20/10/2023	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Nguyễn Anh Tuấn	15,26%	0,012%	15,26%	0,012%
2	Mai Xuân Dũng	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	12,97%	0%	12,97%	0%
4	Nguyễn Xuân Việt	9,18%	0%	9,18%	0%
5	Nguyễn Thị Hương Giang	2,50%	0%	2,50%	0%
6	Nguyễn Đình An	8,01%	0%	8,01%	0%
7	Nguyễn Hồng Hoàng Nam	6,43%	0%	6,43%	0%
8	Phạm Phan Dũng	0%	0%	0%	0%
9	Anna Lee On Wah	0%	0%	0%	0%

***/ Ghi chú:** Ủy quyền có thời hạn làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại VINARE từ ngày 03/03/2025 đối với các ông:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn: 15,26%
- Ông Mai Xuân Dũng: 12,13%
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương: số cổ phần làm đại diện: 12,97%

Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Ban Kiểm soát

TT	Thành viên Ban Kiểm soát	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 12/12/2024		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 20/10/2023	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trần Thị Minh Phương	0,82%	0%	0,82%	0%
2	Lê Thị Thanh Hiền	0%	0%	0%	0%
3	Vũ Ngọc Vượng	0%	0%	0%	0%
4	Đào Mạnh Dương	0%	0,044%	0%	0,044%
5	Tushar Chatterjee	0%	0%	0%	0%

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Ban Điều hành

TT	Ban Điều hành	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 12/12/2024		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 20/10/2023	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Mai Xuân Dũng <i>Tổng Giám đốc</i>	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
2	Nguyễn Mạnh Linh <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	0%	0,00002%	0%	0,00002%
3	Đỗ Anh Đức <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	0%	0,054%	0%	0,054%
4	Lưu Thị Việt Hoa <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	0%	0,13%	0%	0,13%
5	Nguyễn Thành Công <i>Kế toán trưởng</i>	0%	0%	0%	0%

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị tối đa là 3,85 tỷ VND/năm.



Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.



Thù lao của Chủ tịch HĐQT chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 25/2/2022.

Hội đồng quản trị

Thu nhập (lương, thù lao, lợi ích khác) của thành viên điều hành

Đơn vị: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (chuyên trách)	2.888.475.988
2	Mai Xuân Dũng	Thành viên, Tổng giám đốc	2.660.234.729

Thu nhập (lương, thù lao, lợi ích khác) của thành viên không điều hành

Đơn vị: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Nguyễn Xuân Việt	Thành viên, Phó Chủ tịch	239.429.101
2	Lee On Wah Anna	Thành viên, Phó Chủ tịch	212.825.868
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	226.183.694
4	Nguyễn Đình An	Thành viên	203.565.325
5	Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	203.565.325
6	Phạm Phan Dũng	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao và Lương thưởng	257.565.325
7	Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên	203.565.325

Ban Kiểm soát

Đơn vị: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	162.335.056
2	Tushar Chatterjee	Thành viên	107.589.129
3	Vũ Ngọc Vượng	Thành viên	121.037.770
4	Đào Mạnh Dương	Thành viên, Giám đốc Marketing VINARE	1.059.116.171
5	Trần Thị Minh Phương	Thành viên	121.037.770

Ban Điều hành


Đơn vị: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Mai Xuân Dũng	Tổng giám đốc	2.660.234.729
2	Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc	2.050.295.940
3	Đỗ Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	1.844.949.281
4	Lưu Thị Việt Hoa	Phó Tổng giám đốc	2.320.460.983
5	Nguyễn Thành Công	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/12/2024)	1.062.570.305


Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích


Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ


Xác định các bên liên quan của người nội bộ


- 


Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt:


 - Ông Nguyễn Xuân Việt, Phó Chủ tịch HĐQT VINARE đồng thời là Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt. Ông Nguyễn Xuân Việt đồng thời giữ chức vụ Thành viên HĐQT, quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.
 - Ông Nguyễn Đình An, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt. Ông Nguyễn Đình An đồng thời giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt và Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO): Bà Nguyễn Thị Hương Giang, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PJICO.
- 


Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re: Bà Anna Lee On Wah, Phó Chủ tịch HĐQT VINARE đồng thời là Trưởng Bộ phận Phát triển sản phẩm mới, P&C tại Đông Nam Á, Hong Kong, Đài Loan, Hàn Quốc & Ấn Độ / Trưởng Bộ phận P&C của Hong Kong và Đài Loan, Swiss Re.
- 

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC): Bà Lưu Thị Việt Hoa, Phó Tổng giám đốc VINARE đồng thời là thành viên BKS GIC.
- 

Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI): Ông Nguyễn Mạnh Linh, Phó Tổng giám đốc VINARE đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên SVI.
- 

Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV): Ông Đỗ Anh Đức, Phó Tổng Giám đốc VINARE đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát BHV.
- 

Công ty cổ phần đầu tư VINARE (VINARE Invest):

 - Ông Đỗ Anh Đức, Phó Tổng Giám đốc VINARE đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE Invest
 - Ông Nguyễn Thành Công, Kế toán trưởng VINARE đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát VINARE Invest.
- 

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (Baoviet Fund - BVF):

 - Ông Nguyễn Xuân Việt, Phó Chủ tịch HĐQT VINARE đồng thời là Thành viên Hội đồng Thành viên BVF.
 - Ông Nguyễn Đình An, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là Thành viên HĐQT BVF.
 - Ông Đỗ Anh Đức, Phó Tổng Giám đốc VINARE đồng thời là Chủ tịch Ban đại diện 02 quỹ mở do BVF quản lý (Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Việt - BVBF và Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt - BVPF).

Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ năm 2024

Trong năm 2024, Tổng công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan - là các công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành đang nắm giữ chức vụ quản lý và chi trả cổ tức cho các cổ đông lớn của Tổng công ty. Thông tin về các giao dịch được trình bày tại bảng sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
				Nội dung	Giá trị giao dịch (VND)	Số lượng hợp đồng
1	Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	274.496.896.157	277
				Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	58.261.530.611	
				Bồi thường nhận tái bảo hiểm	105.767.720.157	
				Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	55.209.561.658	139
				Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.778.833.908	
				Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27.939.073.934	
2	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	266.043.801.862	287
				Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	55.618.401.896	
				Bồi thường nhận tái bảo hiểm	61.564.082.526	
				Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	122.002.849.550	155
				Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	29.136.784.631	
				Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	55.601.074.357	
3	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu (GIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Cổ tức đã trả cho PJICO	4.145.865.000	1
				Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	71.957.317.113	65
				Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	48.817.141.858	
				Bồi thường nhận tái bảo hiểm	63.074.564.222	
				Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	3.450.937.470	56
				Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1.075.845.024	
				Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.767.102.850	
				Doanh thu cho thuê văn phòng (TCT+GIC Hà Nội)	1.340.333.128	2
				Cổ tức đã nhận được từ GIC	660.000.000	1
				Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	169.087.748.788	97
4	Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	108.940.356.707	
				Bồi thường nhận tái bảo hiểm	38.288.548.470	
				Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	55.695.017.027	116
				Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	13.468.913.053	
				Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27.822.169.303	
				Doanh thu cho thuê văn phòng	316.252.512	1

Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
				Nội dung	Giá trị giao dịch (VND)	Số lượng hợp đồng
5	Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	144.498.329.799	174
				Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	28.973.155.801	
				Bồi thường nhận tái bảo hiểm	23.640.551.406	
				Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	-18.258.736	7
				Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-5.865.825	
				Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	85.869.118	
				Cổ tức đã nhận được từ SVI	17.036.801.163	1
6	Swiss Re	Cổ đông lớn /Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	310.135.810.112	65
				Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	108.004.106.034	
				Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	83.847.175.482	
7	Công ty cổ phần Đầu tư VINARE	Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Cổ tức đã trả cho Swiss Re	41.452.770.000	1
				Doanh thu cho thuê văn phòng	158.224.500	1
8	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Cổ đông lớn /Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Hợp đồng ủy thác đầu tư	30,000,000,000	1
9	Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ đông lớn /Bên có liên quan của người nội bộ	Năm 2024	Cổ tức đã trả	13.276.934.000	1
10	Tập đoàn Bảo Việt	Cổ đông lớn	Năm 2024	Cổ tức đã trả cho Tập đoàn Bảo Việt	15.213.927.000	1
11	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Cổ đông lớn	Năm 2024	Cổ tức đã trả cho Bảo Minh	10.660.799.000	1
12	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ đông lớn	Năm 2024	Cổ tức đã trả cho SCIC	66.926.134.000	1

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết - Không có

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Công ty cần thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ và khung quản lý rủi ro một cách hiệu quả. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tối hậu đối với khung quản lý rủi ro của công ty và cần giám sát việc hình thành và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Hội đồng Quản trị cần thiết lập các bộ phận kiểm soát và giám sát hoạt động của các bộ phận này.

Nguyên tắc 7 – Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất Việt Nam

Giới thiệu và tổng quan về hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống Kiểm soát nội bộ của VINARE được xây dựng nhằm đảm bảo tính chính xác, đáng tin cậy của các báo cáo tài chính, bảo vệ tài sản, tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ, cũng như tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Môi trường kiểm soát



Văn hóa doanh nghiệp: Bộ Quy tắc Văn hóa doanh nghiệp VINARE đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ban hành năm 2024.

Phát huy tinh thần “With United Strengths” (tạm dịch Kết nối sức mạnh), VINARE không chỉ nỗ lực khẳng định vị thế trên thị trường bảo hiểm mà còn hướng đến việc xây dựng một nét văn hóa doanh nghiệp đặc trưng, nơi mọi giá trị cốt lõi được hòa quyện và lan tỏa trong từng hoạt động. Văn hóa doanh nghiệp tại VINARE không chỉ là những nguyên tắc hay giá trị trên giấy tờ, mà là hơi thở, là linh hồn định hình mỗi bước phát triển của Tổng công ty.

Với niềm tin rằng một nền văn hóa bền vững sẽ là nền móng vững chắc cho mọi thành công, VINARE chú trọng vào việc tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mọi thành viên đều cảm nhận được sự đồng hành, sẻ chia và sự gắn kết mạnh mẽ. Văn hóa doanh nghiệp của VINARE được thể hiện qua tinh thần trách nhiệm cao, sự đổi mới không ngừng, cùng khát khao chinh phục những đỉnh cao mới.

Đặc biệt, với phương châm “Gắn kết sức mạnh, cộng hưởng giá trị,” VINARE luôn hướng đến việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đối tác và cổ đông, coi đó là trọng tâm để phát triển bền vững. Bằng việc duy trì các giá trị đạo đức kinh doanh, tôn trọng sự đa dạng và khuyến khích tinh thần đổi mới, VINARE không chỉ tạo ra giá trị cho doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng và xã hội.



Cam kết của Hội đồng Quản trị về Hệ thống Kiểm soát nội bộ

Hội đồng quản trị VINARE cam kết xây dựng và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm bảo vệ tài sản của Tổng công ty, đảm bảo tính chính xác và tin cậy của các báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông và các bên liên quan, và đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

- Cam kết về môi trường kiểm soát:** Chúng tôi cam kết tạo ra một môi trường làm việc tích cực, trong đó mọi nhân viên đều nhận thức rõ về tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ các chính sách, quy trình của Tổng công ty.
- Cam kết về đánh giá rủi ro:** Chúng tôi sẽ liên tục đánh giá và quản lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty, đồng thời phát triển các biện pháp phòng ngừa phù hợp để giảm thiểu rủi ro.
- Cam kết về hoạt động kiểm soát:** Chúng tôi sẽ thiết lập và thực hiện các biện pháp kiểm soát cụ thể nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và hiệu quả của các hoạt động kinh doanh. Các biện pháp kiểm soát này sẽ được cập nhật thường xuyên để phù hợp với thay đổi của môi trường kinh doanh.

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Môi trường kiểm soát



Cam kết của Hội đồng Quản trị về Hệ thống Kiểm soát nội bộ

- **Cam kết về thông tin và truyền thông:** Chúng tôi cam kết đảm bảo mọi thông tin quan trọng được truyền đạt chính xác và kịp thời đến tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan. Chúng tôi sẽ xây dựng các kênh thông tin hiệu quả để đảm bảo sự minh bạch và kết nối trong toàn bộ tổ chức.
- **Cam kết về giám sát:** Chúng tôi sẽ thực hiện các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ để đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, đồng thời sẵn sàng tiếp nhận và thực hiện các khuyến nghị cải thiện từ các cuộc kiểm tra độc lập và từ các đơn vị tư vấn.
- **Cam kết về điều chỉnh và cải thiện:** Chúng tôi sẽ liên tục điều chỉnh và cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ dựa trên các kết quả giám sát và đánh giá, nhằm đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát nội bộ luôn đáp ứng được yêu cầu của pháp luật và nhu cầu của công ty.



Cơ cấu tổ chức về Kiểm soát nội bộ

- **Hội đồng quản trị:** có trách nhiệm tổ chức và giám sát toàn bộ hệ thống Kiểm soát nội bộ.
- **Bộ phận Kiểm toán nội bộ:** Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thành lập theo Quyết định số 05/2022/QĐ-VNR ngày 30/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.
Chức năng của Kiểm toán nội bộ: thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, Kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và khuyến nghị về các nội dung sau:
 - » Hệ thống kiểm soát nội bộ đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của VINARE.
 - » Các quy trình quản trị và quản lý rủi ro đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
 - » Các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác đạt được.
- **Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ:** là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức của VINARE với các chức năng nhiệm vụ chính:
 - » Chủ trì thực hiện chương trình Quản lý rủi ro doanh nghiệp (Enterprise Risk Management Framework)
 - » Khảo sát, đánh giá rủi ro được bảo hiểm (Risk Engineering)
 - » Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ tái bảo hiểm (Underwriting Risk Management)
 - » Quản lý rủi ro trong lĩnh vực đầu tư (Investment Risk)
 - » Quản lý rủi ro hoạt động (Operational Risk)
 - » Kiểm soát tuân thủ

Quản trị rủi ro

Với đặc thù của ngành bảo hiểm là kinh doanh rủi ro, việc xây dựng quy trình đánh giá và nhận/nhượng rủi ro một cách chặt chẽ, có kiểm soát là yếu tố tiên quyết để đảm bảo an toàn vốn, gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông. VINARE đã thực hiện quản lý rủi ro một cách có hệ thống, triển khai toàn diện đối với các ban/bộ phận để nhận diện các rủi ro có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, từ đó đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

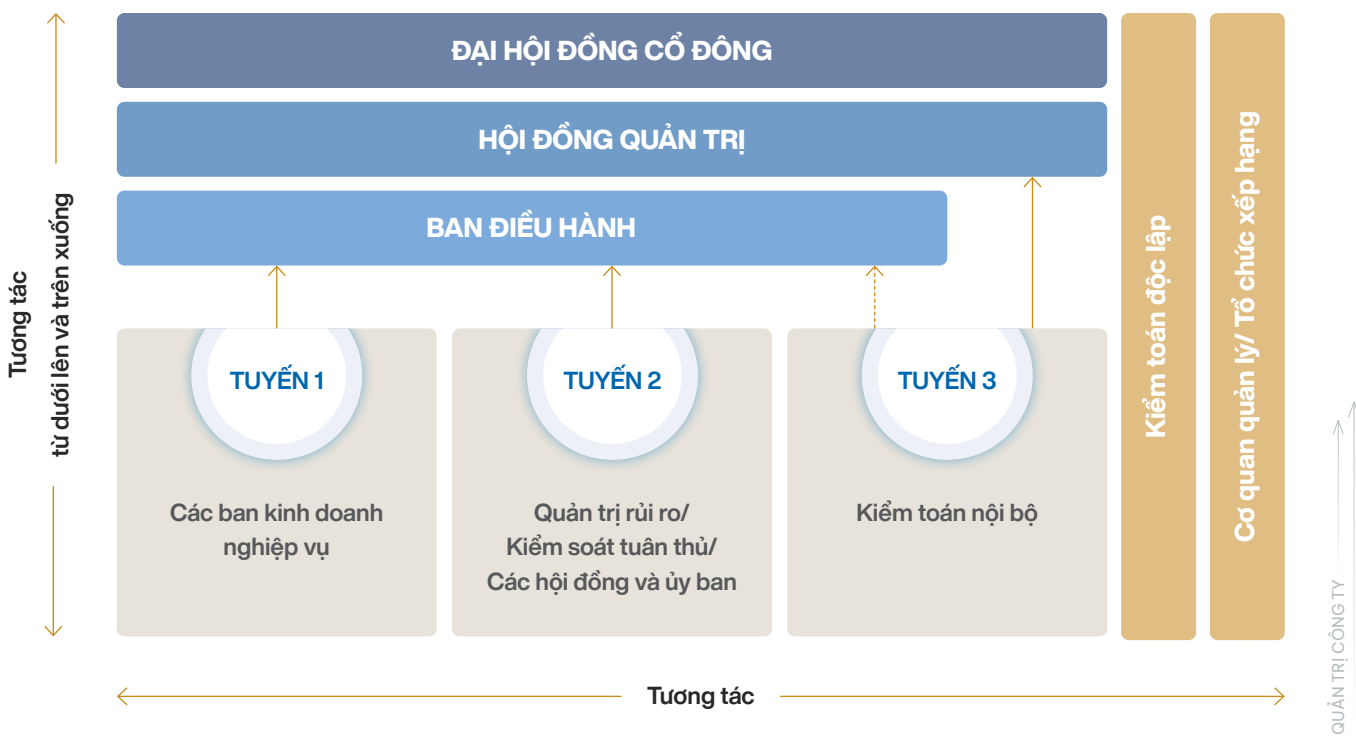
Công tác quản lý rủi ro của VINARE được thực hiện trên nguyên tắc là tất cả các bộ phận trong hệ thống đều phải tham gia vào quá trình quản lý rủi ro để đảm bảo mọi rủi ro trong quá trình kinh doanh của Tổng công ty được nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu.

Vai trò của Hội đồng Quản trị trong quản trị rủi ro



- Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 19/2023/NQ-HDQT ngày 22/11/2023 thông qua Chính sách quản trị rủi ro và Quy định nội bộ về quản trị rủi ro, bao gồm: tuyên bố về khẩu vị rủi ro, các hạn mức rủi ro chính, kịch bản kiểm tra sức chịu đựng và kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp.
- Hội đồng Quản trị đã tiến hành rà soát Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp và tổ chức việc giám sát hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp hiệu quả.
- Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt Báo cáo Quản trị rủi ro hàng năm trước khi báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM)



Hệ thống kiểm soát nội bộ

Đánh giá mức độ đầy đủ của hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp

Thực hiện Thông tư số 70/2022/TT-BTC (Thông tư số 70) của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2022, VINARE đã hệ thống hóa công tác quản trị rủi ro bằng việc xây dựng và ban hành Chính sách quản trị rủi ro, Quy định nội bộ về quản trị rủi ro tuân thủ quy định tại Thông tư số 70. Theo đó, VINARE tổ chức công tác quản trị rủi ro gồm 03 tuyến bảo vệ độc lập hoạt động phối hợp với nhau với nhiệm vụ nhận diện, đánh giá rủi ro, theo dõi, báo cáo Ban Điều hành và Hội đồng quản trị của Tổng Công ty.

Trên cơ sở thực tế hoạt động, Tổng công ty đã nhận diện các rủi ro chính, xác định rõ khẩu vị rủi ro, các hạn mức của các rủi ro chính và biện pháp quản trị rủi ro khi các rủi ro chính có tình trạng, chỉ số đến hoặc gần đến hạn mức đã được nêu ra.

Ngoài ra VINARE cũng đã xây dựng kịch bản kiểm tra sức chịu đựng về vốn và biên khả năng thanh toán, kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp như đã được quy định tại Thông tư số 70.

Quy trình Quản lý rủi ro được thực hiện định kỳ. Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ của Tổng công ty thực hiện việc khảo sát/rà soát, trao đổi với tất cả các Ban kinh doanh nghiệp vụ/ Bộ phận liên quan thông qua mẫu báo cáo RCSA (Risk Control Self Assessment) để nhận diện/cập nhật các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Các Ủy ban, Hội đồng cũng tham gia vào quá trình nhận diện rủi ro thông qua các động hỗ trợ cho Ban Điều hành. Các rủi ro sau khi được nhận diện sẽ được thảo luận đa chiều (giữa các Ban kinh doanh, Ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành) về giải pháp đang thực hiện và mức tác động của các rủi ro đó. Báo cáo rủi ro được lập hàng năm để tổng hợp thông tin, làm cơ sở để theo dõi, đánh giá hiệu quả của các giải pháp đang áp dụng.



Phương thức quản trị các rủi ro chính

Quản trị rủi ro bảo hiểm

Việc quản trị rủi ro bảo hiểm được VINARE thực hiện một cách toàn diện, từng nghiệp vụ, từng hợp đồng tái bảo hiểm. Diễn biến tổn thất bảo hiểm đối với các dịch vụ có liên quan luôn được theo dõi và cập nhật kịp thời. Trước mỗi kỳ tái tục VINARE tổ chức đánh giá kết quả thực hiện từng hợp đồng trong nhiều năm để nhận dạng những nguy cơ (rủi ro) có thể gây ra lỗ nghiệp vụ, từ đó đưa ra những biện pháp kiểm soát rủi ro bảo hiểm một cách thích hợp (điển hình như quyết định điều kiện, điều khoản một cách thích hợp, phù hợp với diễn biến thị trường, chủ động điều chỉnh tỷ lệ tham gia đối với nghiệp vụ có lỗ dài hạn như nghiệp vụ bảo hiểm thân tàu biển, áp dụng điều kiện tối thiểu khi nhận tái bảo hiểm một số loại hình rủi ro).

Việc trích lập dự phòng bồi thường được Ban Quản trị nghiệp vụ và bồi thường kiểm tra chi tiết, các ban nghiệp vụ rà soát. Bên cạnh đó, Chuyên gia tính toán thực hiện rà soát, xác nhận kết quả trích lập dự phòng bồi thường (dự phòng nghiệp vụ nói chung) tại các kỳ báo cáo, đồng thời hàng năm thực hiện đánh giá tính đầy đủ của quỹ dự phòng nghiệp vụ.

Quản trị rủi ro thị trường

Với thực tế hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, VINARE nhận dạng các rủi ro thị trường chính gồm: rủi ro biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường, rủi ro biến động bất lợi về giá cổ phiếu trên thị trường, rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của tỷ giá, rủi ro không tương xứng về thời hạn của tài sản đầu tư và trách nhiệm cam kết trong hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với rủi ro biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường, VINARE đã chủ động cơ cấu lại kỳ hạn các hợp đồng tiền gửi, rút ngắn kỳ hạn gửi đối với các hợp đồng tiền gửi mới và tái tục để chờ thời điểm lãi suất có khả năng tăng trở lại vào cuối năm. VINARE tiếp tục gia tăng đầu tư vào các trái phiếu tăng vốn cấp II của các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm quốc tế từ B1 (do Moody's đánh giá) trở lên để tạo nguồn thu nhập ổn định trong trung – dài hạn.

Đối với rủi ro biến động bất lợi về giá cổ phiếu trên thị trường, VINARE đã nhận diện rủi ro là sự biến động mạnh của thị trường nên xác định đây là danh mục đầu tư dài hạn. Hạn mức tối đa đầu tư cổ phiếu và ủy thác đầu tư là 10% tổng tài sản đầu tư hàng năm nhằm hạn chế mức độ ảnh hưởng trong trường hợp thị trường có diễn biến bất lợi. VINARE cũng đã thường xuyên phối hợp với các công ty quản lý quỹ cập nhật và đánh giá danh mục đầu tư ủy thác để có những điều chỉnh kịp thời.

Tiếp tục yêu cầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán trích lập dự phòng bồi thường theo hợp đồng kiểm toán độc lập.

Đối với rủi ro thiên tai (gồm diễn biến thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu,...), VINARE luôn quan tâm, theo dõi riêng các tổn thất do thiên tai hàng năm trong danh mục nhận tái bảo hiểm để điều chỉnh chính sách khai thác và chương trình nhượng tái bảo hiểm phù hợp nhằm chia sẻ rủi ro này với các nhà tái bảo hiểm nước ngoài. Định kỳ hàng năm, yêu cầu các đối tác chạy các mô hình tính toán mức độ tiềm ẩn rủi ro thiên tai, từ đó đánh giá mức độ rủi ro để mua tái bảo hiểm bảo vệ phù hợp. Mặc dù chi phí mua tái bảo hiểm bảo vệ đối với tổn thất thảm họa vẫn ở mức cao do xu hướng tăng giá phí, VINARE tiếp tục duy trì mua hợp đồng bảo vệ rủi ro thảm họa với mức bảo vệ tương ứng với sự kiện 50-100 năm (căn cứ theo kết quả mô hình rủi ro thiên tai do đối tác nước ngoài cung cấp) nhằm chuyển giao rủi ro, hạn chế mức độ ảnh hưởng tài chính khi rủi ro thảm họa xảy ra.

Đối với rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của tỷ giá, VINARE thực hiện thanh toán với các khách hàng qua hình thức đối trừ, lượng tiền thực thanh toán không lớn nên mức độ ảnh hưởng tỷ giá đến kết quả kinh doanh là tương đối nhỏ.

Đối với rủi ro không tương xứng về thời hạn của tài sản đầu tư và trách nhiệm cam kết trong hợp đồng tái bảo hiểm, VINARE đã chủ động tính toán, theo dõi thời hạn đáo hạn của các khoản đầu tư đảm bảo đủ khả năng chi trả trách nhiệm bồi thường nhanh chóng. Kết quả cho thấy ở thời điểm 31/12/2024, thời hạn đáo hạn trung bình của các khoản đầu tư cho lãi cố định nhỏ hơn thời hạn chi trả trung bình của trách nhiệm nhận tái bảo hiểm đảm bảo duy trì khả năng chi trả của VINARE.

Trước tình hình biến động khó dự báo của thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, các thay đổi về chính sách điều hành ngân hàng nhà nước, VINARE tiếp tục thường xuyên cập nhật, theo dõi diễn biến của thị trường để có những điều chỉnh các quyết định đầu tư phù hợp, giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh, gia tăng lợi ích kinh tế cho VINARE trong khuôn khổ các quy định pháp luật và quy định nội bộ, đảm bảo phù hợp với chiến lược đầu tư đã đề ra.

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Quản trị rủi ro hoạt động

Đối với rủi ro liên quan đến việc thiết lập không đầy đủ và không tuân thủ các quy định nội bộ và quy trình nghiệp vụ:

VINARE đã ban hành các Hướng dẫn khai thác tái bảo hiểm, Hướng dẫn bồi thường, Hướng dẫn phát sinh chứng từ, Hướng dẫn đối chiếu và thanh toán công nợ, Quy chế đầu tư và nhiều Quy chế hoạt động của các Ban/ Bộ phận trong Tổng công ty. Trong năm 2024, VINARE ban hành Hướng dẫn thực hiện chương trình tái bảo hiểm 2024 và ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ thông tin với mục đích nâng cao ý thức, trách nhiệm người dùng, nâng cao an toàn vận hành của hệ thống CNTT.

Đôn đốc, giám sát tuyến bảo vệ thứ nhất quán triệt thực hiện đúng và đủ các Hướng dẫn này. Lãnh đạo Tổng công ty giao nhiệm vụ cho tuyến bảo vệ thứ hai thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra theo phân công.

Hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện theo kế hoạch hàng năm và báo cáo Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tuân thủ Sổ tay kiểm toán nội đã được Hội đồng quản trị ban hành.

Đối với rủi ro pháp lý:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, VINARE luôn cập nhật các quy định mới của pháp luật, tham gia vào góp ý vào quá trình xây dựng quy định mới về hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam từ đó nhận diện được những yêu cầu, quy định mới để kịp thời xây dựng các hướng dẫn, quy định nội bộ tương ứng.

Tăng cường hoạt động của Ủy ban Pháp chế theo chức năng nhiệm vụ đã giao. Tiếp tục duy trì hợp đồng tư vấn pháp lý thường xuyên với công ty Luật, để có được sự tư vấn trong các vấn đề liên quan đến pháp lý, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của VINARE.

Đối với rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và an ninh mạng:

VINARE đã xây dựng lại cấu trúc hệ thống công nghệ thông tin theo hướng tăng cường kiểm soát an toàn an ninh mạng, bảo mật của hệ thống. VINARE đã thiết lập đảm bảo an toàn, bảo mật đối với các thiết bị di động phục vụ nhu cầu làm việc từ xa nếu cần thiết.

VINARE đã bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống CNTT để quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của Ban CNTT cũng như toàn thể cán bộ khi sử dụng hệ thống CNTT của Tổng Công ty nhằm nâng cao mức độ quản lý và mức độ an toàn cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và CNTT.

Ban CNTT tiếp tục thực hiện việc sao lưu dữ liệu (online, offline) với tần suất cao (có những dữ liệu được sao lưu hàng ngày); nâng cấp thiết bị firewall theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất; VINARE đã xây dựng hệ thống phòng máy chủ mới, tiêu chuẩn cao, đảm bảo điều kiện vận hành tốt.

Đối với rủi ro liên quan đến gián đoạn kinh doanh:

VINARE đã xây dựng kịch bản phân tích một số tình huống có thể gây gián đoạn kinh doanh và xây dựng các phương án hành động tương ứng nhằm duy trì khả năng hoạt động kinh doanh trong các tình huống khi xảy ra. VINARE đã sử dụng dịch vụ Cloud Disaster Recovery, xây dựng hệ thống CNTT dự phòng với mục đích giảm thiểu khả năng gián đoạn trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty ngay cả trong tình huống sự cố xảy ra với nhiều thiết bị của hệ thống.

VINARE thường xuyên tiến hành rà soát các kịch bản có thể gây gián đoạn kinh doanh để bổ sung, ban chuyên môn định kỳ thực hiện diễn tập, hoàn thiện phương án hành động phù hợp.

Quản trị rủi ro đối tác

Đối với hoạt động nghiệp vụ:

Duy trì tần suất đối chiếu – đối trừ cao, rà soát các khoản công nợ với khách hàng (đã quy định tại Hướng dẫn đối chiếu, thanh toán công nợ tái bảo hiểm). Tiểu ban xử lý công nợ tiếp tục tăng cường quản lý công tác đối chiếu – đối trừ với khách hàng, giảm thiểu công nợ tồn đọng.

Thường xuyên theo dõi, cập nhật xếp hạng tín nhiệm quốc tế của khách hàng, đảm bảo các nhà nhận tái bảo hiểm nước ngoài đứng đầu hoặc nhận trên 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm có xếp hạng A- theo AM Best hoặc tương đương của tổ chức khác trở lên. Trường hợp phát hiện khách hàng có biến động xấu về xếp hạng tín nhiệm quốc tế, tổ chức họp bàn để có chính sách phản ứng phù hợp.

Quản trị rủi ro thanh khoản

VINARE thực hiện đúng việc phân bổ tài sản đầu tư theo Quy chế đầu tư nội bộ và tuân thủ các quy định Pháp luật liên quan đến lĩnh vực đầu tư. Tỷ trọng tài sản đầu tư có tính thanh khoản rất cao (trên cơ sở điều kiện, điều khoản của các hợp đồng) là tiền gửi, trái phiếu, ủy thác đầu tư chiếm 89,2% tổng tài sản đầu tư ở thời điểm 31/12/2024, các hợp đồng tiền gửi đều có thể tất toán trước thời hạn.

Quản trị các rủi ro trọng yếu khác theo đánh giá của doanh nghiệp

Năm 2024, doanh nghiệp đã rà soát và không phát hiện rủi ro trọng yếu nào khác ngoài những rủi ro nêu trên. Tuyến bảo vệ thứ hai tiếp tục có trách nhiệm phối hợp với ban, bộ phận thuộc Tuyến bảo vệ thứ nhất thường xuyên rà soát, đánh giá

Đối với hoạt động đầu tư:

Trong hoạt động tiền gửi và đầu tư trái phiếu, 100% các khách hàng của VINARE đều là tổ chức tín dụng có xếp hạng tín nhiệm quốc tế từ B1 (theo Moody's) trở lên, không có khách hàng chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Trong hoạt động ủy thác đầu tư, VINARE đã lựa chọn các đối tác, phân bổ tài sản cho các đối tác là các công ty quản lý quỹ có uy tín trên thị trường như SSIAM, VCBF, BVF, MBC và được sàng lọc sau nhiều năm hợp tác với VINARE.

VINARE tiếp tục theo dõi năng lực tài chính, tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của các đối tác đã giao kết. Đánh giá năng lực tài chính của đối tác tiềm năng trước khi giao kết hợp đồng.

Thời gian tới, tiếp tục định kỳ rà soát khả năng thanh khoản của VINARE, đảm bảo các chỉ tiêu Khả năng thanh toán tổng quát, Khả năng thanh toán hiện hành luôn lớn hơn 1 lần đồng thời làm việc với các đối tác để đảm bảo yêu cầu tất toán trước thời hạn của các hợp đồng tiền gửi được duy trì.

các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm phát hiện rủi ro khác có thể có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty.

Hoạt động kiểm soát

Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2024



Năm 2024, Bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) đã thực hiện 4 cuộc KTNB theo kế hoạch KTNB đã được Hội đồng quản trị thông qua:

1

Ban Quản trị nghiệp vụ và bồi thường (BCA) – Quy trình phát sinh chứng từ, Quy trình đối chiếu và thanh toán công nợ, Quy trình bồi thường

2

Ban Tài sản – Quy trình khai thác hợp đồng tái bảo hiểm

3

Ban Marketing – Quy trình khai thác hợp đồng tái bảo hiểm

4

Các khoản đầu tư khác của VINARE – VINARE Invest

Đánh giá thực hiện quản trị công ty



Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
1	A	Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp đại hội cổ đông thường niên không?	Khoản 4 Điều 135 Luật DN 2020	Tốt	https://vinare.com.vn/wp-content/uploads/2024/08/VNR_ThongBaoVeNgay-DKCCVaXacNhanDanhSachNguoiSoHuu-ChungKhoan-3.pdf
2	A	ĐHĐCĐ thường niên của công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc trong vòng 6 tháng nếu có xin gia hạn không?	Điều 139 Luật DN 2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/ngghi-quyet-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/ https://vinare.com.vn/2024/04/24/bien-ban-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/
3	A	Website công ty có công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ không. Bộ tài liệu tiêu chuẩn bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS/ UBKT (file phải mở được, có nội dung)	Khoản 4 Điều 139 Luật DN 2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/02/thong-bao-v-v-to-chuc-hop-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2024/
4	A	Trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến trước ngày tham dự đại hội về các vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ không?	Vietnam CG Code 9.2.2	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/02/thong-bao-v-v-to-chuc-hop-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2024/
5	A	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có cung cấp thông tin về các ứng viên mới cho HĐQT và BKS (nếu có) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ không? Tài liệu tối thiểu cần đầy đủ các thông tin sau: tuổi, giới tính, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DN/NTY khác, tính độc lập.	Điều 274 NĐ155/2020	Tốt	VINARE cung cấp đầy đủ thông tin về ứng cử viên HĐQT và BKS khi Chương trình họp ĐHĐCĐ có nội dung bầu thành viên HĐQT hoặc BKS

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
6	A	Công ty có áp dụng và công bố cụ thể trong biên bản ĐHĐCĐ các công nghệ thông tin hiện đại cho phép cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ hay không? Công bố này có bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?	Điều 144, Khoản 3 Luật DN 2020	Chưa đáp ứng	VINARE tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ tại trụ sở 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
7	A	Công ty có tổ chức AGM phương thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến không? Công ty có duy trì hồ sơ theo dõi các câu hỏi/nhận xét của cổ đông từ xa thông qua các kênh trực tuyến không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Chưa đáp ứng	VINARE tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ tại trụ sở 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
8	A	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Điều 146, Khoản 4 Luật DN 2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/bien-ban-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/
9	A	Ban chủ toạ ĐHĐCĐ có tóm lược tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm trước không? Đối với các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó mà chưa được thực hiện thì HĐQT có báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất không? Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT có trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua trước khi thực hiện không?	Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/bien-ban-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/
10	A	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi, và nội dung câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Vietnam CG Code 9.2.10	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/bien-ban-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/
11	A	Biên bản ĐHĐCĐ có công bố danh sách thành viên HĐQT, BKS, TGD tham dự đại hội?	Vietnam CG Code 9.2.10	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/bien-ban-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/
12	A	Công ty có tạo điều kiện cho cổ đông đóng góp ý kiến cho công ty bên ngoài khuôn khổ các kỳ ĐHĐCĐ không (như là các hội nghị nhà đầu tư, các chương trình gặp gỡ...)?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II-D	Tốt	VINARE xây dựng Chatbot trên website để cổ đông, nhà đầu tư, các bên hữu quan có thể liên hệ trực tiếp khi cần giải đáp
13	A	Công ty có thành lập bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) và có công bố chi tiết thông tin liên lạc của cán bộ/ bộ phận phụ trách IR không?	Vietnam CG Code 9.1.4	Tốt	https://vinare.com.vn/2020/11/04/1973/
14	B	Công ty có công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ không?	Vietnam CG Code 9.4.3	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/02/announcement-on-the-organization-of-annual-general-meeting-of-shareholders-2024/
15	B	Danh sách các công ty ứng viên kiểm toán có được công bố công khai trong ĐHĐCĐ không?	Vietnam CG Code 7.6.1	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/bien-ban-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2024/
16	B	Đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ thì Điều lệ công ty có qui định cụ thể chi tiết như yêu cầu luật định không?	Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155	Tốt	https://vinare.com.vn/category/thu-vien/dieu-le-to-chuc-va-hoat-dong/
17	C	Công ty có công bố báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội không?	TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/05/31/bao-cai-phaat-trien-ben-vung-2023/

Đánh giá thực hiện quản trị công ty

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
18	C	Công ty có công bố chính sách và các thực hành mô tả nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, sản xuất và cung ứng dịch vụ?	Vietnam CG Code 10.1	Chưa đáp ứng	
19	C	Công ty có công bố chính sách và các thực hành mô tả nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo thực hiện các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ?	Vietnam CG Code 10.1	Chưa đáp ứng	
20	C	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Vietnam CG Code 10.1	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/05/31/bao-caophat-trien-ben-vung-2023/
21	C	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Vietnam CG Code 10.1	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/05/31/bao-caophat-trien-ben-vung-2023/
22	C	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên và có nêu rõ kết quả đào tạo (ví dụ số giờ trung bình dành cho đào tạo)?	Vietnam CG Code 10.1	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/05/31/bao-caophat-trien-ben-vung-2023/
23	C	Công ty có chính sách khen thưởng nhân viên gắn với hiệu quả dài hạn của hoạt động của công ty hay không (hiệu quả tài chính và/ hoặc phi tài chính dài hạn)?	Vietnam CG Code 10.1	Chưa đáp ứng	Báo cáo thường niên/ Báo cáo PTBV/ Website công ty
24	C	Công ty có ban hành Bộ quy tắc đạo đức/ quy tắc ứng xử yêu cầu tất cả lãnh đạo và nhân viên công ty phải tuân thủ và nêu rõ nếu vi phạm sẽ có hình thức xử lý không?	Vietnam CG Code 6.2	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/02/23/cong-bo-bo-quy-tac-ung-xu-va-dao-duc-nghe-nghiep-2022/
25	C	Công ty có xây dựng và công bố chính sách báo cáo sai phạm cho phép tất cả các bên liên quan có thể thực hiện báo cáo sai phạm không?	Vietnam CG Code 6.2	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/02/23/cong-bo-bo-quy-tac-ung-xu-va-dao-duc-nghe-nghiep-2022/
26	C	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/ hoặc khiếu kiện, báo cáo những sai phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ không?	Vietnam CG Code 6.2	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/02/23/cong-bo-bo-quy-tac-ung-xu-va-dao-duc-nghe-nghiep-2022/
27	D	Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành/ Tổng giám đốc không?	TT96/2020	Tốt	Đã cung cấp tại Chương V – Quản trị công ty
28	D	Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn không?	TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2020/11/02/co-cau-co-dong/
29	D	Báo cáo thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty không (phân theo 4 tiêu chí: theo tỷ lệ sở hữu; cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác)?	TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
30	D	Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị không?	TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
31	D	Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và Ban kiểm soát (nếu có) không?	TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
32	D	Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và Ban kiểm soát (nếu có) không?	TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
33	D	Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên quản lý điều hành khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng, nêu chi tiết tiền lương, thù lao cho từng người, trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên không?	Điều 298 NĐ155/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/03/24/toan-van-bao-cao-tai-chinh-rieng-da-duoc-kiem-toan-2024/
34	D	Công ty có công bố thông tin báo cáo thường niên đúng thời hạn theo quy định không? Công ty có công bố thông tin báo cáo tình hình QTCT	Điều 10.2 & Điều 10.4 TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
35	D	Chi tiết tiểu sử của thành viên HĐQT có được công bố đầy đủ các nội dung sau hay không: tuổi, giới tính, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết?	Nguyên tắc G20/ OECD (2015) II-C	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
36	E	HĐQT của công ty có đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ 1/3 thành viên HĐQT là độc lập không?	Vietnam CG Code 3.2	Chưa đáp ứng	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
37	E	Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị nào đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 doanh nghiệp khác?	Điều 275 NĐ155/2020	Không	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
38	E	Công ty có đáp ứng thông lệ tốt là không có thành viên HĐQT là nguyên TGD đã từng tại vị trong thời gian 2 năm trước đây (kể từ đầu năm tài chính được đánh giá) hay không?	Nguyên tắc G20/ OECD (2015) VI-E	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
39	E	Cơ cấu Hội đồng quản trị có đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty không?	Vietnam CG Code 2.1.4	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
40	E	Công ty có chính sách đảm bảo cân bằng giới trong HĐQT không? Cơ cấu Hội đồng Quản trị thực tế có đảm bảo cân bằng giới không?	Vietnam CG Code 2.1.4	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-caothuong-nien-2023/
41	E	Quy chế hoạt động của Ủy ban đề cử/Ủy ban thù lao có được công bố không?	Vietnam CG Code 4.3.2	Tốt	https://vinare.com.vn/2020/09/29/1174/
42	E	Chính sách đa dạng thành phần HĐQT có được công bố với các mục tiêu rõ ràng không?	Vietnam CG Code 2.1.4	Tốt	Thực hiện khi chuẩn bị bầu Nhiệm kỳ 2025 - 2030
43	E	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới cao hơn mức cơ bản luật định và gắn với chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp không?	Vietnam CG Code 2.1	Tốt	Thực hiện khi chuẩn bị bầu Nhiệm kỳ 2025 - 2030
44	E	Quy trình tìm kiếm, tuyển chọn, giới thiệu, đề cử nhân sự cho HĐQT có được công bố không?	Vietnam CG Code 2.1.5	Tốt	Thực hiện khi chuẩn bị bầu Nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đánh giá thực hiện quản trị công ty

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
45	E	Thành viên HĐQT có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty không?	Điều 278 NĐ155/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-cai-thuoi-nien-2023/
46	E	HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách QTCT/ Thư ký công ty hay không?	Điều 281 NĐ155/2020	Tốt	Tham khảo Chương V – Quản trị công ty
47	E	Trong năm Người phụ trách QTCT/ Thư ký công ty có tham dự khoá tập huấn về nội dung liên quan đến luật pháp, kế toán hoặc các nội dung bổ ích cho việc thực hành tốt vai trò, trách nhiệm của mình hay không?	Vietnam CG Code 2.3.4	Tốt	Tham khảo Chương V – Quản trị công ty
48	E	HĐQT có tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần, và mỗi thành viên tham gia tối thiểu 3/4 cuộc họp HĐQT trong năm không?	Điều 157 Luật DN 2020; TT96/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
49	E	Thành viên không điều hành của HĐQT có họp tối thiểu 1 lần trong năm mà không có sự có mặt của các thành viên ban điều hành?	Nguyên tắc G20/ OECD (2015) VI-E	Chưa đáp ứng	
50	E	Báo cáo của HĐQT có bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của HĐQT trong quá trình xây dựng, theo dõi/ giám sát thực thi chiến lược của công ty?	Vietnam CG Code 1.1.2	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
51	E	Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trong năm có phải do thành viên độc lập đánh giá không?	Điều 280 NĐ155/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
52	E	Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT không?	Điều 280 NĐ155/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
53	E	Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm các kế hoạch trong tương lai?	Điều 280 NĐ155/2020	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
54	E	Có bằng chứng cho thấy HĐQT thực hiện đánh giá Tổng giám đốc/ Giám đốc và Ban điều hành hàng năm hay không?	TT96/2020	Chưa đáp ứng	
55	E	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Vietnam CG Code 3.5.1	Chưa đáp ứng	
56	E	Công ty có thành lập các ủy ban sau: Ủy ban nhân sự và/HOẶC Ủy ban lương thưởng không?	Vietnam CG Code 4.3	Tốt	
57	E	Hai ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban nhân sự, Ủy ban lương thưởng) có phải do thành viên độc lập làm Chủ tịch ủy ban không?	Vietnam CG Code 4.3.1	Chủ tịch Ủy ban Lương thưởng là thành viên độc lập	
58	E	Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có là thành viên độc lập không?	Vietnam CG Code 4.1.1	Chưa đáp ứng	
59	E	Công ty có bộ phận Kiểm toán nội bộ không?	Điều 10, NĐ05/2019	Tốt	Tham khảo Chương V – Quản trị công ty
60	E	Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán có đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị và Ban điều hành không?	Điều 290 NĐ155/2020	Tốt	Báo cáo của Ban Kiểm soát

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
61	E	Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán thực hiện đánh giá về công ty kiểm toán độc lập và báo cáo tài chính không?	Điều 104 Luật DN 2020; Điều 290 NĐ155/2020	Tốt	Báo cáo của Ban Kiểm soát
62	E	Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán có tổ chức họp ít nhất 2 lần trong năm vừa qua và sự tham gia của từng thành viên trong các cuộc họp có được công bố công khai?	Điều 106 Luật DN 2020	Tốt	Báo cáo của Ban Kiểm soát
63	E	HĐQT có đánh giá và nêu phương án ứng phó kiểm soát rủi ro, và đảm bảo tuân thủ luật pháp trong năm hay không? Phát biểu đánh giá có tương đồng với các bằng chứng tương ứng không?	Vietnam CG Code 1.1	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-cai-thuoi-nien-2023/
64	E	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, kế toán, kiểm soát nội bộ, vận hành, công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	Vietnam CG Code 1.1.5	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-cai-thuoi-nien-2023/
65	A	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất bằng tiếng Anh hay không?	Vietnam CG Code 9.4.3	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/24/resolution-of-the-annual-general-meeting-of-shareholders-2024/ https://vinare.com.vn/2024/04/24/minutes-of-the-annual-general-meeting-of-shareholders-2024/
66	A	Công ty có cơ chế cho cổ đông/ nhóm cổ đông nhỏ (từ 5% tổng số cổ phần biểu quyết trở xuống) có cơ hội đề xuất ứng cử viên HĐQT?	Vietnam CG Code 2.1.6	Tốt	https://vinare.com.vn/category/thu-vien/dieu-le-to-chuc-va-hoat-dong/
67	C	Công ty có lập và công bố báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)?	Nguyên tắc G20/ OECD (2015) IV-A	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-thuoi-nien-2023/
68	C	Công ty có trình bày về chiến lược, mục tiêu cụ thể (dài hạn và ngắn hạn), sáng kiến, giải pháp, dự án cải tiến và đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu khí nhà kính (KNK) không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-thuoi-nien-2023/
69	C	Công ty có sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải KNK bao gồm nhưng không giới hạn ở tổng phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp theo tấn CO ₂ tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
70	C	Công ty có xác định/báo cáo các chủ đề ESG mà có tính trọng yếu đối với chiến lược cốt lõi của tổ chức không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-thuoi-nien-2023/
71	C	Công ty có xác định biến đổi khí hậu là một vấn đề quan trọng không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-thuoi-nien-2023/
72	C	Các bên hữu quan nội bộ bên trong công ty có cùng tham gia xác định các chủ đề ESG trọng yếu không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-thuoi-nien-2023/
73	C	Các bên hữu quan bên ngoài công ty có cùng tham gia xác định các chủ đề ESG trọng yếu không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-thuoi-nien-2023/
74	C	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan về ESG/ phát triển bền vững không?	Nguyên tắc G20/ OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-thuoi-nien-2023/

Đánh giá thực hiện quản trị công ty

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
75	C	Báo cáo Phát triển Bền vững của công ty có được kiểm định nội bộ không? Báo cáo Phát triển Bền vững của công ty có được kiểm định bởi tổ chức độc lập không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Được kiểm định nội bộ	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-pha-t-trien-ben-vung/
76	C	Các mục tiêu phát triển bền vững định lượng có được công bố không? Các kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững được đề xuất có được công bố không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-pha-t-trien-ben-vung/
77	C	Quy trình thực hiện xác định và đánh giá các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu có được công bố không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Chưa đáp ứng	
78	C	Cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu có được công bố không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-pha-t-trien-ben-vung/
79	C	Một ủy ban cấp hội đồng quản trị/ thành viên hội đồng quản trị có được chỉ định giám sát các vấn đề quản trị bền vững không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/2024/04/17/bao-cai-thuoi-ngien-2023/
80	C	Hội đồng quản trị có vai trò và thực tế có thực hiện quản trị các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Tốt	https://vinare.com.vn/2025/01/24/bao-cai-tinh-hinh-quan-tri-cong-ty-niem-yet-nam-2024/
81	C	Chính sách thu nhập của Tổng giám đốc/ người điều hành cấp cao có được kết nối với các mục tiêu phát triển bền vững cần đạt được trong năm tới không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	Chưa đáp ứng	
82	C	Hội đồng quản trị có đánh giá hàng năm rằng cơ cấu nợ vay của công ty có tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro của công ty hay không?	Nguyên tắc G20/OECD (Chỉnh sửa 2023)	VINARE không có khoản vay nợ	
83	D	Có bằng chứng cho thấy các hợp đồng dịch vụ mà kiểm toán độc lập cung cấp cho công ty vẫn đảm bảo tính độc lập của kiểm toán độc lập (thông qua đánh giá của BKS/ UBKT, thông qua các tuyên bố, hoặc thông qua mức phí tương đối của dịch vụ kiểm toán so với dịch vụ phi kiểm toán)?	Vietnam CG Code 7.6.3	Tốt	
84	E	HDQT có tự đánh giá về việc đã, đang, và chuẩn bị áp dụng thực hiện Bộ nguyên tắc Quản trị công ty Việt Nam theo thông lệ tốt nhất (Vietnam CG Code), và khi chưa sẵn sàng áp dụng thì có giải thích lý do vì sao?	Vietnam CG Code	Tốt	
85	A	Thiếu bằng chứng cho thấy công ty có công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ kèm tài liệu họp hoặc nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ?	Điều 143 Luật DN 2020	Không	
86	A	Thiếu bằng chứng cho thấy ĐHĐCĐ có thông qua thù lao, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (nếu có) không?	Điều 163; Điều 172 Luật DN 2020	Không	
87	A	Thiếu bằng chứng cho thấy công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	TT96/2020	Không	

Mã câu	Nguyên tắc QTCT	Câu hỏi	Tham chiếu	Đánh giá	Nguồn đánh giá
88	B	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên công ty kể từ đầu năm tài chính đến nay không?	Vietnam CG Code 1.2.8	Không	
89	B	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu kể từ đầu năm tài chính đến nay không?	Vietnam CG Code 9.5	Không	
90	B	Có trường hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định đối với các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ?	Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.	Không	
91	D	Công ty có bị SGDCK/ UBCKNN nhắc nhở, xử lý vi phạm liên quan đến CBTT hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác của công ty niêm yết hay không?	Điều 295 NĐ155/2020	Không	
92	D	Công ty có điều chỉnh báo cáo tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán khách quan?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) V-B	Không	
93	D	Công ty có người nội bộ vi phạm công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của công ty trong năm hay không?	TT96/2020	Không	
94	E	Thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán có làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty không?	Điều 286 NĐ155/2020	Không	
95	E	Công ty có Chủ tịch/ TGD là thành viên nữ?	Nhu cầu thống kê của cơ quan quản lý	Không	
96	E	Số thành viên nữ/ Tổng số thành viên HĐQT của cty?	Nhu cầu thống kê của cơ quan quản lý	3/9	
97	E	Công ty có UB kiểm toán không?	Vietnam CG Code	Không	



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 110 Tổng quan về báo cáo
- 112 Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE
- 119 Quản trị phát triển bền vững
- 123 Sự tham gia của các bên liên quan
- 129 Các vấn đề trọng yếu được đánh giá
- 132 Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội



GRI 100

GRI 200

GRI 300

GRI 400

Tổng quan về Báo cáo



Thông tin chung về báo cáo



Báo cáo ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2024. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh doanh trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

VINARE phối hợp với cơ quan quản lý và các bên liên quan khác để thúc đẩy rộng rãi hành động trong toàn xã hội về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, đồng thời thể hiện trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc thường xuyên công bố thông tin đầy đủ và toàn diện tại báo cáo này.

Liên hệ

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của VINARE cũng như nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Người phụ trách Quản trị công ty

Điện thoại: +024-3942-2354

Địa chỉ: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của các anh/chị sẽ giúp VINARE đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm hiện thực hóa sứ mệnh phát triển bền vững của mình.



Phạm vi báo cáo: Bao gồm các chỉ số hoạt động của toàn Tổng công ty VINARE.

Giai đoạn báo cáo: 1/1/2024 - 31/12/2024

Tiêu chuẩn áp dụng: Báo cáo được xây dựng theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Báo cáo bao gồm các lĩnh vực, chỉ số hoạt động được chia ra theo các chỉ tiêu dành cho ngành tài chính GRI G4 (FS) và các chỉ tiêu công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung (GRI 100).

Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp:

Tại VINARE, chúng tôi luôn đảm bảo cơ chế minh bạch liên quan đến việc phòng chống tham nhũng cũng như báo cáo sai phạm, được quy định cụ thể trong Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp trên trang website chính thức của Tổng công ty theo đường link dưới đây:

<https://vinare.com.vn/2024/02/23/cong-bo-bo-quy-tac-ung-xu-va-dao-duc-nghe-nghiep-2022/>

Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE

VINARE – Kiến tạo giá trị bền vững, vươn tầm khu vực

“ Qua ba thập kỷ hình thành và phát triển, VINARE không chỉ khẳng định vị thế là đơn vị nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam mà còn từng bước vươn xa, hướng tới tầm khu vực với tư cách một nhà đầu tư chuyên nghiệp. Hành trình ấy không chỉ được đo lường bằng những con số tăng trưởng hay kết quả kinh doanh, mà còn bởi những giá trị thiết thực mà VINARE mang đến cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.



Chúng tôi tin rằng, để một doanh nghiệp thực sự phát triển bền vững, việc theo đuổi các mục tiêu tài chính phải song hành cùng trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Thành công không chỉ đơn thuần là tối ưu hóa lợi nhuận hay gia tăng giá trị cho cổ đông, mà còn là sự đóng góp tích cực vào một hệ sinh thái cân bằng, nơi mọi bên liên quan đều được hưởng lợi. VINARE lựa chọn con đường phát triển có trách nhiệm, nơi mỗi bước tiến trong kinh doanh cũng đồng thời là một bước tiến vì sự thịnh vượng chung.

Trong tầm nhìn dài hạn, chúng tôi xác định rằng việc đạt được các mục tiêu kinh doanh là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa những cam kết về phát triển bền vững. Không chỉ dừng lại ở những chiến lược kinh tế, VINARE chủ động tích hợp các yếu tố xã hội và môi trường vào mô hình vận hành, đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích trước mắt và giá trị lâu dài. Sự cân bằng này không chỉ là kim chỉ nam trong chiến lược phát triển, mà còn là sứ mệnh của VINARE – mang đến sự an toàn, thịnh vượng và giá trị bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

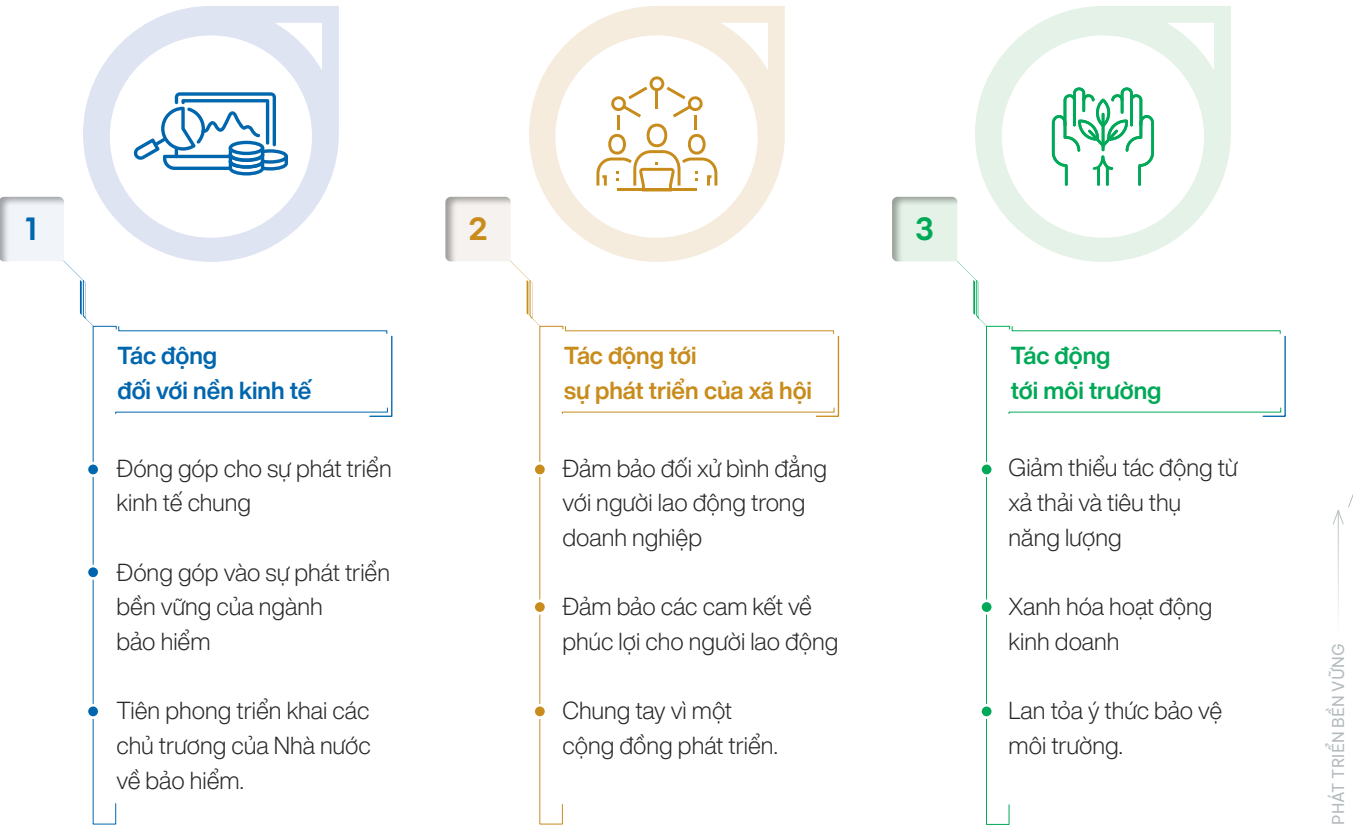
Chúng tôi cũng hiểu rằng, để một tổ chức vững vàng trước những biến động của thị trường, “**Quản trị doanh nghiệp hiệu quả**” và “**Phát triển nguồn nhân lực**” chính là hai trụ cột cốt lõi. Một hệ thống quản trị minh bạch, linh hoạt sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng,

trong khi một đội ngũ nhân sự vững vàng, được trao quyền và không ngừng phát triển sẽ là nền tảng để VINARE chinh phục những cột mốc mới. Chính vì vậy, VINARE luôn ưu tiên xây dựng một môi trường làm việc bền vững, nơi mỗi cá nhân không chỉ là nhân tố đóng góp mà còn là người đồng hành cùng doanh nghiệp trong hành trình dài phía trước.

Hướng tới tương lai, VINARE tiếp tục chủ động chia sẻ, lắng nghe và đối thoại với các bên liên quan để nhận diện và giải quyết những vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững. Những vấn đề này không chỉ được xem xét kỹ lưỡng mà còn liên tục được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh mới, từ đó phản ánh một cách toàn diện trong Báo cáo Phát triển bền vững – một phần không thể tách rời của Báo cáo thường niên 2024.

VINARE đã tích hợp sâu sắc nội dung phát triển bền vững vào từng phần của chiến lược kinh doanh, không chỉ để định hướng dài hạn đến năm 2025 mà còn thể hiện rõ nét trong từng hoạt động vận hành hàng ngày. Đây không chỉ là một báo cáo, mà là sự cam kết mạnh mẽ của VINARE đối với con đường phát triển bền vững – con đường mà chúng tôi tin rằng sẽ giúp doanh nghiệp không chỉ vững vàng trong hiện tại mà còn tiếp tục vươn xa, kiến tạo giá trị lâu dài cho tất cả các bên liên quan.

Phân tích các tác động của VINARE liên quan đến phát triển bền vững



Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE

1

Tác động đối với nền kinh tế

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung và thị trường bảo hiểm

- Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường tái bảo hiểm, đến nay VINARE trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam, nhà đầu tư chuyên nghiệp. Trong 30 năm qua, VINARE đã phát huy vai trò là cầu nối của thị trường bảo hiểm, trung tâm trao đổi dịch vụ của thị trường, cung cấp giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành bảo hiểm Việt Nam.
- VINARE cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đầu tư vốn nhàn rỗi trở lại cho nền kinh tế, cùng các doanh nghiệp bảo hiểm bảo vệ cho các rủi ro của doanh nghiệp trong nền kinh tế, góp phần nhanh chóng phục hồi và ổn định hoạt động kinh tế khi bị gián đoạn cũng như đóng góp cho ngân sách.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước về bảo hiểm

- Nắm giữ vị thế chính trị quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước, VINARE luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm theo chủ trương của Nhà nước như chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm thiên tai...

2

Tác động tới sự phát triển của xã hội

Đảm bảo đối xử bình đẳng và cam kết về phúc lợi cho người lao động

- Người lao động làm việc tại VINARE được đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, vùng miền. Các chế độ lương thưởng và phúc lợi được đảm bảo.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

- Tổng công ty luôn đồng hành và chăm lo đời sống cho các đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua hoạt động thường niên đầy ý nghĩa. Đây không chỉ là tinh thần xung kích của tuổi trẻ mà còn là cam kết thực hiện trách nhiệm vì cộng đồng và an sinh xã hội.
- Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, hàng năm, VINARE luôn dành một khoản ngân sách đáng kể cho các hoạt động vì cộng đồng. VINARE thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.

3

Tác động tới môi trường

- VINARE tích cực hưởng ứng các hành động nhằm giảm thiểu tác hại tới môi trường của ngành bảo hiểm, điển hình là việc dùng hồ trợ tái bảo hiểm đối với các rủi ro điện than trong và ngoài nước.
- Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của VINARE tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là tái bảo hiểm và đầu tư – những ngành nghề hoàn toàn thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, các tác động đến môi trường của VINARE chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại văn phòng làm việc và ý thức bảo vệ môi trường.
- Nhằm giảm thiểu tác động này, VINARE đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các văn phòng làm việc của VINARE. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của VINARE và đề ra các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.



Định hướng và chiến lược phát triển bền vững

Tầm nhìn VINARE

Xây dựng một thị trường bảo hiểm bền vững.

Sứ mệnh về phát triển bền vững

Chúng tôi bảo hiểm, đầu tư, vận hành và chia sẻ kiến thức của mình nhằm giải quyết các thách thức về phát triển bền vững và tạo ra giá trị lâu dài.

Mục tiêu phát triển bền vững

Tăng trưởng kinh tế bền vững

Tái bảo hiểm các dự án nhiệt điện than nước ngoài (tạm thời)

2025: Loại bỏ hoàn toàn

Tái bảo hiểm các dự án nhiệt điện than trong nước (tạm thời)

2025: Hạn chế | 2035: Loại bỏ hoàn toàn

Tái bảo hiểm vận chuyển than

2025: Hạn chế | 2035: Loại bỏ hoàn toàn

Tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than

2025: Loại bỏ hoàn toàn

Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than

2025: Không phát sinh mới | 2035: Loại bỏ hoàn toàn

Danh mục đầu tư ủy thác

2025 & 2035: Cân nhắc đến các yếu tố ESG trong các thỏa thuận đầu tư ủy thác.

Xây dựng xã hội bền vững

Lập kế hoạch chuỗi các hoạt động từ thiện gắn với hình ảnh VINARE.

Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả; Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động.

Tham gia tích cực vào việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò tác dụng của bảo hiểm trong việc đối phó với rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

Bảo vệ môi trường bền vững

Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng.

Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc.

Triển khai các dự án trồng cây xanh.

114 Báo cáo thường niên VINARE | 2024

115

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE

Mục tiêu phát triển bền vững và tiến trình thực hiện năm 2024

1 Quản trị doanh nghiệp bền vững

Giám sát tiến độ quản lý các vấn đề ESG và thường xuyên công bố thông tin một cách công khai

Năm mục tiêu: Hàng năm
Tiến trình năm 2024: Đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và khách quan.

Xác định và đánh giá các rủi ro ESG và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh

Năm mục tiêu: Hàng năm
Tiến trình năm 2024: Thường xuyên họp và đánh giá các rủi ro ESG và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh.

Có đại diện nữ trong Hội đồng quản trị

Năm mục tiêu: Theo nhiệm kỳ
Tiến trình năm 2024: Hiện có 3/9 (tương đương 33%) đại diện nữ trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.

2 Phát triển bền vững Hoạt động nghiệp vụ

Loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho các dự án nhiệt điện than nước ngoài (tạm thời)

Năm mục tiêu: 2025
Tiến trình năm 2024:

- Không phát sinh mới các hợp đồng tạm thời Dự án nhiệt điện than nước ngoài
- Đã loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho các hợp đồng tạm thời Dự án nhiệt điện than nước ngoài.

Hạn chế tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho các dự án nhiệt điện than trong nước (tạm thời)

Năm mục tiêu:
Hạn chế: 2025 | Loại bỏ hoàn toàn: 2035
Tiến trình năm 2024:

- Không phát sinh mới các hợp đồng tạm thời Dự án nhiệt điện than trong nước
- Hiện Chỉ duy trì các hợp đồng nhiệt điện than của năm cũ (hiện vẫn còn hiệu lực).

Hạn chế tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho vận chuyển than

Năm mục tiêu:
Hạn chế: 2025 | Loại bỏ hoàn toàn: 2035
Tiến trình năm 2024: Đã loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho vận chuyển than.

Tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than

Năm mục tiêu: 2025
Tiến trình năm 2024: Đã loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than.

3 Phát triển bền vững Hoạt động đầu tư

Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than

Năm mục tiêu: Hạn chế: 2025 | Loại bỏ hoàn toàn: 2035
Tiến trình năm 2024: Không đầu tư vào trái phiếu (mới) phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than.

Danh mục đầu tư ủy thác

Tiến trình năm 2024: Đã bổ sung nội dung ESG vào hai hợp đồng bao gồm Hợp đồng tái tục với MBC và BVF.

Đầu tư vào trái phiếu xanh/phát triển bền vững (green and sustainability bonds)

Tiến trình năm 2024: Ưu tiên đầu tư vào trái phiếu xanh khi loại hình trái phiếu này được phát hành.

4 Phát triển bền vững Hoạt động vận hành

Ưu tiên hoạt động chuyển đổi số trong vận hành

Năm mục tiêu: Hàng năm

Sử dụng các sản phẩm tái chế

Năm mục tiêu: Hàng năm
Tiến trình năm 2024: Sử dụng chai thủy tinh dùng nhiều lần thay vì sử dụng chai nhựa một lần.

Giảm thiểu chất thải, tiêu thụ điện và nước

Năm mục tiêu: Hàng năm
Tiến trình năm 2024: Bổ sung thùng rác để tiến hành phân loại rác thải hữu cơ và vô cơ (phục vụ cho việc tính khối lượng chất thải hàng năm).

Thực hiện các hoạt động từ thiện nhằm giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính

Năm mục tiêu: Hàng năm
Tiến trình năm 2024: VINARE đặc biệt quan tâm đến các hoạt động từ thiện gắn liền với mục tiêu giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. VINARE thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.

5 Con người

Tỷ lệ lao động

Năm mục tiêu: Hàng năm
Tiến trình năm 2024: Năm 2024, tỷ lệ lao động Nam chiếm 49% so với lao động Nữ 51%.

Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE



Định hướng hoạt động năm 2025

VINARE

tập trung nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua các giải pháp trọng tâm sau:

>

Tăng cường chất lượng hoạt động của bộ máy tổ chức và chức năng kiểm toán nội bộ nhằm kiểm toán việc quản lý các rủi ro trọng yếu của Tổng công ty.

>

Duy trì nguyên tắc phân bổ tài sản đầu tư theo tiêu chí: An toàn – hiệu quả – phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo tính thanh khoản cao.

>

Vận hành an toàn và tối ưu hệ thống quản lý nghiệp vụ (Vicore) và hệ thống quản lý văn bản (Vidoc), hướng tới số hóa toàn diện hoạt động văn phòng.

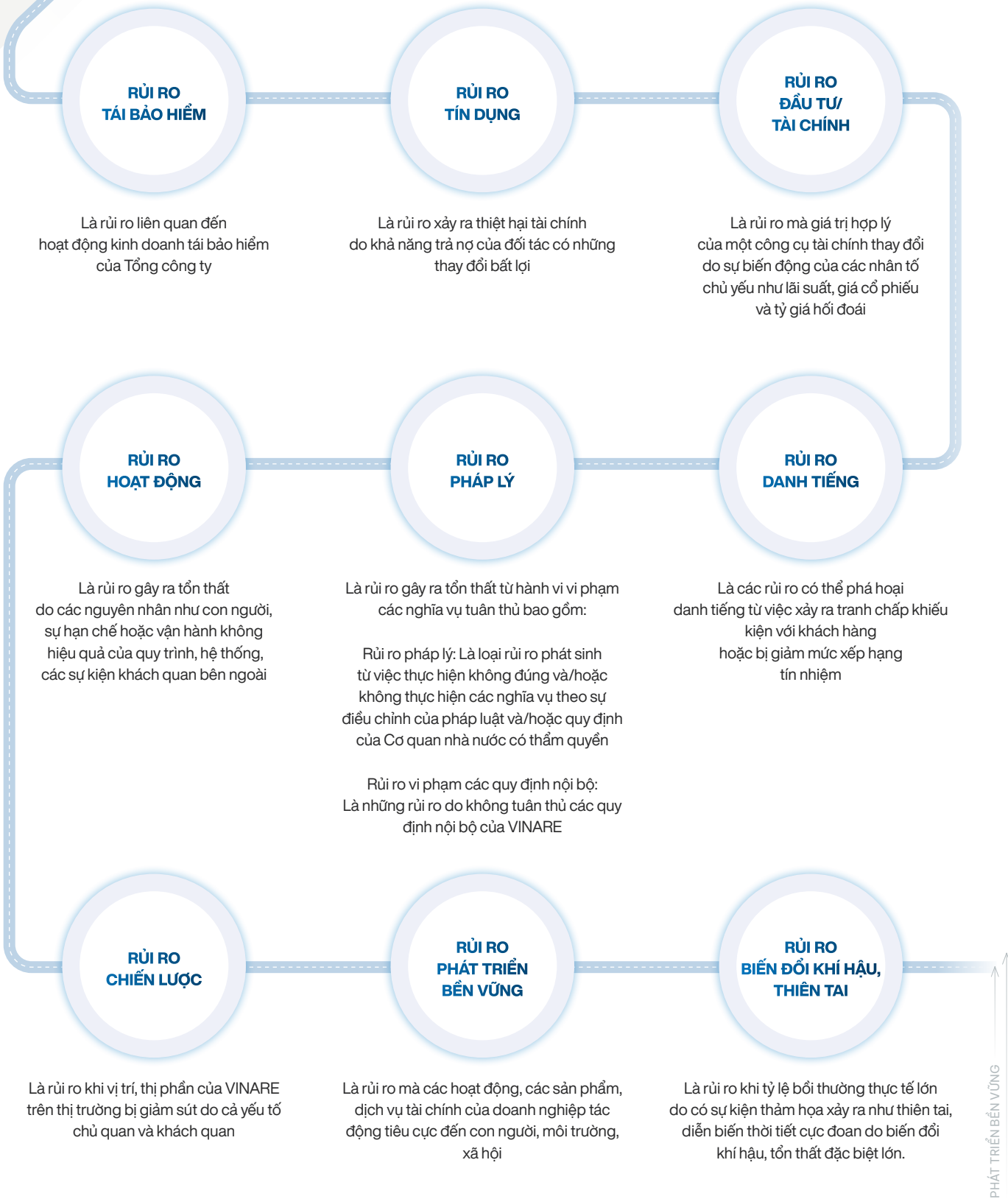
>

Đẩy mạnh hợp tác nội bộ và với đối tác để nâng cao năng lực phát triển sản phẩm, cải tiến công cụ định phí, đánh giá vốn theo rủi ro và quản trị rủi ro.

>

Mở rộng chuỗi giá trị gia tăng cho thị trường Việt Nam, với các giải pháp hiệu quả và toàn diện trong các lĩnh vực: Phát triển sản phẩm và kênh phân phối, đào tạo, đánh giá rủi ro, định giá, cung cấp thông tin, giải pháp tái bảo hiểm và chiến lược phát triển thị trường bền vững.

Quản trị phát triển bền vững



Quản trị phát triển bền vững



Quản lý rủi ro biến đổi khí hậu, thiên tai

Đối với rủi ro biến đổi khí hậu, thiên tai (gồm diễn biến thời tiết cực đoan, thiên tai...), VINARE luôn quan tâm, theo dõi riêng các tổn thất do thiên tai hàng năm trong danh mục nhận tái bảo hiểm để điều chỉnh chính sách khai thác và chương trình nhượng tái bảo hiểm phù hợp nhằm chia sẻ rủi ro này với các nhà tái bảo hiểm nước ngoài. Định kỳ hàng năm, yêu cầu các đối tác chạy các mô hình tính toán mức độ tiềm ẩn rủi ro thiên tai, từ đó đánh giá mức độ rủi ro để mua tái bảo hiểm bảo vệ phù hợp. Mặc dù chi phí mua tái bảo hiểm bảo vệ đối với tổn thất thảm họa vẫn ở mức cao do xu hướng tăng giá phí, VINARE tiếp tục duy trì mua hợp đồng bảo vệ rủi ro thảm họa với mức bảo vệ tương ứng với sự kiện 50-100 năm (căn cứ theo kết quả mô hình rủi ro thiên tai do đối tác nước ngoài cung cấp) nhằm chuyển giao rủi ro, hạn chế mức độ ảnh hưởng tài chính khi rủi ro thảm họa xảy ra.

Quản lý rủi ro phát triển bền vững

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của VINARE là đảm bảo Tổng công ty duy trì hoạt động liên tục và đạt được các mục tiêu hiệu quả đã đề ra trong điều kiện ngày càng xuất hiện nhiều loại rủi ro mới do sự phát triển của công nghệ, do sự biến động địa chính trị của thế giới, do dịch bệnh và tình hình biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng.



Các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống VINARE

Chiến lược phát triển bền vững

Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tổng công ty vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.

Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị

Chúng tôi xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Ngoài ra, thông tin phục vụ quản trị của các Ban luôn được thông suốt, đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo tới Lãnh đạo Tổng công ty kịp thời, chính xác.

Tuân thủ và kiểm soát nội bộ

Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ giúp VINARE thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong từng lĩnh vực kinh doanh của VINARE và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Chúng tôi đánh giá rủi ro tuân thủ việc thực hiện các quy định pháp luật, các quy định nội bộ của VINARE, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tổng công ty như lương thưởng và các chính sách nhân sự. Mặt khác, VINARE luôn tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, nhằm tạo niềm tin của nhà đầu tư vào một thị trường minh bạch. Thông tin chính xác, kịp thời không chỉ mang ý nghĩa với thị trường, các nhà đầu tư mà còn giúp cho các doanh nghiệp sẽ có cơ hội tạo dựng, nâng cao uy tín của mình và hướng đến sự phát triển bền vững.

Các tác động của môi trường, xã hội đối với VINARE

VINARE là công ty kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của VINARE, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh tái bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của VINARE là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

Sự biến đổi khí hậu kèm theo hiện tượng ấm lên toàn cầu là một trong những nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm. VINARE sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa thiên tai và các tham số để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện thiên tai có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép VINARE xác định mức tái bảo hiểm bảo vệ cần mua phù hợp với mức độ tổn thất và tần suất tổn thất nhất định.

Các tác động từ hoạt động kinh doanh của VINARE đối với môi trường, xã hội

VINARE tiến hành đánh giá các tác động tới môi trường của từng chức năng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động này. Việc xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường, xã hội giúp VINARE giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

VINARE không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của VINARE đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của VINARE (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của VINARE).

Quản trị phát triển bền vững

Quản lý rủi ro trong chuỗi giá trị

- 1

Xác định và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh

Tầm nhìn về phát triển bền vững của VINARE được tích hợp với chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, lợi ích cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.
- 2

Xây dựng chính sách quản lý rủi ro phát triển bền vững

xây dựng quy trình để đảm bảo áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của VINARE đối với phát triển bền vững.
- 3

Thực hiện đánh giá các rủi ro của hoạt động đầu tư

Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của hoạt động đầu tư giúp cho VINARE nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi quyết định thực hiện đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của phương án phân bổ tài sản, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của việc đầu tư đối với cộng đồng và xã hội.
- 4

Quản lý rủi ro trong hoạt động của VINARE đối với môi trường và xã hội

Việc khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của VINARE có những tác động nhất định đến môi trường. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị thuê diện tích văn phòng, VINARE đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo.
- 5

Đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp

VINARE xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của VINARE đối với môi trường, xã hội.
- 6

Đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống

Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về các tác động đối với môi trường và xã hội, đảm bảo rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của VINARE.

Sự tham gia của các bên liên quan

Phân bổ và tối ưu hóa các nguồn lực

Xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng



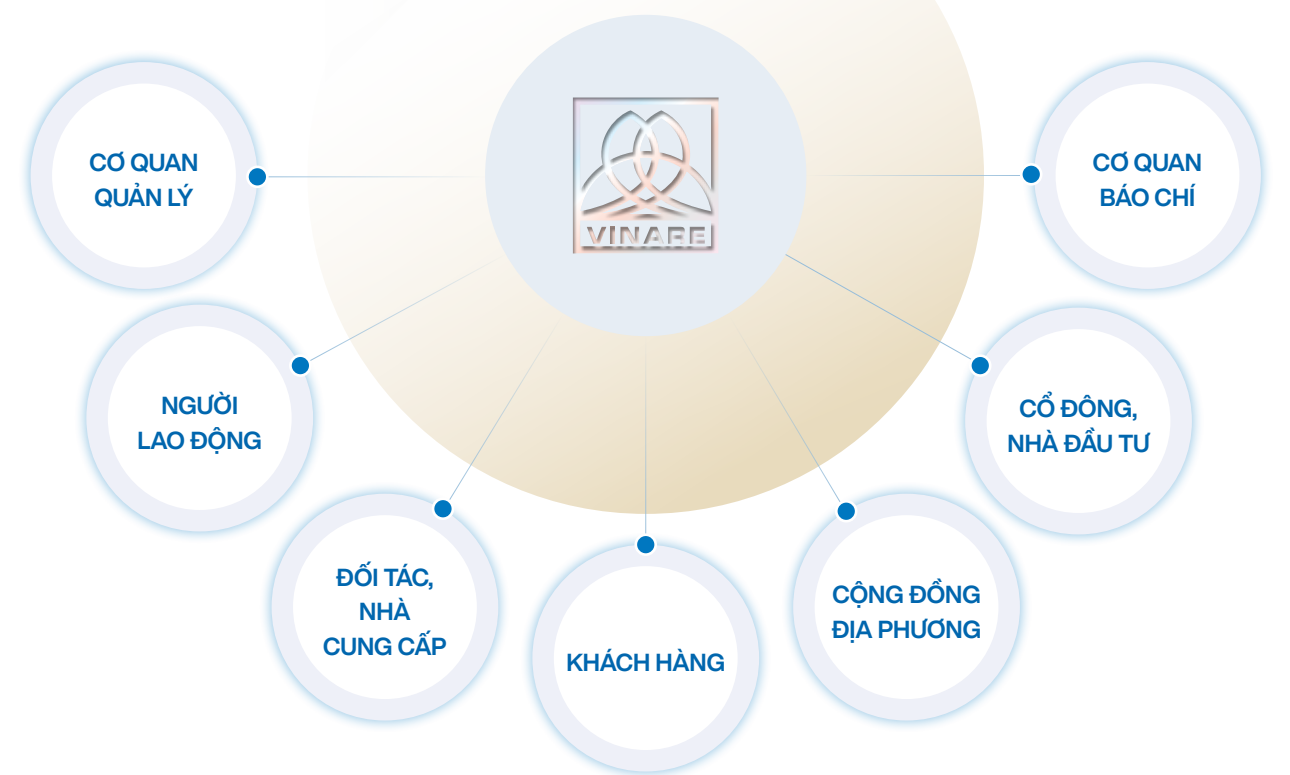
Trên cơ sở Mô hình kiến tạo các giá trị bền vững, VINARE xác định 7 yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của VINARE bao gồm Nguồn lực tài chính (vốn), Nguồn Nhân lực, Tài sản hữu hình, Tài sản vô hình và Sở hữu trí tuệ, Quản trị doanh nghiệp, Các yếu tố môi trường và xã hội.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị bao gồm: Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông); Giá trị gia tăng cho khách hàng (dịch vụ vượt trội), Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập), Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường...).

	Yếu tố tạo động lực tăng trưởng của VINARE	Giá trị mang lại
YẾU TỐ NỘI LỰC	1. Nguồn lực tài chính (vốn)	Giá trị kinh tế (lợi nhuận, cổ tức)
	2. Nguồn nhân lực	Giá trị vật chất và tinh thần: Phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập
	3. Tài sản hữu hình	Nâng cao năng lực cạnh tranh
	4. Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ	Giá trị gia tăng cho khách hàng: Sản phẩm và dịch vụ vượt trội
	5. Quản trị doanh nghiệp	Gia tăng Giá trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh
YẾU TỐ BÊN NGOÀI	6. Yếu tố xã hội	Giá trị cho cộng đồng (nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy tiêu dùng...)
	7. Yếu tố môi trường	Xanh hóa hoạt động kinh doanh, Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Sự tham gia của các bên liên quan

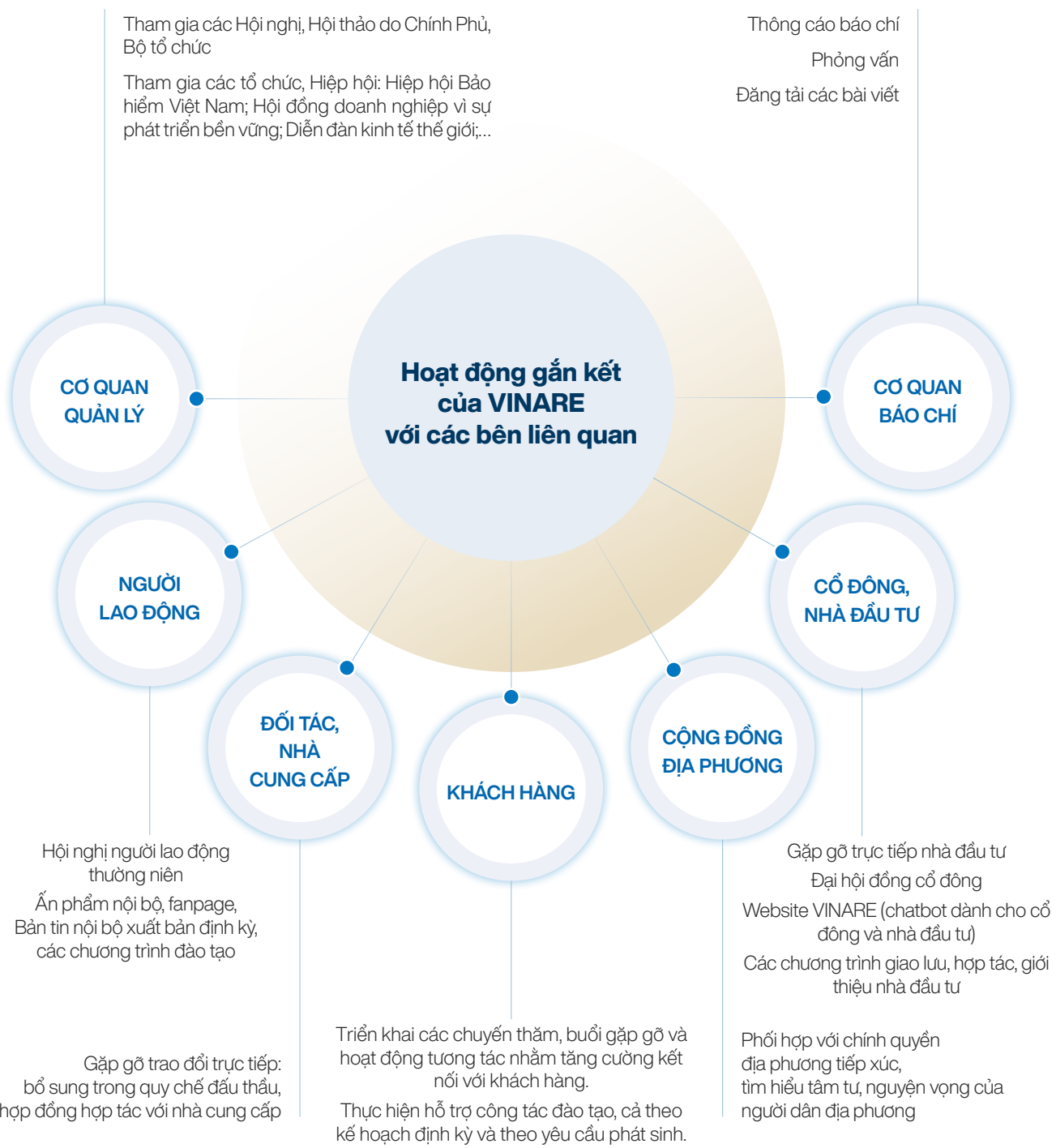
Các bên liên quan trọng yếu đối với VINARE



Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của VINARE, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp VINARE chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp VINARE nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

VINARE xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với VINARE.



Trong năm 2024, VINARE tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều ở đó các vấn đề phát triển bền vững được VINARE đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến các yếu tố Kinh tế – Xã hội – Môi trường.

Sự tham gia của các bên liên quan



Cổ đông/Nhà đầu tư

Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông thông qua hoạt động kinh doanh bền vững, đem lại lợi ích lâu dài và ngày một gia tăng cho cổ đông; Đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư.

Các vấn đề thảo luận

Đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư: Minh bạch, thông tin

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Tư vấn và trả lời các thông tin cho cổ đông trực tiếp nhằm giải quyết quyền lợi cho cổ đông nhanh chóng.
- Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết.
- VINARE triển khai Chatbot trên website nhằm nâng cao trải nghiệm, gia tăng kết nối với các bên liên quan và đồng hành cùng cổ đông, đối tác, khách hàng trong giai đoạn quan trọng trước thềm Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
- Đại hội đồng cổ đông năm 2024 có sự tham gia của 21 cổ đông, đại diện cho 92,9% số cổ phần có quyền biểu quyết của VINARE.

Các vấn đề thảo luận

Tăng trưởng hiệu quả, bền vững

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2024 đạt 3.153 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2023 và đạt 108,1% kế hoạch năm được giao. Trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 14,3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 465 tỷ đồng.
- Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty cao gấp 6 lần so với quy định của Bộ Tài chính.

Các vấn đề thảo luận

Đảm bảo chi trả cổ tức cho nhà đầu tư

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10% và bằng cổ phiếu 10%.
- Các giá trị tăng thêm ngoài lợi tức cho nhà đầu tư (bản tin bảo hiểm – tái bảo hiểm, nâng cấp website...).
- Duy trì đối thoại với Nhà đầu tư thông qua các kênh tiếp xúc trực tiếp, trực tuyến, email, điện thoại để kịp thời nắm bắt mối quan tâm của Nhà đầu tư.



Khách hàng

Xây dựng các giải pháp bảo vệ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng.

Các vấn đề thảo luận

Đa dạng hóa các giá trị gia tăng cho khách hàng

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho khách hàng theo yêu cầu.
- Cung cấp thông tin và tư vấn hỗ trợ theo yêu cầu.
- Tổ chức các hội thảo về các vấn đề thị trường và khách hàng quan tâm.
- Tiếp nhận thường xuyên các thông tin phản ánh, góp ý từ phía khách hàng thông qua email và số điện thoại của người phụ trách Quản trị công ty.



Người lao động

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của VINARE.

Các vấn đề thảo luận

Đảm bảo quyền lợi người lao động

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Duy trì các chế độ phúc lợi hiện có cho người lao động.
- Tổ chức thành công Hội nghị Người lao động thường niên 2024
- Tổ chức thường xuyên các hoạt động, sự kiện nội bộ cho người lao động.

Các vấn đề thảo luận

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh; Gắn kết người lao động với hoạt động của doanh nghiệp

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Huy động sự tham gia của 100% cán bộ trong các dự án cộng đồng, các chương trình thiện nguyện.



Cơ quan quản lý

Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; xây dựng các mối quan hệ bền vững với các cơ quan Ban ngành, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của VINARE nói riêng.

Các vấn đề thảo luận

Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Bổ sung các đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong các tờ trình về hoạt động đầu tư.
- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên; nghiêm túc thực hiện các định hướng, chiến lược của Chính phủ.

Các vấn đề thảo luận

Đánh giá tác động môi trường; giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Tiếp tục thực hiện việc giám sát tiêu thụ năng lượng, xây dựng kế hoạch tiết kiệm tại trụ sở và các văn phòng.
- Truyền thông nội bộ trong hệ thống, nâng cao ý thức của cán bộ về bảo vệ môi trường.
- Theo dõi lượng chất thải từ các tòa nhà VINARE.

Sự tham gia của các bên liên quan



Cơ quan báo chí

Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của VINARE được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.

Các vấn đề thảo luận

Tăng cường tiếp xúc, cùng nhà báo đưa các tin tức về phát triển bền vững, giúp nhà báo và các bên hiểu rõ hơn về vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các tin ngắn, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí mục tiêu.
- Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí thông qua việc mời nhà báo tham dự một số chương trình do VINARE tổ chức hoặc VINARE tham gia.



Đối tác/Nhà cung cấp

Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp, ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội

Các vấn đề thảo luận

Đưa ra các tiêu chí cụ thể trong các đánh giá về môi trường và xã hội đối với nhà thầu

Hành động của VINARE trong năm 2024

- Đưa yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội trong điều khoản hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính.
- Bổ sung các tiêu chí đánh giá về môi trường, xã hội và quản trị trong các phương án đầu tư và các hoạt động khác của VINARE.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Các vấn đề trọng yếu được đánh giá

Xác định các vấn đề trọng yếu

VINARE thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà VINARE cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.

Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2024.

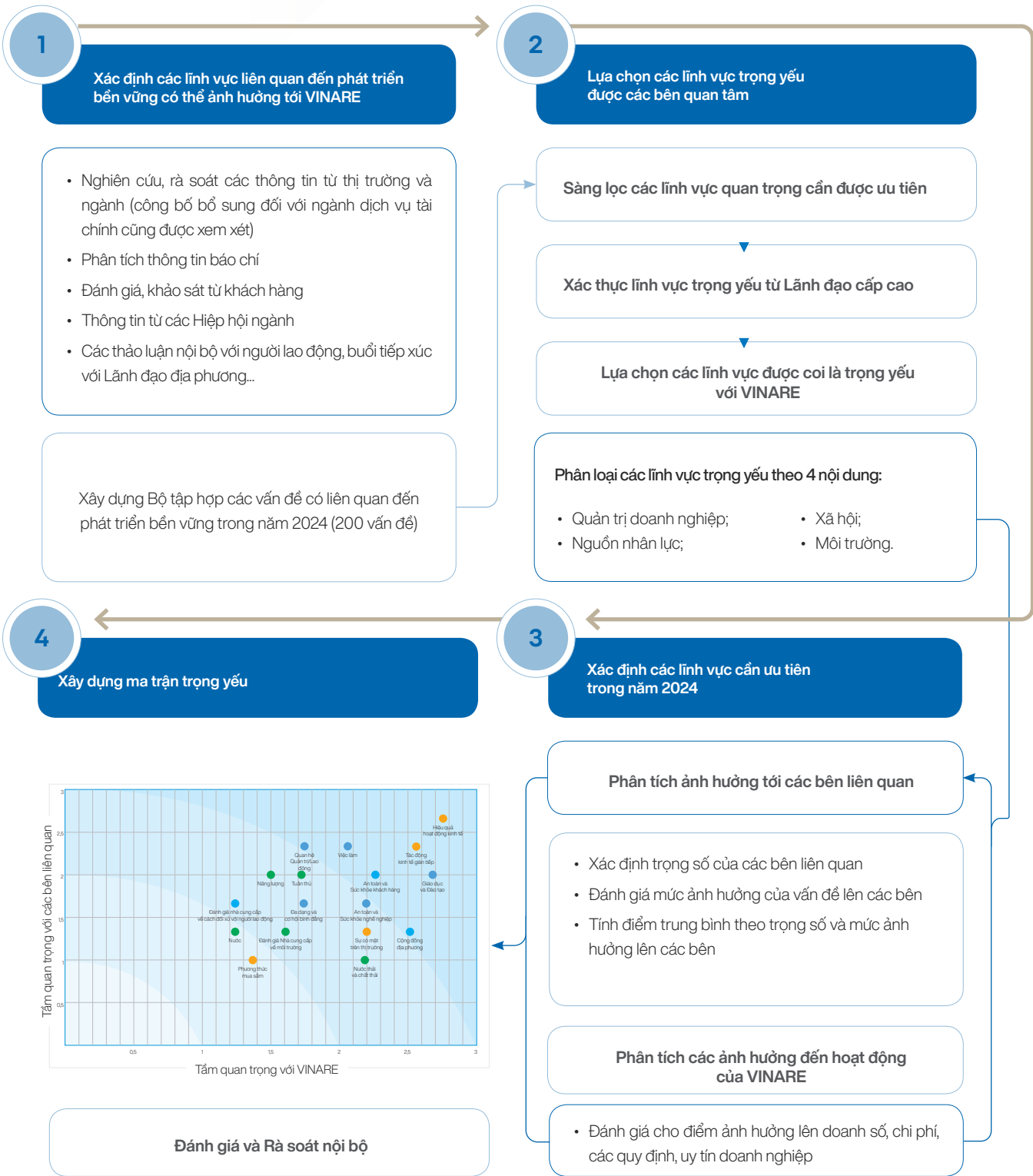
20 lĩnh vực được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 4 nhóm:

- Kinh tế (3 vấn đề);
- Xã hội (2 vấn đề);
- Môi trường (7 vấn đề);
- Quản trị doanh nghiệp (4 vấn đề);
- Nguồn nhân lực (4 vấn đề).



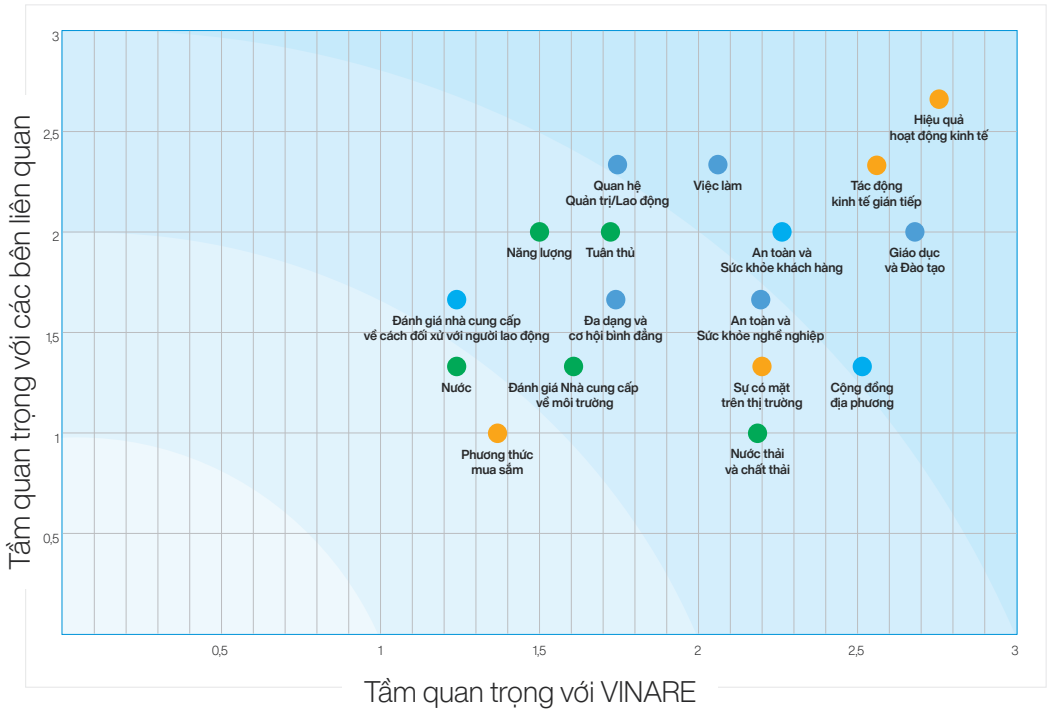
Các vấn đề trọng yếu được đánh giá

Quy trình xác định vấn đề trọng yếu



Ma trận các vấn đề trọng yếu

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, VINARE xây dựng “Ma trận các lĩnh vực trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



13 Lĩnh vực được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 4 nhóm:



Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội



Phát huy tăng trưởng hiệu quả, bền vững

Tham khảo nội dung tại Chương IV

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Tham gia tích cực vào các chương trình bảo hiểm của chính phủ

Bảo hiểm Nông nghiệp
theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP và
Quyết định 13/2022/QĐ-TTg

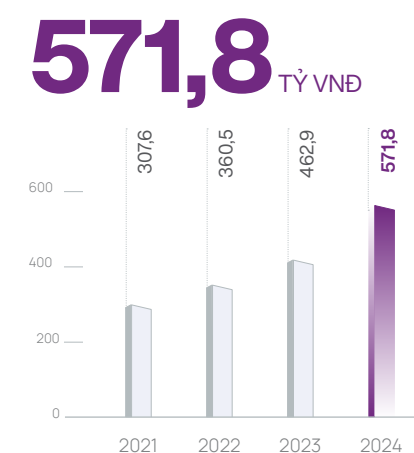
Nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp có hiệu lực từ ngày 5/6/2018 quy định khung pháp lý cho việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. VINARE đã phối hợp với các doanh nghiệp bảo hiểm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai, đặc biệt công tác giải quyết bồi thường để người nông dân nhanh chóng khôi phục sản xuất nông nghiệp. VINARE cùng với đối tác chiến lược Swiss Re và các công ty bảo hiểm trong nước gồm Bảo Việt và Bảo Minh đã tích cực tham gia công tác tổng kết, đánh giá kết quả triển khai bảo hiểm nông nghiệp từ năm 2018 đến 2024 theo yêu cầu của Cục Quản lý bảo hiểm – Bộ Tài chính. Trên cơ sở đó, các bên phối hợp thêm với các doanh nghiệp bảo hiểm khác đưa ra ý kiến đóng góp, đề xuất cho việc xây dựng các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 58/2018/NĐ-CP nhằm đưa chính sách an sinh xã hội của Chính phủ đi sâu hơn vào đời sống của người dân, đặc biệt đối với lĩnh vực tam nông. Dự kiến, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2018/NĐ-CP sẽ được Chính phủ thông qua vào cuối năm 2025 hoặc đầu năm 2026.

Tác động kinh tế gián tiếp



VINARE là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trên thị trường Việt Nam, cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, góp phần bảo đảm giải quyết tốt quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.

Số tiền bồi thường thực chi trả
năm 2024



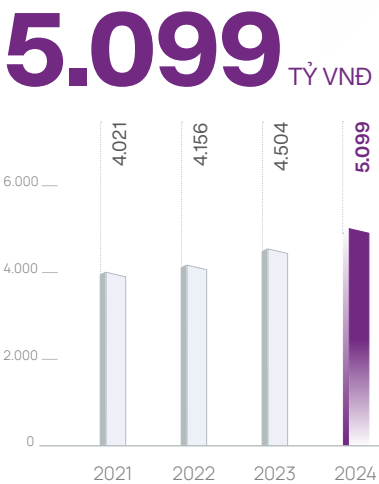
Số tiền chi trả bồi thường của VINARE

Năm 2024, VINARE chi trả bồi thường 571,8 tỷ VNĐ, tăng đáng kể so với 462,9 tỷ VNĐ năm 2023, 360,5 tỷ VNĐ năm 2022 và 307,6 tỷ VNĐ năm 2021. Sự gia tăng này phản ánh tình hình tổn thất trên thị trường bảo hiểm cũng như vai trò của VINARE trong việc bảo vệ quyền lợi khách hàng. Với chính sách bồi thường minh bạch, nhanh chóng và hiệu quả, VINARE tiếp tục khẳng định uy tín, đồng thời duy trì nền tảng tài chính vững chắc nhờ chiến lược quản trị rủi ro chặt chẽ.

Ngay sau khi cơn bão Yagi đổ bộ và gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, VINARE đã phối hợp cùng các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, công ty giám định độc lập khẩn trương đến làm việc tại hiện trường tại Quảng Ninh, Hải Phòng, chỉ đạo công tác giám định, xử lý tổn thất và tạm ứng bồi thường với mục tiêu hỗ trợ khách hàng kịp thời và nhanh chóng để khắc phục hậu quả, giải quyết các tổn thất phát sinh, góp phần ổn định an sinh và nhanh chóng phục hồi kinh tế.

Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế của VINARE năm 2024



Gián tiếp đầu tư trở lại nền kinh tế

VINARE không chỉ đóng vai trò là doanh nghiệp tái bảo hiểm hàng đầu mà còn tích cực tái đầu tư nguồn vốn nhân rồi, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Cụ thể, trong năm 2024, số tiền VINARE tái đầu tư đạt 5.099 tỷ VNĐ, tăng đáng kể so với mức 4.504 tỷ VNĐ của năm 2023 và 4.156 tỷ VNĐ của năm 2022. Sự gia tăng ổn định này không chỉ thể hiện năng lực tài chính vững mạnh mà còn phản ánh cam kết của VINARE trong việc đồng hành cùng sự phát triển chung của nền kinh tế.

Việc tối ưu hóa nguồn vốn nhân rồi và tái đầu tư một cách hiệu quả không chỉ giúp VINARE gia tăng giá trị cho các cổ đông mà còn tạo ra những tác động tích cực cho nền kinh tế. Qua đó, VINARE ngày càng củng cố vị thế trên thị trường, khẳng định vai trò của một doanh nghiệp không chỉ vững mạnh về tài chính mà còn có trách nhiệm với cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước.



Gắn kết tiêu chí môi trường xã hội và quản trị (ESG) trong hoạt động đầu tư của VINARE

Tại VINARE, an toàn và hiệu quả luôn là nguyên tắc cốt lõi trong mọi quyết định đầu tư, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Chúng tôi tin rằng một chiến lược đầu tư vững chắc không chỉ bảo vệ quyền lợi của cổ đông, khách hàng và người lao động, mà còn tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Các đóng góp gián tiếp về kinh tế

Đóng góp cho ngân sách nhà nước

VINARE luôn đề cao trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, góp phần quan trọng vào nguồn thu ngân sách quốc gia. Trong suốt những năm qua, VINARE không chỉ duy trì mức đóng góp ổn định mà còn cho thấy sự phát triển bền vững và cam kết lâu dài đối với nền kinh tế.

VINARE là một trong những doanh nghiệp có đóng góp đáng kể cho Ngân sách nhà nước thông qua các nghĩa vụ thuế.

Mỗi khoản đóng góp của VINARE không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động mà còn thể hiện vai trò của một doanh nghiệp minh bạch, tuân thủ pháp luật và đồng hành cùng sự phát triển chung của đất nước. Với nền tảng tài chính vững chắc và chiến lược tăng trưởng bền vững, VINARE sẽ tiếp tục giữ vững vai trò là một trong những doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước trong những năm tới.

Chi trả cổ tức cho cổ đông

Năm 2024, VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2023 với tỷ lệ 10% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 được Hội đồng Quản trị thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông là 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu.

Số tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông của VINARE	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021
Số tiền chi trả cổ tức	182,3	165,8	150	196
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	10%	10%	10%	13%
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	10%	10%	10%	

Chống tham nhũng

Tại VINARE, minh bạch, liêm chính và tuân thủ pháp luật luôn là những giá trị cốt lõi trong mọi hoạt động. VINARE cam kết xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, không dung túng cho bất kỳ hành vi tham nhũng, hối lộ hay gian lận nào.

Trong năm 2024, không có bất kỳ vụ việc tham nhũng nào được xác nhận tại VINARE. Điều này không chỉ phản ánh sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật mà còn khẳng định hiệu quả của các chính sách và biện pháp kiểm soát nội bộ mà công ty đã triển khai. Đặc biệt, VINARE đã ban hành và thực thi Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, đặt ra những tiêu chuẩn rõ ràng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cán bộ nhân viên, đảm bảo các hoạt động kinh doanh luôn minh bạch và công bằng.

Bên cạnh đó, VINARE không ngừng nâng cao nhận thức về phòng chống tham nhũng thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, giúp đội ngũ nhân sự nhận diện, phòng tránh và báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm. Hệ thống giám sát và cơ chế phản hồi minh bạch cũng được VINARE triển khai nhằm đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ theo đúng chuẩn mực đạo đức và pháp luật hiện hành.

Với nền tảng quản trị doanh nghiệp vững chắc và cam kết mạnh mẽ trong việc duy trì môi trường làm việc liêm chính, VINARE tiếp tục khẳng định vị thế của một doanh nghiệp tái bảo hiểm uy tín, đáng tin cậy, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Các tiêu chuẩn về
Kinh tế, Môi trường, Xã hội



“ Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của VINARE tác động không đáng kể đến môi trường. Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của VINARE – đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.



Kết quả kiểm kê khí nhà kính năm 2023-2024

Phạm vi	Hoạt động phát thải	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Phạm vi 1	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống	tCO ₂ e	0	0,41
	Đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp	tCO ₂ e	18,45	17,70
	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống điều hòa	tCO ₂ e	0	0
	Phạm vi 1 - Tổng	tCO ₂ e	18,45	18,11
Phạm vi 2	Tiêu thụ điện cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng, tiêu thụ điện cho hệ thống nóng lạnh và sưởi	tCO ₂ e	388,88	409,18
	Phạm vi 2 - Tổng	tCO ₂ e	388,88	409,18
Tổng cộng		tCO ₂ e	407,33	427,29

Bảng tổng hợp phát thải theo nguồn phát thải năm 2024

Nguồn số	Các nguồn phát thải	Tổng lượng phát thải (tấn CO ₂ e)	% phát thải
Phát thải trực tiếp		18,10720	-
Nguồn 1	Quá trình đốt nhiên liệu thiết bị cố định	0,40761	0,10%
Nguồn 2	Quá trình đốt nhiên liệu từ thiết bị di động	17,69959	4,14%
Phát thải gián tiếp		409,1839	-
Nguồn 3	Sử dụng điện mua ngoài	409,1839	95,76%
Tổng cộng		427,2912	100%

Bảng tổng hợp phát thải theo phạm vi năm 2024

Phạm vi	Nguồn phát thải	Lượng phát thải (tấn CO ₂ e) năm 2024	% phát thải 2024
Phạm vi 1	Phát thải trực tiếp từ hoạt động vận hành cơ sở	18,1072	4,2 %
Phạm vi 2	Phát thải gián tiếp từ năng lượng mua bên ngoài	409,1839	95,8 %
Tổng cộng		427,2912	100%

Tổng lượng phát thải của Cơ sở năm 2024 là 427,29 tCO₂e, trong đó phần lớn đến từ nguồn năng lượng tiêu thụ gián tiếp. Cụ thể, phát thải từ điện mua ngoài chiếm tới 95,8%, trong khi phát thải từ hoạt động đốt di động chỉ chiếm 4,2%. Điều này cho thấy, VINARE hầu như không phát thải trực tiếp khí nhà kính mà chủ yếu chịu tác động từ nguồn năng lượng tiêu thụ, đặc biệt là điện.

Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

Nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc giảm thiểu dấu chân carbon, VINARE đang tích cực tìm kiếm và triển khai các giải pháp nhằm tối ưu hóa sử dụng năng lượng và từng bước chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo. Các biện pháp như nâng cao hiệu suất sử dụng điện, tăng cường ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng và tìm kiếm các giải pháp thay thế bền vững đang được VINARE ưu tiên thực hiện.

Bên cạnh đó, để bù đắp phần carbon đã phát thải, VINARE đã và đang gia tăng ngân sách dành cho các hoạt động cộng đồng và từ thiện. Các chương trình hỗ trợ giáo dục, trồng cây xanh, bảo vệ môi trường và phát triển sinh kế bền vững cho các nhóm đối tượng khó khăn được thúc đẩy mạnh mẽ hơn, với mong muốn không chỉ giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tạo ra giá trị tích cực lâu dài cho xã hội.

Báo cáo chi tiết đo lường Khí thải nhà kính GHG (theo GHG Protocol)

Phạm vi	Hoạt động phát thải		2023	Năm 2024	Ghi chú	
<div>Phạm vi 1</div>	S1 - Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống (Stationary Combustion)	Lượng nhiên liệu dùng cho máy phát điện trong năm (kg/MJ/GJ)	0	127,5 kg	Dầu DO (Tỷ trọng dầu: 0,85kg/l)	
	S1 - Nhiên liệu tiêu thụ bởi các phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu hoặc được thuê bởi công ty (Mobile Combustion)	Lượng xăng tiêu thụ trong năm (Lít)	5.022,5	2.430		
		Lượng dầu tiêu thụ trong năm (Lít)	2.394,0	4.347		
		Tổng quãng đường di chuyển trong năm (km)	49.175	50.120		
	S1 - Khí phát thải liên quan đến chất làm lạnh từ việc sử dụng hệ thống làm mát, hệ thống điều hòa và tủ lạnh (Refrigerants)	Số lượng máy lạnh sử dụng trong năm (cái)	17	19		
		Loại Gas lạnh Máy lạnh sử dụng (R-401A, R-401B, R-402A,...)	R410, R32	R410, R410A, R32		
		Khối lượng chất làm lạnh trong mỗi máy lạnh (kg)	0,8 – 1,5	0,8 – 3,2		
		Số lượng Tủ lạnh trong năm (cái)	5	5		
		Loại Gas lạnh Tủ lạnh sử dụng (R-401A, R-401B, R-402A,...)	R134a	R134a		
		Khối lượng chất làm lạnh trong mỗi tủ lạnh (kg)	0,8-1,2	0,8-1,2		
		Số lượng máy làm lạnh khác trong năm (cái)	2	2		
		Loại Gas lạnh sử dụng (R-401A, R-401B, R-402A,...)	R134a	R134a		
		Khối lượng chất làm lạnh trong mỗi máy (kg)	228	228		
	<div>Phạm vi 2</div>	S2 - Điện năng tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng, điện tiêu thụ cho hệ thống nước nóng lạnh (Purchased Electricity)	Lượng điện tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng (kWh)	589.920	620.728	
Lượng điện tiêu thụ cho hệ thống Máy nước nóng lạnh (bình tấm nóng lạnh):			Lượng điện tiêu thụ của máy trong 1h (kWh)	0,3	0,3	
			Thời gian sử dụng máy trung bình/ngày	2	2	
			Số lượng máy có trong năm	11	11	
Lượng điện tiêu thụ cho cây nước nóng lạnh (máy uống nước):			Lượng điện tiêu thụ của máy trong 1h (kWh)	0,2	0,2	
			Thời gian sử dụng máy trung bình/ngày	4	4	
			Số lượng máy có trong năm	7	7	

Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

Theo dõi và kiểm soát số liệu năng lượng tiêu thụ

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, VINARE đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Số liệu thống kê lượng xăng tiêu thụ của Tổng công ty VINARE năm 2024	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lượng xăng tiêu thụ	2.430 lít	5.022,5 lít	8.934 lít
	80,73 GJ	166,87 GJ	341,79GJ
Tổng lượng điện tiêu thụ	620.728 Kwh	589.920 Kwh	536.682 Kwh
	2.234,62 GJ	2.123,71 GJ	1.932GJ
Tổng năng lượng tiêu thụ	2.315,35 GJ	2.290,58 GJ	2.273,79 GJ

Phát thải, Nước thải và Chất thải

Số liệu thống kê năm 2024

NƯỚC THẢI
5.300^{M³}

CHẤT THẢI
168^{M³}

	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Nước thải	5.300 m ³	4.947 m ³	5.000 m ³
Chất thải	168 m ³	168 m ³	168 m ³

Năm 2024, VINARE tiếp tục thực hiện đánh giá toàn diện về tác động môi trường từ hoạt động của tòa nhà trụ sở, nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích mức tiêu thụ năng lượng trong năm 2024, bao gồm điện và nhiên liệu, để tối ưu hóa việc sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường.
- Báo cáo tổng quan về công tác bảo vệ môi trường tại trụ sở, bao gồm các biện pháp kiểm soát chất lượng không khí, quản lý ô nhiễm nguồn nước, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Đồng thời, đánh giá năng lực và trang thiết bị của lực lượng phòng cháy chữa cháy tại chỗ nhằm đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định.

Thông qua các hoạt động này, VINARE không ngừng củng cố cam kết phát triển bền vững, hướng tới một môi trường làm việc xanh và an toàn hơn.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của VINARE như sau:

1

Nguồn chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà.
- Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả.

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, VINARE đều trang bị 01 thùng compsit lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà.
- Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty môi trường quận Hoàn Kiếm để xử lý.

Các giải pháp môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in.
- Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa.

2

Nguồn chất thải khí

Khí thải từ các phương tiện giao thông:

- Từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà.
- Từ các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Duẩn.
- Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông trong dự án góp phần làm gia tăng mức độ môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu.
- Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động với sức khỏe cộng đồng dân cư sinh sống trong đô thị và khu vực xung quanh.

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi cổng tòa nhà.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Các giải pháp môi trường

- Khởi động chương trình Văn phòng xanh, khuyến khích việc trang trí nơi làm việc bằng cây xanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.

Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội



VINARE xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của VINARE, các giải pháp được tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc... được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của VINARE.

Người lao động làm việc tại VINARE được đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, vùng miền. Các chế độ lương thưởng và phúc lợi được đảm bảo.

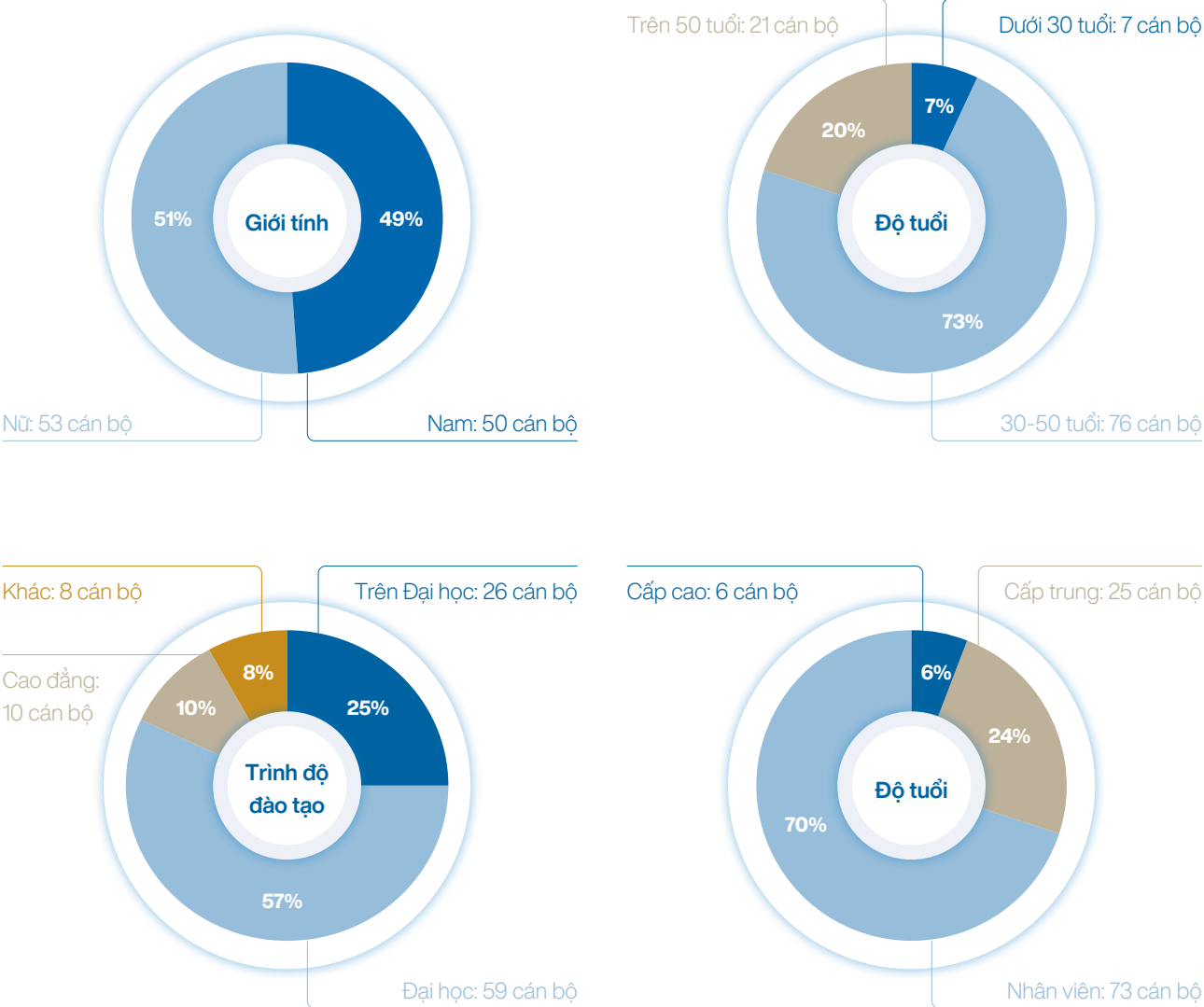
Việc làm

Tổng số lao động của VINARE năm 2024 **103** NGƯỜI

Năm 2024, tổng số lao động của VINARE là 103 người (giảm 01 người so với năm 2023) bao gồm 14 Ban chức năng và Chi nhánh. Về cơ cấu lao động năm 2024 ít có sự thay đổi so với năm 2023, tỉ lệ lao động Nam chiếm 49% so với lao động Nữ 51%; tỉ lệ lao động trẻ vẫn được VINARE duy trì trong những năm gần đây, năm 2024, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 6%, lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 72%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gần bó lấu năm với VINARE chiếm 22%.

Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2024 lao động của VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, chiếm trên 80%, riêng lao động có trình độ trên đại học chiếm 25%, lao động có trình độ từ cao đẳng trở xuống chiếm 18% (trong đó lao động có trình độ cao đẳng chiếm 10%).

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí



Năm 2024, tỷ lệ thôi việc của VINARE là 1%, 01 cán bộ nghỉ việc và 01 cán bộ nghỉ hưu theo quy định.

Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

Mối quan hệ Lao động và Quản lý

Về cơ cấu cán bộ quản lý, VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Năm 2024, tổng số cán bộ quản lý của VINARE là 31 người, chiếm tỉ lệ 30% trong tổng số lao động; trong đó, cán bộ quản lý cấp cao là 6 người, chiếm 6% và cán bộ quản lý cấp trung là 25 người, chiếm 24%.

An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

VINARE hiểu rằng để tổ chức có thể thành công và đi đến đích cần dựa vào đội ngũ nhân lực với sự quyết tâm và đồng lòng vì mục tiêu chung. Vì vậy, VINARE luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ cho thành công chung của VINARE. Điều này được thể hiện qua chính sách lương thưởng và hệ thống phúc lợi cạnh tranh với thị trường nhằm đảm bảo về mặt vật chất, đồng thời cũng là sự nhìn nhận của VINARE đối với sự gắn bó và cam kết với công việc của cán bộ.

Giáo dục và Đào tạo

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, VINARE xem đây không chỉ là cơ hội để phát huy những thành tựu đã đạt được mà còn là thách thức đòi hỏi sự đổi mới và phát triển bền vững. Nhận thức rõ rằng chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi tạo nên lợi thế cạnh tranh, VINARE luôn chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo và phát triển con người. Hàng năm, chúng tôi dành một ngân sách đáng kể cho các chương trình đào tạo, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tư duy chiến lược và khả năng thích ứng của đội ngũ nhân sự, sẵn sàng đón đầu những cơ hội và thách thức mới. Trong năm 2024, VINARE đã thực hiện đào tạo:

16 LƯỢT CÁN BỘ

Đào tạo các khóa nghiệp vụ trong nước

08 LƯỢT CÁN BỘ

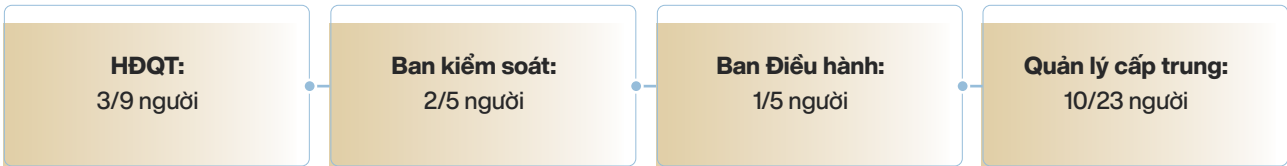
Đào tạo các khóa nghiệp vụ nước ngoài

Cơ hội bình đẳng

VINARE luôn chú trọng đến việc tuyển dụng nhân sự và thu hút người tài, cũng như đối xử công bằng với người lao động.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của VINARE đều có sự tham gia của nữ cán bộ.

Cơ cấu giới tính nữ trong:



Không phân biệt đối xử

VINARE cam kết xây dựng một môi trường làm việc công bằng, không phân biệt đối xử, trong đó mọi cá nhân đều được ghi nhận và đánh giá dựa trên năng lực và đóng góp thực tế. Điều này được thể hiện qua hệ thống quản lý và chính sách lương thưởng dựa trên hiệu quả làm việc, cùng với cơ chế đánh giá minh bạch, khách quan.

Những chính sách này không chỉ giúp VINARE nâng cao lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút và giữ chân nhân tài mà còn tạo động lực để mỗi cá nhân phát huy tối đa khả năng, góp phần xây dựng một đội ngũ nhân sự chất lượng cao, thúc đẩy năng suất lao động và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể

Tại VINARE, chúng tôi luôn xây dựng văn hóa đoàn kết, lối ứng xử hòa nhã trong môi trường làm việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp giàu bản sắc trong đó mỗi cán bộ là một đại sứ thương hiệu không chỉ gắn kết trong hoạt động kinh doanh mà còn góp sức trong hoạt động môi trường vì mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

Thực hiện trách nhiệm xã hội

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của VINARE hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường. Chính vì vậy, thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của VINARE.



Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, VINARE cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với VINARE, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.



Nhân kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2024), đoàn công tác của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) đã đến thăm hỏi, động viên, tặng quà các thương binh, bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Phú Thọ. Đại diện Ban Lãnh đạo VINARE đã trao tặng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Phú

Thọ số tiền 30 triệu đồng cùng các phần quà dành cho các thương binh, bệnh binh là những đồ dùng thiết yếu hàng ngày. Món quà tuy không lớn nhưng là tấm lòng biết ơn sâu sắc, tri ân của Tổng công ty đối với những sự hy sinh, đóng góp xương máu trong các cuộc kháng chiến của những thương, bệnh binh – những người đã có công lao trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.



Năm 2024, cơn bão số 3 lịch sử (Yagi) đã để lại những tổn thất nặng nề cho các tỉnh phía Bắc. Từ Quảng Ninh, Hải Phòng đến Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, những vùng tâm bão đi qua đều chịu sự tàn phá khốc liệt. Hoàn lưu bão tiếp tục gây lũ lụt, sạt lở nghiêm trọng tại Thái Nguyên, Yên Bái, Lào Cai, Bắc Giang, Phú Thọ, Cao Bằng..., khiến hàng nghìn hộ dân rơi vào cảnh khó khăn chống chọi. Ngoài nghĩa vụ thanh toán hơn 570 tỷ đồng bồi thường bảo hiểm, VINARE đã nhanh chóng hành động, chung tay hỗ trợ người dân khắc phục thiệt hại, sớm ổn định cuộc sống. Hơn 400 triệu đồng đã được đóng góp để kịp thời sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn, thể hiện tinh thần “tương thân, tương ái” của VINARE.

Không chỉ đồng hành cùng bà con vùng bão lũ, VINARE còn tiếp tục sứ mệnh “Doanh nghiệp vì cộng đồng” bằng những hành động thiết thực trong lĩnh vực y tế. Trước lời kêu gọi từ Bệnh viện Giao thông Vận tải về việc hỗ trợ trang thiết bị y tế, VINARE đã phối hợp cùng Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên

trao tặng một máy chạy thận nhân tạo và một máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số, với tổng trị giá 300 triệu đồng, trong đó con số đóng góp từ VINARE là 200 triệu đồng. Đây không chỉ là sự hỗ trợ về vật chất mà còn là món quà tinh thần, tiếp thêm sức mạnh cho đội ngũ y bác sĩ và những bệnh nhân đang cần sự chăm sóc y tế kịp thời.

Từ những chuyến đi đến vùng bão lũ, những phần quà cứu trợ thiết thực, đến những đóng góp cho ngành y tế, VINARE không ngừng lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Mỗi sự hỗ trợ, dù lớn hay nhỏ, đều là một phần trong hành trình bền bỉ mà VINARE đã và đang theo đuổi - một hành trình của sự sẻ chia, đồng hành và hướng đến một xã hội phát triển bền vững, nhân ái.

VINARE cũng dành khoản ngân sách đáng kể cho các hoạt động từ thiện khác: ủng hộ quỹ hưu trí, và các hoạt động từ thiện khác.



Ngày hội hiến máu hàng năm cũng được cán bộ VINARE hưởng ứng nhiệt tình, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và lòng nhân ái sâu sắc. Mỗi giọt máu cho đi không chỉ giúp đỡ những người bệnh đang cần mà còn lan tỏa giá trị yêu thương, gắn kết tập thể. Sự tham gia đồng lòng của cán bộ VINARE trong hoạt động này qua từng năm đã trở thành một nét đẹp văn hóa, minh chứng cho tinh thần sẻ chia và đóng góp tích cực vì một xã hội tốt đẹp hơn.

150	Báo cáo tài chính hợp nhất
212	Báo cáo tài chính riêng

150	Báo cáo tài chính hợp nhất
212	Báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 28/GP/KDBH đề ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC7/KDBH được cấp ngày 9 tháng 3 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch
Bà Anna Lee Oh Wah	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng ban
Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên
Ông Tushar Chatterjee	Thành viên
Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 70. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



MAI XUÂN DŨNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 154 đến trang 211.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Người được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3980
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025



Đặng Thái Sơn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 3946 2246, www.pwc.com/vn

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		5.466.527.432.290	5.646.385.571.351
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	145.428.912.948	67.490.368.460
111	Tiền		95.428.912.948	7.490.368.460
112	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn		2.359.284.349.627	2.655.222.070.188
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.359.284.349.627	2.660.714.828.212
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	4(b)	-	(5.492.758.024)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		765.757.228.366	1.040.807.394.087
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	624.191.049.354	723.178.236.711
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		624.186.606.580	723.154.039.411
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		4.442.774	24.197.300
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		176.929.454	426.622.326
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	187.231.520.504	354.492.495.480
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(45.842.270.946)	(37.289.960.430)
140	Hàng tồn kho	8	53.204.009	3.772.034.000
141	Hàng tồn kho		53.204.009	4.016.665.455
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(244.631.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		497.319.698.871	375.323.327.011
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	496.231.291.153	373.921.240.607
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		495.914.588.573	373.728.468.432
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		316.702.580	192.772.175
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		1.088.407.718	1.402.086.404
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.698.684.038.469	1.503.770.377.605
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	701.983.536.698	640.223.634.985
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	19(a)	996.700.501.771	863.546.742.620

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)		3.311.024.139.783	2.355.870.577.399
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.539.526.029	30.742.328.766
218	Phải thu dài hạn khác		30.539.526.029	30.742.328.766
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.11	28.000.000.000	28.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.539.526.029	2.742.328.766
220	Tài sản cố định		20.334.127.715	25.031.793.841
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	10.171.427.542	11.742.109.000
222	Nguyên giá		37.228.296.471	37.522.627.771
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.056.868.929)	(25.780.518.771)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	10.162.700.173	13.289.684.841
228	Nguyên giá		16.379.185.933	16.379.185.933
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.216.485.760)	(3.089.501.092)
230	Bất động sản đầu tư	11	954.071.644	2.772.668.242
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.100.990.249)	(31.282.393.651)
240	Tài sản dở dang dài hạn		6.202.761.368	6.411.675.248
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	3.752.597.748	4.794.985.248
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.450.163.620	1.616.690.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.241.702.414.776	2.279.499.946.895
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(c)	378.470.196.130	362.362.621.120
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	309.296.176.180	309.296.176.180
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	2.553.936.042.466	1.607.841.149.595
260	Tài sản dài hạn khác		11.291.238.251	11.412.164.407
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	756.407.180	1.123.428.874
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.676.497.738	2.430.402.200
268	Tài sản dài hạn khác	13	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		8.777.551.572.073	8.002.256.148.750

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		4.833.092.267.465	4.284.922.231.969
310	NỢ PHẢI TRẢ		4.831.361.073.837	4.283.447.945.163
311	Phải trả cho người bán	14	758.017.829.094	832.054.129.130
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		756.931.243.882	826.680.842.178
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.086.585.212	5.373.286.952
312	Người mua trả tiền trước		409.228.046	356.646.203
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.252.053.492	17.464.000.846
314	Phải trả người lao động		33.644.500.387	30.490.177.159
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1.344.632.521
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	66.633.489.808	78.259.558.296
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	176.856.406.576	147.555.514.424
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	17.078.407.468	25.410.877.397
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	29.054.437.446	33.668.361.750
329	Dự phòng nghiệp vụ	19	3.733.414.721.520	3.116.844.047.437
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.545.868.114.307	1.293.136.059.212
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.970.144.169.331	1.612.677.750.394
329.3	- Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối		217.402.437.882	211.030.237.831
330	Nợ dài hạn		1.731.193.628	1.474.286.806
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	1.731.193.628	1.474.286.806
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		3.944.459.304.608	3.717.333.916.781
410	Vốn chủ sở hữu		3.944.459.304.608	3.717.333.916.781
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20, 21	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	206.077.621.278	206.077.621.278
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	182.391.455.000	165.810.617.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	21	1.328.818.763.482	1.283.616.274.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		951.997.277.891	889.963.474.370
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm này		376.821.485.591	393.652.800.521
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	33.500.307.539	33.966.626.303
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		8.777.551.572.073	8.002.256.148.750


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2024	31/12/2023
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	3.357.310,43	36.202,05
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	98.131,97	24.957,24


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		11.481.301.480	6.334.444.389
12	Doanh thu hoạt động tài chính	28	425.244.331.791	474.108.028.979
13	Thu nhập khác		2.652.569.136	2.192.704.705
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(6.921.518.047)	(11.387.377.063)
22	Chi phí hoạt động tài chính	29	(26.711.489.181)	(23.168.978.009)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(123.316.518.427)	(126.800.153.314)
24	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	33.144.376.173	39.164.096.869
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24+25)		480.889.126.609	499.863.281.821
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)		404.457.899.046	423.439.460.445
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.157	2.241
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.157	2.241



NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập



NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.2-1.3)	23	2.900.584.369.437	2.532.299.552.563
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		3.153.316.424.532	2.677.422.217.971
1.3	- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	19(a)	252.732.055.095	145.122.665.408
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1+2.2)	24	(1.351.525.727.839)	(1.197.763.434.817)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.413.285.629.552)	(1.298.855.284.656)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	61.759.901.713	101.091.849.839
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1+2)		1.549.058.641.598	1.334.536.117.746
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		354.356.271.492	295.516.868.296
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	26(a)	326.316.216.692	263.949.619.993
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(a)	28.040.054.800	31.567.248.303
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Chi bồi thường	25	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
11.1	- Tổng chi bồi thường	25	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	632.979.577.033	562.583.052.592
13	Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	25	300.853.628.546	6.564.557.835
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	85.290.039.901	(46.565.523.767)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+12-13+14)	25	(787.433.246.343)	(516.078.269.125)
16	Tăng dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối		6.372.200.051	13.555.112.393
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		(943.356.340.292)	(960.178.439.130)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	26(b)	(886.196.402.981)	(821.560.935.278)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(b)	(57.159.937.311)	(138.617.503.852)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15-16+17)		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10+18)		166.253.126.404	140.241.165.394
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		11.481.301.480	6.334.444.389
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(6.921.518.047)	(11.387.377.063)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20+21)		4.559.783.433	(5.052.932.674)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

			Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	28	425.244.331.791	474.108.028.979
24	Chi phí hoạt động tài chính	29	(26.711.489.181)	(23.168.978.009)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23+24)		398.532.842.610	450.939.050.970
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(123.316.518.427)	(126.800.153.314)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25+26)		446.029.234.020	459.327.130.376
31	Thu nhập khác		2.652.569.136	2.192.704.705
32	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
40	Lợi nhuận khác - số thuần (40=31+32)		1.715.516.416	1.372.054.576
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	33.144.376.173	39.164.096.869
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1)		480.889.126.609	499.863.281.821
51	Thuế TNDN hiện hành	33	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)		404.457.899.046	423.439.460.445
	Phân bổ cho			
61	Tổng Công ty		404.924.217.810	421.425.243.742
62	Cổ đông không kiểm soát		(466.318.764)	2.014.216.703
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.157	2.241
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.157	2.241


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	1.116.751.883.461	1.059.810.734.718
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(627.872.352.059)	(556.479.931.810)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(59.560.865.293)	(59.689.664.756)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(74.947.757.823)	(92.054.424.527)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17.389.818.393	15.537.639.205
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(45.048.131.706)	(41.607.107.603)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	326.712.594.973	325.517.245.227
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.958.430.322)	(11.185.802.062)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	152.568.182	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.712.900.000.000)	(2.045.700.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.092.233.863.014	1.547.270.365.270
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	541.852.981.864	339.143.961.140
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(84.619.017.262)	(170.471.475.652)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	76.282.960.711	4.308.639.575
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	67.490.368.460	62.299.850.107
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.655.583.777	881.878.778
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	145.428.912.948	67.490.368.460


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 28/GP/KDBH để ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài Chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC7/KDBH được cấp ngày 9 tháng 3 năm 2025, đã điều chỉnh lại vốn điều lệ của Tổng Công ty lên 1.823.914.550.000 Đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 13 tháng 3 năm 2006 với mã chứng khoán là VNR.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Báo cáo tài chính hợp nhất không chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ mà phụ thuộc vào biến động của thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có một công ty con và một công ty liên kết. Chi tiết như sau:

	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	Đầu tư	Hà Nội, Việt Nam	63,9%	63,9%
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Bảo hiểm	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty và công ty con có 103 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 103 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính báo cáo

Năm tài chính của Tổng Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty và công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty và công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải thu của khách hàng về hợp đồng tái bảo hiểm là khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bao gồm phải thu phí nhận tái bảo hiểm, phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, phải thu hoa hồng nhượng tái và các khoản phải thu khác nhận nhượng tái bảo hiểm tại thời điểm cuối năm;
- Phải thu khác của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Khi trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có số dư cả phải thu và phải trả, Tổng Công ty căn cứ biên bản đối chiếu công nợ đã gửi đi để trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xử lý theo quy định.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở giá mua và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để mua sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, đầu tư vào các quỹ ủy thác có thời điểm tất toán được thống nhất trước với các công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư vào các quỹ ủy thác, Ban Tổng Giám đốc lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ một khoản đầu tư cao hơn giá trị của khoản đầu tư đó trên báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất do các quỹ ủy thác cung cấp. Khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập cho phần tăng lên của giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư đến mức tối đa, đảm bảo giá trị khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hợp đồng. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4%/năm
Phương tiện vận tải	17% - 25%/năm
Thiết bị văn phòng	25%/năm
TSCĐ hữu hình khác	20% - 25%/năm
Phần mềm	20%/năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty và công ty con bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 25 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và công ty con và các đối tác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. BCC được hạch toán và trình bày tùy từng quy định và điều kiện trong hợp đồng.

2.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng chưa phân bổ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và công ty con. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm tài chính này được Tổng Công ty xác định theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng (Thuyết minh 2.21(a)) tương ứng với từng loại hình bảo hiểm, như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Bảo hiểm sức khỏe	50% (*)	1/8 hoặc hệ số thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày
Bảo hiểm nhân thọ	50% (*)	(**)
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

(*) Bao gồm các trường hợp hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống.

(**) Trong trường hợp Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ có thời hạn trên 1 năm, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo quy định hiện hành.

Đối với các khoản chi phí trả trước khác, các khoản chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian mang lại lợi ích ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty và công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty và công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 theo đó trợ cấp thôi việc ghi nhận trên cơ sở thực chi.

2.21 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các phương pháp mà Chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn và các quy định và hướng dẫn trong:

- Công văn 2713/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018. Công văn có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2017.
- Công văn 2134/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 2 năm 2019. Công văn có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019.

Ngày 2 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP. Thông tư 67 đã đưa ra các quy định về phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Theo đánh giá của Tổng Công ty, phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm hiện tại của Tổng Công ty theo Công văn 2713 và 2134 là vẫn đảm bảo phù hợp và tuân thủ đối với quy định của Thông tư 67. Tổng Công ty đã có Công văn số 276/VNR-2023 đề ngày 27 tháng 12 năm 2023 báo cáo Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính, theo đó Tổng Công ty đăng ký tiếp tục áp dụng các phương pháp trích lập dự phòng đã được phê chuẩn tại Công văn 2713 và 2134 nêu trên.

Các khoản dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tái bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được tính trên tổng phí nhận tái/nhượng tái bảo hiểm thuộc năm tài chính được quy định như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Tái bảo hiểm nhân thọ

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Trong trường hợp Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ có thời hạn trên 1 năm, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo quy định hiện hành.

Tái bảo hiểm sức khỏe

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng được trình bày tại thuyết minh 2.21(e).

(b) Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp tái bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (“IBNR”) được Tổng Công ty trích lập bằng 5% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(c) Dự phòng dao động lớn

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.

(d) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo từng loại hình tái bảo hiểm như sau:

- Tái bảo hiểm sức khỏe: Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.
- Tái bảo hiểm nhân thọ: Tổng Công ty trích lập hàng năm với mức 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng mức 5% của phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

(d) Dự phòng đảm bảo cân đối (tiếp theo)

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính ban hành bốn chuẩn mực kế toán theo Quyết định 100/2005/QĐ-BTC, trong đó có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") – Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, dự phòng đảm bảo cân đối và dự phòng dao động lớn sẽ không cần tiếp tục trích lập vì khoản dự phòng này thể hiện "các yêu cầu bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính".

Tuy nhiên, Tổng Công ty tiếp tục trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất cũng như có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro, lãi suất kỹ thuật theo Công văn 2713 và Công văn 2134, đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

(e) Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm trên 1 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số 1/8;
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty phải đảm bảo kết quả trích lập không thấp hơn phương pháp trích lập theo hệ số 1/8.
- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày theo công thức tổng quát như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng
bảo hiểm, tái bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng
bảo hiểm, tái bảo hiểm

Doanh thu hoa hồng bảo hiểm chưa được hưởng từ các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được hoãn lại và ghi nhận là một khoản nợ phải trả theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Bảo hiểm sức khỏe	50% (*)	1/8 hoặc hệ số thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày
Bảo hiểm nhân thọ	50% (*)	(**)
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

(*) Bao gồm các trường hợp hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống.

(**) Trong trường hợp Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ có thời hạn trên 1 năm, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo quy định hiện hành.

2.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

2.23 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự trữ bắt buộc

Tổng Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty. Việc trích lập và tỷ lệ trích thực tế được quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường có điều khoản tái lập, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí tái lập. Đây là số tiền mà các nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm ban đầu của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của doanh thu phí tái lập là bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự thu doanh thu phí tái lập tương ứng với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

(b) Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Thu nhập hoa hồng nhượng tái bảo hiểm gồm các khoản thu hoa hồng đã nhận hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Các thu nhập này tính toán và được ghi nhận khi có bằng chứng chấp thuận của các bên (thông qua bảng thanh toán được xác nhận).

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.25 Doanh thu khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Doanh thu khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm phản ánh các doanh thu liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm bao gồm chủ yếu các doanh thu môi giới hợp đồng bảo hiểm, thu nhập theo kết quả hợp đồng nhượng tái bảo hiểm và các doanh thu khác. Đối với thu nhập theo kết quả hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, thu nhập này được tính toán bằng tỷ lệ phần trăm đã thỏa thuận cho mỗi hợp đồng, tính trên lợi nhuận thực tế của hợp đồng mà Tổng Công ty được hưởng khi kết quả của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm có lãi. Tổng Công ty phân loại các khoản thu này là doanh thu khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm dựa trên bản chất của thu nhập. Các khoản thu nhập theo kết quả hợp đồng nhượng tái bảo hiểm này được ghi nhận căn cứ vào điều khoản tính toán trong hợp đồng đã giao kết, khi có cơ sở chắc chắn để ghi nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

2.26 Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản giảm trừ đối với doanh thu nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận căn cứ hai (2) điều kiện sau đây:

- việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm được xác lập; và
- bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm của Tổng Công ty, phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận cùng kỳ với năm tài chính ghi nhận doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tương ứng.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường có điều khoản tái lập, Tổng Công ty ghi nhận phí tái lập phải trả. Đây là số tiền mà Tổng Công ty phải đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm ban đầu của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của phí tái lập phải trả là bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự tính chi phí tái lập phải trả tương ứng với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

2.27 Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm là các khoản hoa hồng phải trả cho các đơn vị nhượng tái bảo hiểm cho Tổng Công ty. Các chi phí này tính toán và được ghi nhận khi có bằng chứng chấp thuận của các bên (thông qua bảng thanh toán được xác nhận).

2.28 Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm

Các khoản chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái bảo hiểm của các đối tác gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty đã chấp nhận bồi thường.

2.29 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phát sinh được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản trong thỏa thuận tái bảo hiểm.

2.30 Chi phí khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Chi phí khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm bao gồm chủ yếu các chi phí môi giới hợp đồng tái bảo hiểm, chi phí theo kết quả hợp đồng nhận tái bảo hiểm và các chi phí khác. Đối với chi phí theo kết quả hợp đồng nhận tái bảo hiểm, chi phí này được tính toán bằng tỷ lệ phần trăm đã thỏa thuận cho mỗi hợp đồng, tính trên lợi nhuận thực tế mà Tổng Công ty phải trả khi kết quả của hợp đồng tái bảo hiểm có lãi. Tổng Công ty phân loại các chi phí này là chi phí khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm dựa trên bản chất của chi phí. Các khoản chi phí theo kết quả hợp đồng nhận tái bảo hiểm này được ghi nhận căn cứ vào điều khoản tính toán trong hợp đồng đã giao kết, khi có cơ sở chắc chắn để ghi nhận, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền.

2.31 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.32 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty và công ty con.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.33 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là chi phí hay thu nhập khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại sử dụng phương pháp công nợ được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.34 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng nhóm công ty là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty và công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.35 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8, Thuyết minh 6 và Thuyết minh 7);
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (Thuyết minh 2.16 và Thuyết minh 9(a));
- Dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh 2.21 và Thuyết minh 19);
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (Thuyết minh 2.21 và Thuyết minh 16 (a));
- Thu nhập/chi phí khác theo kết quả hợp đồng tái bảo hiểm (Thuyết minh 2.25, Thuyết minh 2.30); và
- Doanh thu phí tái lập và phí tái lập phải trả (Thuyết minh 2.24(a) và Thuyết minh 2.26).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền mặt	662.087.387	1.031.805.363
Tiền gửi ngân hàng	94.766.825.561	6.458.563.097
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	60.000.000.000
	145.428.912.948	67.490.368.460

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn ban đầu 3 tháng với lãi suất 4,5%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 0,5%/năm)

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024	31/12/2023
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	173.907.022	-
		(173.907.022)

(b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2.264.150.000.000	2.478.250.000.000
Ủy thác đầu tư (ii)	95.134.349.627	217.310.556.995
	2.359.284.349.627	2.695.560.556.995
		(5.492.758.024)
		(5.492.758.024)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn đáo hạn còn lại không quá 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất tại các ngân hàng thương mại trong nước và hưởng mức lãi suất từ 4,2%/năm đến 7,5%/năm (năm 2023: từ 5,6% đến 11,9%/năm).

(ii) Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("VCBF"), và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MBC"), có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại không quá 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên sổ tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 VND	Dự phòng tổn thất VND
VCBF số 01/2022/HĐ/VCBF-VNR	70.000.000.000	(3.728.510.377)	66.271.489.623	130.791.268.296	-
MBC số 11032/UTĐT/MBCapital-VNR	30.000.000.000	(1.137.139.996)	28.862.860.004	38.697.173.512	-
	100.000.000.000	(4.865.650.373)	95.134.349.627	169.488.441.808	-

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	378.470.196.130	(*)	-	(*)
Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	309.296.176.180	(*)	-	(*)
	687.766.372.310	(*)	671.658.797.300	(*)

Biến động về đầu tư góp vốn vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
Số đầu năm	362.362.621.120	338.240.028.217
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	33.144.376.173	39.164.096.869
Cổ tức nhận được (Thuyết minh 36(a))	(17.036.801.163)	(15.041.503.966)
Số cuối năm	378.470.196.130	362.362.621.120

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền chi phối và không có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn cổ phần như sau:

	31/12/2024			31/12/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	181.140.376.180	1.161.291.362.850	-	181.140.376.180	1.011.334.823.400	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	38.416.000.000	128.024.064.000	-	38.416.000.000	130.513.420.800	-
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	32.000.000.000	165.250.381.692	-	32.000.000.000	162.725.963.700	-
Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương	30.000.000.000	(*)	-	30.000.000.000	(*)	-
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	17.600.000.000	(*)	-	17.600.000.000	(*)	-
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	10.139.800.000	(*)	-	10.139.800.000	(*)	-
	309.296.176.180	(*)	-	309.296.176.180	(*)	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Các khoản đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024				31/12/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Dự phòng tổn thất VND
Tiền gửi dài hạn (i)	719.000.000.000	719.000.000.000	-	347.000.000.000	347.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu dài hạn (ii)	1.607.283.506.849	(*)	-	1.133.750.000.000	(*)	-	-	-
Ủy thác đầu tư (iii)	227.652.535.617	266.329.865.671	-	127.091.149.595	169.912.012.139	-	-	-
	2.553.936.042.466	(*)	-	1.607.841.149.595	(*)	-	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn này để thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Các khoản tiền gửi có thời hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,4%/năm (năm 2023: từ 6,0% đến 7,5%/năm).

(ii) Trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước, có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến 8 năm tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất với mức lãi suất từ 5,9% đến 7,8%/năm (năm 2023: từ 6,25% đến 9,6%/năm).

(iii) Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với VCBF, SSIAM và BVF có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại trên 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên số tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 VND	Dự phòng tổn thất VND
VCBF số 02/2024/HĐ/VCBF-VNR	60.000.000.000	(457.682.655)	59.542.317.345	65.212.073.125	-
VCBF số 01/2024/HĐ/VCBF-VNR	70.000.000.000	(1.212.247.322)	68.787.752.678	86.387.909.995	-
SSIAM số 35/2015/HĐ-SSIAM-PC	70.000.000.000	(65.593.220)	69.934.406.780	72.359.898.408	-
BVF số 01/2023/QLĐT/VNR-BVF	30.000.000.000	(611.941.186)	29.388.058.814	42.369.984.143	-
	230.000.000.000	(2.347.464.383)	227.652.535.617	266.329.865.671	-

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	624.186.606.580	723.154.039.411
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	385.318.005.117	478.356.694.994
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	197.628.535.310	212.819.741.220
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm (*)	41.240.066.153	31.977.603.197
Phải thu khác của khách hàng	4.442.774	24.197.300
	624.191.049.354	723.178.236.711

(*) Số dư phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm chủ yếu liên quan đến các khoản dự thu phí tái lập.

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự thu lãi tiền gửi	63.264.640.546	203.975.323.696
Dự thu lãi trái phiếu	25.297.710.892	39.011.938.287
Phí nhận tái bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm gốc đang giữ lại	60.055.265.651	69.418.660.838
Góp vốn đầu tư tại dự án Tincom Plaza (i)	38.176.145.672	41.176.145.672
Khác	437.757.743	910.426.987
	187.231.520.504	354.492.495.480
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Dự án Tincom Plaza (i)	(16.469.045.691)	(12.705.658.727)
	(16.469.045.691)	(12.705.658.727)
	170.762.474.813	341.786.836.753

(i) Dự án Tincom Plaza

Dự án này do công ty con ký theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 02/2010/HĐĐC-Tincom Plaza để ngày 1 tháng 7 năm 2010 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long ("Công ty Thăng Long", "Chủ đầu tư") để xây dựng Dự án Tincom Plaza (nay là Dự án Skyview Plaza) ("Dự án") tại số 360 Đường Giải Phóng, Hà Nội.

Tổng số tiền công ty con đã đầu tư vào Dự án là 60.149.250.000 Đồng trong đó Tổng Công ty góp 7.134.674.895 Đồng, công ty con góp 30.641.245.983 Đồng và huy động từ các nhà đầu tư khác là 22.373.329.122 Đồng.

Theo Quyết định số 02/2018/QĐ-HĐQT để ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã quyết định dừng đầu tư vào dự án này và khởi kiện Chủ đầu tư. Theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân để ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty Thăng Long có nghĩa vụ thanh toán cho công ty con tổng số tiền là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 66.226.811.750 Đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2019) bằng tiền hoặc bằng hình thức chuyển nhượng các căn hộ thuộc Dự án để trừ nợ cho công ty con.

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Dự án Tincom Plaza (tiếp theo)

Trong năm 2020, Công ty Thăng Long và công ty con đã ký Hợp đồng mua bán 65 căn hộ (“HĐMBCH”) với tổng giá trị là 117.880.956.550 Đồng để trừ nợ, bao gồm 7 căn đã hoàn thiện tại tòa HH2 với giá trị 17.687.716.550 Đồng và 58 căn chưa xây tại tòa HH3 với giá trị là 100.193.240.000 Đồng. Nếu Công ty Thăng Long không hoàn trả toàn bộ khoản nợ thì sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cho tới ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 13,5%/năm. Số tiền còn lại chưa được thanh toán bằng bù trừ bằng HĐMBCH là 8.495.105.200 Đồng. Ngoài ra, để được bàn giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu các căn hộ, công ty con cần thanh toán thêm 30% giá trị theo hợp đồng với tổng số tiền là 42.939.960.000 Đồng. Tổng Công ty và công ty con sẵn sàng chuyển nhượng các HĐMBCH hình thành trong tương lai này để thu hồi vốn nên đã phân loại khoản đầu tư này vào mục phải thu ngắn hạn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, 7 HĐMBCH tại tòa HH2 đã được công ty con chuyển nhượng cho bên thứ ba và Công ty Thăng Long đã thanh toán thêm 5.000.000.000 Đồng cho công ty con. Do đó, khoản đầu tư gốc này được ghi nhận với giá trị gốc còn lại là 38.176.145.672 Đồng sau khi trừ giá trị chuyển nhượng thực tế nhận được của 7 HĐMBCH và khoản thanh toán bổ sung nêu trên (trong đó, số dư phải thu còn lại từ vốn góp ban đầu của Tổng Công ty và công ty con lần lượt là 4.443.544.387 Đồng và 19.083.663.745 Đồng).

Thỏa thuận bàn giao 58 căn hộ hình thành trong tương lai tại tòa HH3 là 27 căn vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 và 31 căn vào ngày 25 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, việc bàn giao 58 căn hộ trên đã bị quá hạn nên Ban Tổng giám đốc ước tính dự phòng cho khoản phải thu với số tiền là 16.469.045.691 Đồng, tương ứng với 70% giá trị của số dư phải thu còn lại từ vốn góp ban đầu của Tổng Công ty và công ty con.

Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá rằng khả năng thu hồi khoản lãi 79.832.870.542 Đồng là chưa chắc chắn nên khoản lãi này được trình bày là Tài sản tiềm tàng (Thuyết minh 39 - Tài sản tiềm tàng) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự thu lãi tiền gửi dài hạn	2.539.526.029	2.742.328.766

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2024			
	Số dư phải thu đã quá hạn VND	Số dư phải trả VND	Số dư phải thu thuần đã quá hạn VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
1) Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông	6.920.620.322	(2.223.301.355)	4.697.318.967	37.506.062
2) Willis (Singapore) Pte Ltd.	3.122.327.310	(267.593.068)	2.854.734.242	-
3) Sogaz Insurance	40.524.832.711	(10.376.934.471)	30.147.898.240	10.928.630.368
4) Khác	12.014.529.786	(6.610.935.757)	5.403.594.029	2.764.183.793
	62.582.310.129	(19.478.764.651)	43.103.545.478	13.730.320.223
Phải thu ngắn hạn khác				
1) Dự án Tincom Plaza	38.176.145.672	-	38.176.145.672	21.707.099.981
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn			(45.842.270.946)	

	31/12/2023				Giá trị có thể thu hồi VND
	Số dư phải thu đã quá hạn VND	Số dư phải trả VND	Số dư phải thu thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tồn thất VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	7.608.736.850	(2.413.531.619)	5.195.205.231	(5.144.080.249)	51.124.982
2) Willis (Singapore) Pte Ltd.	5.348.788.541	(255.748.218)	5.093.040.323	(5.088.520.195)	4.520.128
3) Sogaz Insurance	29.153.809.152	(8.862.023.617)	20.291.785.535	(9.971.697.814)	10.320.087.721
4) Khác	9.303.823.643	(3.253.011.064)	6.050.812.579	(4.380.003.445)	1.670.809.134
	51.415.158.186	(14.784.314.518)	36.630.843.668	(24.584.301.703)	12.046.541.965
Phải thu ngắn hạn khác					
1) Dự án Tincom Plaza	41.176.145.672	-	41.176.145.672	(12.705.658.727)	28.470.486.945
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn				(37.289.960.430)	

8 HÀNG TỐN KHO

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cần hệ B2704	-	-	3.915.431.455	(244.631.455)
Khác	53.204.009	-	101.234.000	-
	53.204.009	-	4.016.665.455	(244.631.455)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	(244.631.455)	
	53.204.009		3.772.034.000	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	495.914.588.573	373.728.468.432
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	316.702.580	192.772.175
	496.231.291.153	373.921.240.607

(*) Biến động về chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
Số dư đầu năm	373.728.468.432	419.575.164.824
Số phát sinh trong năm	1.008.382.523.122	775.714.238.886
Số phân bổ vào chi phí trong năm (Thuyết minh 26(b))	(886.196.402.981)	(821.560.935.278)
Số dư cuối năm	495.914.588.573	373.728.468.432

(b) Dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	756.407.180	1.123.428.874

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2024	18.354.529.037	5.959.126.471	11.947.247.964	1.261.724.299	37.522.627.771
Mua trong năm	-	-	940.599.200	-	940.599.200
Thanh lý	-	(1.234.930.500)	-	-	(1.234.930.500)
Tại ngày 31/12/2024	18.354.529.037	4.724.195.971	12.887.847.164	1.261.724.299	37.228.296.471
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2024	(13.982.710.645)	(2.806.391.932)	(8.074.000.759)	(917.415.435)	(25.780.518.771)
Khấu hao trong năm	(779.398.542)	(567.201.900)	(1.060.840.007)	(103.840.209)	(2.511.280.658)
Thanh lý	-	1.234.930.500	-	-	1.234.930.500
Tại ngày 31/12/2024	(14.762.109.187)	(2.138.663.332)	(9.134.840.766)	(1.021.255.644)	(27.056.868.929)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2024	4.371.818.392	3.152.734.539	3.873.247.205	344.308.864	11.742.109.000
Tại ngày 31/12/2024	3.592.419.850	2.585.532.639	3.753.006.398	240.468.655	10.171.427.542

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.712.930.129 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.464.480.629 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2024	16.379.185.933
Tại ngày 31/12/2024	16.379.185.933
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2024	(3.089.501.092)
Khấu hao trong năm	(3.126.984.668)
Tại ngày 31/12/2024	(6.216.485.760)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2024	13.289.684.841
Tại ngày 31/12/2024	10.162.700.173

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.406.217.111 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.406.217.111 Đồng).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư cho thuê VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2024	34.055.061.893
Tại ngày 31/12/2024	34.055.061.893
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2024	(31.282.393.651)
Khấu hao trong năm	(1.818.596.598)
Tại ngày 31/12/2024	(33.100.990.249)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2024	2.772.668.242
Tại ngày 31/12/2024	954.071.644

Bất động sản đầu tư thể hiện phần giá trị của tòa nhà số 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tương ứng với phần diện tích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên chưa trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

12 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự án 142 Định Công (*) - số thuần	3.752.597.748	4.794.985.248
Trong đó:		
- Giá gốc của khoản chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	14.036.123.679	14.036.123.679
- Dự phòng giảm giá chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	(10.283.525.931)	(9.241.138.431)

(*) Đây là góp vốn đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ và thương mại tại địa chỉ số 142 Định Công giữa Tổng Công ty, Vinare Invest và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt, theo HĐHTKD doanh số 25/2011/HĐHTKD để ngày 25 tháng 7 năm 2011 và Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư để ngày 28 tháng 10 năm 2017.

Dự án đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đồng ý về quy hoạch kiến trúc dự án theo đề xuất của Sở Quy hoạch – Kiến trúc tại Công văn số 1369/VP-ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội để ngày 23 tháng 2 năm 2018.

Theo Công văn 96/TB-KH&ĐT ngày 18 tháng 1 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội gửi Vinare Invest, hồ sơ dự án này cơ bản đủ điều kiện để tổng hợp và báo cáo UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương theo quy định. Tuy nhiên dự án hiện đang thuộc đối tượng phải rà soát việc chuyển đổi và sử dụng mục đích sử dụng đất theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội ngày 2 tháng 1 năm 2019. Sau khi có kết quả rà soát, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục hướng dẫn Vinare Invest hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Theo Luật kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 có hiệu lực từ ngày ngày 1 tháng 1 năm 2023, các đơn vị bảo hiểm sẽ không được phép thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản từ năm 2028. Dựa trên tiến độ của dự án đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đánh giá khả năng thu hồi từ khoản đầu tư này từ nay đến thời hạn có hiệu lực theo luật là thấp. Do đó, Tổng Công ty đã ước tính tỷ lệ tổn thất và trích lập dự phòng cho khoản mục này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

13 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự án Tincom (*)	7.858.333.333	7.858.333.333

(*) Thể hiện số tiền của Vinare Invest đã góp liên quan đến việc hợp tác và khai thác sản phẩm tại dự án Tincom Plaza với Công ty Thăng Long tại địa chỉ số 360 Đường Giải Phóng. Công ty con sẽ được nhận một lô đất thấp tầng có diện tích bằng 101,1 m2 sau khi có phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các thủ tục pháp lý đảm bảo điều kiện chuyển nhượng của lô đất dự án chưa được hoàn thiện do phía Chủ đầu tư thay đổi quy hoạch.

Theo chứng thư thẩm định giá số 031/2024/29/CT-ĐG/VAE để ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, giá trị thẩm định của lô đất này là 12.923.300.000 Đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị mà Tổng Công ty và công ty con có thể thu được từ lô đất này cao hơn giá trị ghi sổ của khoản mục tài sản dài hạn này. Do đó, không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	756.931.243.882	826.680.842.178
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	289.928.005.481	411.925.764.358
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	419.959.353.587	412.943.434.335
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	47.043.884.814	1.811.643.485
Phải trả khác cho người bán	1.086.585.212	5.373.286.952
	758.017.829.094	832.054.129.130

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
Thuế GTGT	71.618.662	1.003.699.515	(1.050.771.375)	24.546.802
Thuế TNCN	3.495.704.518	14.027.678.593	(16.911.491.230)	611.891.881
Thuế TNDN	13.647.717.942	76.677.323.101	(74.947.757.823)	15.377.283.220
Thuế khác	248.959.724	3.717.325.707	(3.727.953.842)	238.331.589
	17.464.000.846	95.426.026.916	(96.637.974.270)	16.252.053.492

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
(a) Ngắn hạn		
Phí nhượng tái bảo hiểm đang giữ lại	48.885.206.598	55.263.842.564
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Tincom Plaza (Thuyết minh 6(a))	13.934.325.318	15.050.215.997
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án 142 Định Công (Thuyết minh 12)	646.765.000	646.765.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.167.192.892	7.298.734.735
	66.633.489.808	78.259.558.296
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (*)	176.856.406.576	147.555.514.424
	243.489.896.384	225.815.072.720
(b) Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.731.193.628	1.474.286.806

16 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Biến động về doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
Số dư đầu năm	147.555.514.424	112.203.575.689
Số phát sinh trong năm	355.617.108.844	299.301.558.728
Số phân bổ vào doanh thu trong năm (Thuyết minh 26(a))	(326.316.216.692)	(263.949.619.993)
Số dư cuối năm	176.856.406.576	147.555.514.424

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự phòng phí tái lập phải trả	17.078.407.468	25.410.877.397

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
Số dư đầu năm	33.668.361.750	28.436.745.506
Tăng trong năm (Thuyết minh 21)	11.521.894.219	12.698.956.221
Sử dụng trong năm	(16.135.818.523)	(7.467.339.977)
Số dư cuối năm	29.054.437.446	33.668.361.750

19 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng	1.545.868.114.307	1.293.136.059.212
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.970.144.169.331	1.612.677.750.394
Trong đó:		
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.812.478.348.103	1.478.806.639.495
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	157.665.821.228	133.871.110.899
Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối	217.402.437.882	211.030.237.831
	3.733.414.721.520	3.116.844.047.437

(a) Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường

	Tại ngày 31/12/2024		
	Nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tái bảo hiểm VND	Số thuần VND
Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng	1.545.868.114.307	701.983.536.698	843.884.577.609
Dự phòng bồi thường	1.970.144.169.331	996.700.501.771	973.443.667.560
Trong đó			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.812.478.348.103	926.036.220.293	886.779.466.214
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	157.665.821.228	70.664.281.478	86.664.201.346
	3.516.012.283.638	1.698.684.038.469	1.817.328.245.169

Trong đó chi tiết biến động các khoản dự phòng như sau:

	Từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024		
	Nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tái bảo hiểm VND	Số thuần VND
Dự phòng phí chưa được hưởng			
Số dư đầu năm	1.293.136.059.212	640.223.634.985	652.912.424.227
Số biến động trong năm (Thuyết minh 23 và Thuyết minh 24)	252.732.055.095	61.759.901.713	190.972.153.382
Số dư cuối năm	1.545.868.114.307	701.983.536.698	843.884.577.609
Dự phòng bồi thường			
Số dư đầu năm	1.612.677.750.394	863.546.742.620	749.131.007.774
Số biến động trong năm (Thuyết minh 25)	357.466.418.937	133.153.759.151	224.312.659.786
Số dư cuối năm	1.970.144.169.331	996.700.501.771	973.443.667.560

(b) Dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
I. Hoạt động chính		
Số dư đầu năm	201.741.039.823	188.185.927.430
Số tăng trong năm	17.372.200.051	13.555.112.393
Số sử dụng trong năm	(11.000.000.000)	-
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp		
Số dư đầu năm	9.289.198.008	9.289.198.008
Số tăng trong năm	-	-
Số dư dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối cuối năm	217.402.437.882	211.030.237.831

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	182.391.455	165.810.617
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	182.391.455	165.810.617
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	182.391.455	165.810.617

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		31/12/2023	
	VND	% (*)	VND	% (*)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.823.914.550.000	100,00	1.658.106.170.000	100,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	736.187.470.000	40,36	669.261.340.000	40,36
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	455.980.470.000	25,00	414.527.700.000	25,00
Tập đoàn Bảo Việt	167.353.190.000	9,18	152.139.270.000	9,18
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	146.046.270.000	8,01	132.769.340.000	8,01
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	117.268.780.000	6,43	106.607.990.000	6,43
Các cổ đông cá nhân khác	83.851.920.000	4,60	76.491.390.000	4,61
Các cổ đông tổ chức khác	117.226.450.000	6,42	106.309.140.000	6,41
Thặng dư vốn cổ phần	369.756.607.309		369.756.607.309	
Tổng	2.193.671.157.309		2.027.862.777.309	

(*) Thể hiện tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2023	1.507.371.300.000	369.756.607.309	206.077.621.278	150.737.130.000	1.191.435.474.370	31.952.409.600	3.457.330.542.557
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	421.425.243.742	2.014.216.703	423.439.460.445
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(150.737.130.000)	-	(150.737.130.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	150.734.870.000	-	-	-	(150.734.870.000)	-	-
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	15.073.487.000	(15.073.487.000)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	(12.698.956.221)	-	(12.698.956.221)
Tại ngày 1/1/2024	1.658.106.170.000	369.756.607.309	206.077.621.278	165.810.617.000	1.283.616.274.891	33.966.626.303	3.717.333.916.781
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	404.924.217.810	(466.318.764)	404.457.899.046
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	(165.810.617.000)	-	(165.810.617.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i) (ii)	165.808.380.000	-	-	-	(165.808.380.000)	-	-
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	16.580.838.000	(16.580.838.000)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (iii)	-	-	-	-	(11.521.894.219)	-	(11.521.894.219)
Tại ngày 31/12/2024	1.823.914.550.000	369.756.607.309	206.077.621.278	182.391.455.000	1.328.818.763.482	33.500.307.539	3.944.459.304.608

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ để ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông với tỷ lệ 10% bằng tiền, tương đương số tiền 165.810.617.000 Đồng và 10% bằng cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông của Tổng Công ty, nâng tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành lên 182.391.455 cổ phiếu, đồng thời thông qua việc tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên 1.823.914.550.000 Đồng.

(ii) Ngày 28 tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính ban hành công văn số 11597/BTC-QLBH chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty. Ngày 23 tháng 12 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành công văn số 8774/UBCK-QLCB xác nhận đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Tổng Công ty.

Ngày 13 tháng 1 năm 2025, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có văn bản số 478/VSDC-ĐKCPNV về việc chứng nhận điều chỉnh thông tin cổ phiếu đăng ký chứng khoán của Tổng Công ty. Tổng số cổ phiếu tăng thêm là 16.580.838 cổ phiếu, tương đương với 165.808.380.000 đồng, tăng vốn điều lệ mới của Tổng Công ty lên 1.823.914.550.000 đồng.

(iii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ để ngày 25 tháng 4 năm 2013 đã thông qua việc sửa đổi một số quy định về phân phối lợi nhuận, trong đó quỹ phúc lợi được tính bằng một tháng lương thực hiện và quỹ khen thưởng tối đa được trích hàng năm bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng mức tối đa không vượt quá hai tháng lương thực hiện trong năm. Tổng Công ty đã tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền là 11.521.894.219 Đồng. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2024 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông năm 2025.

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023 (*) (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	404.924.217.810	421.425.243.742
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(11.521.894.219)	(12.698.956.221)
	393.402.323.591	408.726.287.521
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	182.391.455	182.391.455
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.157	2.241

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được tính lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu Điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	421.425.243.742	-	421.425.243.742
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(12.698.956.221)	-	(12.698.956.221)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	408.726.287.521	-	408.726.287.521
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (i)	165.810.617	16.580.838	182.391.455
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.465	(224)	2.241

(i) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho tất cả các năm tài chính sẽ được điều chỉnh hồi tố nếu số lượng cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu phổ thông tiềm năng đang lưu hành tăng lên do vốn hoá, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

Do đó, số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho số liệu so sánh của năm 2023 được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 23 tháng 4 năm 2024 và được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết bổ sung căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SGDHN đề ngày 21 tháng 1 năm 2025, với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2023.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
1. Phí nhận tái bảo hiểm	3.202.744.435.118	2.757.247.682.764
Bảo hiểm tài sản	1.069.094.481.797	1.051.698.831.029
Bảo hiểm kỹ thuật	438.668.881.351	400.663.981.746
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	798.666.267.842	570.276.664.396
Bảo hiểm thân tàu và P&I	362.767.894.536	362.009.722.553
Bảo hiểm hàng hóa	169.089.280.161	183.734.842.309
Bảo hiểm K-Care	6.746.768.074	3.714.321.506
Bảo hiểm tàu cá	19.706.284.293	-
Bảo hiểm nhân thọ	507.991.138	968.550.911
Bảo hiểm khác	337.496.585.926	184.180.768.314
2. Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(49.428.010.586)	(79.825.464.793)
3. Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	252.732.055.095	145.122.665.408
Tổng Doanh thu phí bảo hiểm ((1)+(2)-(3))	2.900.584.369.437	2.532.299.552.563

24 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
1. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.423.447.753.824	1.318.049.137.019
Bảo hiểm tài sản	639.691.955.282	587.924.539.166
Bảo hiểm kỹ thuật	213.286.458.406	210.303.061.134
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	236.096.599.204	209.175.247.518
Bảo hiểm thân tàu và P&I	227.094.510.821	234.348.451.113
Bảo hiểm hàng hóa	32.513.753.752	39.025.934.840
Bảo hiểm tàu cá	7.228.064.324	615.222.087
Bảo hiểm K-Care	135.667.550	-
Bảo hiểm khác	67.400.744.485	36.656.681.161
2. Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(10.162.124.272)	(19.193.852.363)
3. Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	61.759.901.713	101.091.849.839
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm ((1)+(2)-(3))	1.351.525.727.839	1.197.763.434.817

25 TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
1. Chi bồi thường	1.204.849.234.731	1.025.531.240.115
Bảo hiểm tài sản	379.400.795.395	368.407.684.324
Bảo hiểm kỹ thuật	82.507.109.124	83.425.416.689
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	404.801.089.835	281.344.094.245
Bảo hiểm thân tàu và P&I	199.440.531.200	162.870.432.474
Bảo hiểm hàng hóa	56.289.584.980	90.948.511.448
Bảo hiểm K-Care	7.716.320.000	370.080.000
Bảo hiểm tàu cá	24.071.862.322	4.905.868.180
Bảo hiểm nhân thọ	82.035.300	143.767.490
Bảo hiểm khác	50.539.906.575	33.115.385.265
2. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	632.979.577.033	562.583.052.592
3.1. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	357.466.418.937	20.209.485.324
3.2. Giảm khác dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)	(56.612.790.391)	(13.644.927.489)
4.1. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 19(a))	133.153.759.151	(38.218.647.190)
4.2. Giảm khác dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (*)	(47.863.719.250)	(8.346.876.577)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm ((1)-(2)+(3.1)+(3.2)-(4.1)-(4.2))	787.433.246.343	516.078.269.125

(*) Các chỉ tiêu này phản ánh biến động dự phòng bồi thường cho các ước tính tổn thất đã được thông báo và được ghi nhận trong bảng thanh toán giữa Tổng Công ty và các đối tác nhận/nhượng tái bảo hiểm, liên quan đến các hợp đồng tái bảo hiểm có quy định tại mỗi kỳ thanh toán, công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ giữ lại một khoản tiền tương đương trách nhiệm của công ty nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết.

26 THU NHẬP, CHI PHÍ HOA HỒNG BẢO HIỂM

(a) Thu nhập hoa hồng bảo hiểm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Bảo hiểm tài sản	155.945.850.273	126.962.245.198
Bảo hiểm kỹ thuật	68.852.860.248	61.906.408.459
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	60.956.716.662	38.883.309.471
Bảo hiểm thân tàu và P&I	24.046.645.007	22.247.309.575
Bảo hiểm hàng hóa	7.018.061.888	8.350.744.102
Bảo hiểm tàu cá	1.004.321.695	277.298.111
Bảo hiểm khác	8.491.760.919	5.322.305.077
	326.316.216.692	263.949.619.993

(b) Chi phí hoa hồng bảo hiểm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Bảo hiểm tài sản	243.526.220.119	214.692.400.166
Bảo hiểm kỹ thuật	119.735.370.785	109.599.417.063
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	252.532.762.692	143.749.718.573
Bảo hiểm thân tàu và P&I	39.431.119.669	35.347.908.796
Bảo hiểm hàng hóa	46.024.335.773	49.418.839.326
Bảo hiểm tàu cá	2.271.719.145	473.970.469
Bảo hiểm K-Care	49.637.544	492.710.165
Bảo hiểm nhân thọ	20.434.790	28.730.135
Bảo hiểm khác	182.604.802.464	267.757.240.585
	886.196.402.981	821.560.935.278

27 DOANH THU KHÁC, CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM

(a) Doanh thu khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Thu khác nhận tái bảo hiểm	653.020.696	6.983.633.020
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	27.387.034.104	24.583.615.283
Trong đó:		
- Thu từ môi giới phí hợp đồng nhượng tái bảo hiểm	13.488.013.025	11.928.049.794
- Thu khác	13.899.021.079	12.655.565.489
	28.040.054.800	31.567.248.303

(b) Chi phí khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi khác nhận tái bảo hiểm	56.604.014.818	132.107.927.138
Trong đó:		
- Chi môi giới phí hợp đồng nhận tái bảo hiểm	18.957.566.595	9.492.057.944
- Ước tính chi phí theo kết quả hợp đồng nhận tái bảo hiểm phải trả (*)	6.977.565.527	107.037.956.209
- Khác	30.668.882.696	15.577.912.985
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	555.922.493	6.509.576.714
	57.159.937.311	138.617.503.852

(*) Đây là những nghĩa vụ nợ liên quan đến các hợp đồng nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty, được Tổng Công ty ước tính và ghi nhận dựa theo nội dung các hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết, kết quả hợp đồng ước tính trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đồng thời căn cứ vào các trao đổi cũng như thông tin mới từ các đối tác nhượng tái bảo hiểm cho Tổng Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Nghĩa vụ này sẽ được xác thực thanh toán khi các thông tin chi tiết về số lãi hợp đồng được bên nhượng tái bảo hiểm cung cấp cho Tổng công ty và các bên xác nhận bằng thanh toán.

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	205.443.175.039	277.324.435.227
Cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	42.095.943.500	108.772.117.500
Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.156.804.409	19.012.670.504
Lãi trái phiếu	93.772.074.124	62.004.547.876
Lãi tất toán ủy thác đầu tư	60.696.503.864	5.489.416.213
Doanh thu tài chính khác	79.830.855	1.504.841.659
	425.244.331.791	474.108.028.979

(*) Chi tiết cổ tức Tổng Công ty được nhận trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	12.374.598.000	4.377.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	29.061.345.500	104.394.517.500
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	660.000.000	-
	42.095.943.500	108.772.117.500

29 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	14.141.927.654	34.322.547.264
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ủy thác đầu tư	(5.492.758.024)	(18.092.593.400)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác	-	(153.875.823)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng chỉ quỹ	-	(2.370.063.550)
Chi phí hoạt động ủy thác đầu tư	7.050.050.818	6.174.431.213
Chi phí tài chính khác	11.012.268.733	3.288.532.305
	26.711.489.181	23.168.978.009

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí nhân viên, chuyên gia	86.388.944.926	92.633.923.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.021.619.746	6.679.905.825
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	5.512.250.264	8.495.468.973
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	3.379.460.814	3.200.911.516
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	8.552.310.516	9.991.809.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.638.265.326	3.625.864.941
Chi phí văn phòng	1.350.418.471	987.534.274
Chi phí khác bằng tiền	1.473.248.364	1.184.734.673
	123.316.518.427	126.800.153.314

31 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.737.161.786.686	1.489.811.820.648
Chi phí nhân viên	86.388.944.926	92.633.923.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.021.619.746	6.679.905.825
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	8.552.310.516	9.991.809.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.638.265.326	3.625.864.941
Chi phí khác bằng tiền	11.715.377.913	13.868.649.436
	1.860.478.305.113	1.616.611.973.962

32 THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần phí bảo hiểm giữ lại trong năm sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

32 THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Trong năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 Đồng. Theo Quyết định 315/QĐ-TTg, hoạt động thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Từ thời điểm này đến 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

33 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	480.889.126.609	499.863.281.821
Thuế tính ở thuế suất 20%	96.177.825.322	99.972.656.364
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(17.431.321.907)	(29.864.101.289)
Chi phí không được khấu trừ	1.131.913.128	6.315.266.301
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	(2.013.359.411)	-
Khác	(1.433.829.569)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	76.431.227.563	76.423.821.376
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	76.677.323.101	78.112.599.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	(246.095.538)	(1.688.777.751)
	76.431.227.563	76.423.821.376

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

34 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2023
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	37,72	29,44
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	62,28	70,56
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55,06	53,55
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44,94	46,45
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,82	1,87
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,13	1,32
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,52	0,64

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2024	31/12/2023
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	20,53	23,66
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	17,26	20,05
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,48	6,25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,61	5,29
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,25	11,39

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty và công ty con quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty và công ty con có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và nợ phải trả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty và công ty con chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty và công ty con áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính (không bao gồm công cụ vốn chủ sở hữu)		
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.428.912.948	67.490.368.460
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	811.422.569.858	1.077.670.732.191
Các khoản phải thu dài hạn (*)	30.539.526.029	30.742.328.766
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.359.284.349.627	2.660.714.828.212
Đầu tư dài hạn (*)	2.553.936.042.466	1.607.841.149.595
Tổng cộng	5.900.611.400.928	5.444.459.407.224
Nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	824.651.318.902	911.658.319.947
Phải trả dài hạn khác	1.731.193.628	1.474.286.806
Tổng cộng	826.382.512.530	913.132.606.753

(*) Số liệu trước dự phòng

Tổng Công ty và công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty và công ty con đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty và công ty con phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty và công ty con.

Các hoạt động của Tổng Công ty và công ty con có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và công ty con là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con.

(a) Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro hoạt động khai thác nhận tái bảo hiểm là các rủi ro từ danh mục rủi ro mà Tổng Công ty nhận tái bảo hiểm. Mức độ các rủi ro này chủ yếu ảnh hưởng do chất lượng quá trình khai thác:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Định giá, xác định khả năng nhận tái bảo hiểm;
- Điều kiện và điều khoản áp dụng; và
- Kiểm soát mức độ tập trung rủi ro và các rủi ro thảm họa.

Mục tiêu chính của quản trị rủi ro trong lĩnh vực khai thác là nhằm nâng cao chất lượng của danh mục rủi ro nhận bảo hiểm bằng cách thực hiện đầy đủ và tốt nhất có thể các bước nêu trên. Theo đó, các rủi ro từ hoạt động khai thác bảo hiểm có thể bao gồm:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm không đầy đủ, điều kiện và điều khoản áp dụng không phù hợp;
- Định phí tái bảo hiểm không tương đương với mức độ rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Chính sách nhượng tái bảo hiểm không phù hợp;
- Quy trình xử lý bồi thường không hợp lý;
- Trích lập các khoản dự phòng không đầy đủ;
- Không thu đòi được các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình Quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Chính sách quản trị rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa Hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.

Tổng Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng Công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.

Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biện pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất).

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro tái bảo hiểm (tiếp theo)

Chương trình nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng Công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép, vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận và nhượng tái bảo hiểm trong khuôn khổ chương trình tái bảo hiểm hàng năm do Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Quản lý vốn

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Trong đó:

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp tái bảo hiểm là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán. Các tài sản tính biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp tái bảo hiểm sẽ được tính theo hướng dẫn của Thông tư 67/2023/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính.
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo hiểm là số lớn hơn của một trong hai kết quả tính toán sau:
 - 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;
 - 12,5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán và biên khả năng thanh toán tối thiểu của Tổng Công ty.

	Biên khả năng thanh toán	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.607 tỷ Đồng	435 tỷ Đồng	599%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.497 tỷ Đồng	345 tỷ Đồng	725%

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty và công ty con thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Đô la Mỹ (USD)	278.471.789.020	212.857.763.301	307.972.304.280	276.061.587.921
Euro (EUR)	17.649.953.867	69.790.478.481	19.693.011.101	85.278.266.507
Won Hàn Quốc (KRW)	57.393.494.412	118.164.522.529	71.587.275.291	120.627.473.457
Nhân dân tệ (CNY)	11.463.495.819	59.129.729.319	17.396.645.353	57.870.347.880
Yên Nhật (JPY)	54.406.005	54.697.915	1.850.415	1.037.235
Khác	5.703.098.149	3.758.304.373	6.241.352.026	5.720.411.612

Việc kinh doanh của Tổng Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ và đồng Won Hàn Quốc.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty và công ty con sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2024 VND	2023 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.475.025.763	3.160.191.231
Won Hàn Quốc (KRW)	709.689.044	123.147.546

(ii) Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty và công ty con và công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty và công ty con quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tổng Công ty và công ty con đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty và công ty con cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty và công ty con không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần. Định kỳ, Tổng Công ty và công ty con tiến hành rà soát và đánh giá các khoản đầu tư có chính sách cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư.

Tổng Công ty và công ty con chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Tổng Công ty và công ty con có nhiều mức lãi suất khác nhau và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư.

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty và công ty con. Tổng Công ty và công ty con có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty và công ty con có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và công ty con tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty và công ty con có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

(d) Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty và công ty con quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty và công ty con tin rằng có thể tạo ra trong năm tài chính đó. Chính sách của Tổng Công ty và công ty con là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty và công ty con duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền của tài sản tài chính và dòng tiền của nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty và công ty con phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty và công ty con khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản thuần.

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định kỳ hạn VND	Kỳ hạn từ 1 năm trở xuống VND	Kỳ hạn trên 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2024					
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.428.912.948	95.428.912.948	50.000.000.000	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	811.422.569.858	-	811.422.569.858	-	-
Các khoản phải thu dài hạn (*)	30.539.526.029	28.000.000.000	2.539.526.029	-	-
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.359.284.349.627	-	2.359.284.349.627	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	2.553.936.042.466	-	-	1.493.936.042.466	1.060.000.000.000
Tổng cộng	5.900.611.400.928	123.428.912.948	3.220.706.919.485	1.496.475.568.495	1.060.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(824.651.318.902)	-	(824.651.318.902)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(1.731.193.628)	-	-	(1.731.193.628)	-
Tổng cộng	(826.382.512.530)	-	(824.651.318.902)	(1.731.193.628)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.074.228.888.398	123.428.912.948	2.396.055.600.583	1.494.744.374.867	1.060.000.000.000
Tại ngày 31/12/2023					
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.490.368.460	7.490.368.460	60.000.000.000	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	1.077.670.732.191	-	1.077.670.732.191	-	-
Các khoản phải thu dài hạn (*)	30.742.328.766	28.000.000.000	-	2.742.328.766	-
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.660.714.828.212	-	2.660.714.828.212	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	1.607.841.149.595	-	-	547.841.149.595	1.060.000.000.000
Tổng cộng	5.444.459.407.224	35.490.368.460	3.798.385.560.403	550.583.478.361	1.060.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(911.658.319.947)	-	(911.658.319.947)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(1.474.286.806)	-	-	(1.474.286.806)	-
Tổng cộng	(913.132.606.753)	-	(911.658.319.947)	(1.474.286.806)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.531.326.800.471	35.490.368.460	2.886.727.240.456	549.109.191.555	1.060.000.000.000

(*) Các số liệu được trình bày là số liệu trước dự phòng.

36 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty và công ty con có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re và các công ty cùng trong tập đoàn ("Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re")	
Cổ đông lớn	
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Hội đồng Quản trị/ Ban Kiểm soát/Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
i) Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re		
Phí nhượng tái bảo hiểm	310.135.810.112	349.949.217.775
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	108.004.106.034	117.209.550.868
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	83.847.175.482	98.962.711.534
Cổ tức đã trả	41.452.770.000	37.684.337.000
ii) Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phí nhượng tái bảo hiểm	(18.258.736)	179.742.268
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(5.865.825)	30.504.289
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	85.869.118	49.406.399
Phí nhận tái bảo hiểm	144.498.329.799	126.097.173.079
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	28.973.155.801	26.014.499.235
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	23.640.551.406	29.523.053.023
Cổ tức đã nhận được (Thuyết minh 4(c))	17.036.801.163	15.041.503.966
iii) Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		
Cổ tức đã trả	66.926.134.000	60.841.940.000

36 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
iv) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		
Phí nhượng tái bảo hiểm	122.002.849.550	108.057.015.219
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	29.136.784.631	24.646.539.226
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	55.601.074.357	45.346.274.895
Phí nhận tái bảo hiểm	266.043.801.862	300.069.219.685
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	55.618.401.896	67.872.150.376
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	61.564.082.526	77.496.657.311
Cổ tức đã trả	4.145.865.000	3.768.969.000
v) Tập Đoàn Bảo Việt		
Cổ tức đã trả	15.213.927.000	13.830.843.000
vi) Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt		
Phí nhượng tái bảo hiểm	55.209.561.658	41.533.345.318
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.778.833.908	5.003.929.400
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27.939.073.934	37.997.858.950
Phí nhận tái bảo hiểm	274.496.896.157	303.845.847.276
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	58.261.530.611	74.955.024.299
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	105.767.720.157	167.780.920.434
vii) Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt		
Cổ tức đã trả	13.276.934.000	12.069.940.000
viii) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt		
Ủy thác đầu tư	-	30.000.000.000
Phí quản lý	439.896.413	172.044.773

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	2.888.475.987	3.058.948.494
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch	239.429.101	239.920.439
Bà Anna Lee Oh Wah	Phó chủ tịch	212.825.868	213.262.613
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	203.565.325	204.018.867
Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên	257.565.325	258.018.867
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên	2.660.234.729	2.772.401.071
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	203.565.325	204.018.867
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên (đến ngày 20/4/2023)	-	61.504.143
Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 20/4/2023)	203.565.325	142.514.724
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hường	Thành viên	226.183.694	226.687.630
		7.095.410.679	7.381.295.715
Ban kiểm soát			
Ông Trần Trung Tính	Trưởng ban (đến ngày 20/4/2023)	-	44.139.787
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng ban (từ ngày 20/4/2023)	162.335.056	152.314.366
Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên	121.037.770	121.415.722
Ông Tushar Chatterjee	Thành viên	107.589.129	107.925.086
Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên	1.059.116.171	1.093.266.038
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên (từ ngày 20/4/2023)	121.037.770	84.849.082
		1.571.115.896	1.603.910.081
Ban điều hành			
Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc	2.050.295.940	2.172.636.285
Ông Đỗ Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/2/2023)	1.844.949.281	1.880.907.045
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 30/12/2023)		
	Kế toán trưởng (đến ngày 30/12/2023)	2.320.460.983	2.481.255.991
Ông Nguyễn Thành Công	Kế toán trưởng (từ ngày 2/12/2024)	157.100.302	-

36 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
i) Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re		
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	19.027.271.161	25.120.500.521
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	33.879.979.504	98.400.122.014
ii) Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	2.319.975.297	2.469.654.978
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	2.356.526.861	3.656.796.995
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	39.404.429	214.099.080
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	221.868	159.156.435
iii) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	19.095.493.487	54.986.195.076
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	22.302.074.917	32.691.034.572
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	15.016.560.473	26.143.137.909
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	42.930.894.955	50.455.767.771
iv) Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	69.909.586.031	38.908.316.567
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	22.062.254.335	12.182.809.635
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	6.230.205.070	5.808.664.660
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	15.914.539.883	9.294.972.811
v) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt		
Ủy thác đầu tư (Thuyết minh 4(d))	29.388.058.814	29.827.955.227

37 TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

	2022 VND	2023 VND	2024 VND	Tổng số VND
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2024 (1)	444.177.574.648	400.034.028.388	461.761.200.937	1.305.972.803.973
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế				
Trả trong năm 2022	38.715.650.789	-	-	38.715.650.789
Trả trong năm 2023	189.410.185.111	43.467.204.169	-	232.877.389.280
Trả trong năm 2024	115.566.352.364	198.833.998.933	64.681.114.964	379.081.466.261
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	343.692.188.264	242.301.203.102	64.681.114.964	650.674.506.330
III. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	100.485.386.384	157.732.825.286	397.080.085.973	655.298.297.643
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước	-	-	-	231.481.168.571
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm	100.485.386.384	157.732.825.286	397.080.085.973	886.779.466.214

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm. Hoạt động đầu tư tài chính là một phần của hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, chủ yếu được huy động từ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

39 TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Như đã trình bày trong Thuyết minh 6(a) – Phải thu ngắn hạn khác, theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM để ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân, tổng số tiền mà Công ty Thăng Long phải trả cho công ty con là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 66.226.811.750 Đồng nợ lãi), bằng tiền mặt hoặc bù trừ bằng các căn hộ của Dự án.

Trong năm 2020, Công ty Thăng Long đã ký 65 HĐMBCH với công ty con để bù trừ số công nợ nêu trên với tổng giá trị là 117.880.956.550 Đồng bao gồm 7 HĐMBCH tại tòa HH2 là 17.687.716.550 Đồng và 58 HĐMBCH tại tòa HH3 là 100.193.240.000 Đồng. Số tiền còn lại chưa được thanh toán bằng bù trừ HĐMBCH là 8.495.105.200 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Thăng Long và công ty con đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ và tính thêm phần nợ lãi phát sinh đến ngày 31/12/2022. Theo đó số công nợ còn lại mà Công ty Thăng Long phải trả bằng tiền theo cam kết là 19.529.701.013 Đồng (gồm 8.495.105.200 Đồng đã nêu trên và 11.034.595.813 Đồng lãi chậm trả phát sinh).

Đối với giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Thăng Long đã trả thêm cho Tổng Công ty với số tiền là 5 tỷ đồng để giảm trừ khoản nợ (Thuyết minh 6(a)). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty con ước tính số công nợ còn lại mà Công ty Thăng Long phải trả là 22.101.163.992 Đồng (gồm 8.495.105.200 Đồng đã nêu trên và 13.606.058.792 Đồng lãi chậm trả phát sinh).

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản tiền lãi với tổng số tiền 79.832.870.542 Đồng (bao gồm 66.226.811.750 Đồng và 13.606.058.792 Đồng như nêu trên) là không chắc chắn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chưa ghi nhận khoản lãi này là thu nhập lãi và phải thu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất mà trình bày khoản lãi này là tài sản tiềm tàng.

40 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 30-99/ĐCND-HĐTĐTN ký ngày 13 tháng 10 năm 1999 giữa Tổng Công ty và Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội liên quan đến lô đất ở 141 Đường Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tổng Công ty được phép nhưng không buộc phải giải phóng mặt bằng của khu đất để giao trả cho Nhà nước và sẽ không phải khôi phục khu đất trở về hiện trạng như trước khi ký hợp đồng thuê đất. Hợp đồng thuê đất này đã hết hạn vào ngày 16 tháng 8 năm 2019.

Theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 5 tháng 8 năm 2024, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định gia hạn thời hạn sử dụng đất cho Tổng Công ty từ ngày 16 tháng 8 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng hợp đồng thuê đất trên sẽ được ký kết và điều khoản về việc hoàn trả mặt bằng sẽ được giữ nguyên trong hợp đồng thuê đất mới. Vì hợp đồng thuê đất chưa được ký, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ, di dời chưa xác định. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng hoàn trả mặt và thuyết minh là nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2025.



NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập



NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B 01 – DNPNT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		5.379.747.410.466	5.552.151.365.464
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	143.098.265.573	66.325.858.527
111	Tiền		93.098.265.573	6.325.858.527
112	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn		2.298.134.349.627	2.595.972.070.188
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.298.134.349.627	2.601.464.828.212
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		-	(5.492.758.024)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		743.546.261.635	1.012.060.584.537
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	624.191.049.354	723.178.236.711
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		624.186.606.580	723.154.039.411
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		4.442.774	24.197.300
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		176.929.454	297.622.326
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	151.661.989.152	315.568.723.682
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(32.483.706.325)	(26.983.998.182)
140	Hàng tồn kho		53.204.009	101.234.000
141	Hàng tồn kho		53.204.009	101.234.000
150	Tài sản ngắn hạn khác		496.231.291.153	373.921.240.607
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	496.231.291.153	373.921.240.607
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		495.914.588.573	373.728.468.432
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		316.702.580	192.772.175
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.698.684.038.469	1.503.770.377.605
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	701.983.536.698	640.223.634.985
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	996.700.501.771	863.546.742.620

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)		3.094.902.379.073	2.161.104.637.698
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.539.526.029	30.742.328.766
218	Phải thu dài hạn khác		36.708.899.962	36.911.702.699
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.9	28.000.000.000	28.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	8.708.899.962	8.911.702.699
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	(6.169.373.933)	(6.169.373.933)
220	Tài sản cố định		20.334.127.715	25.031.793.841
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	10.171.427.542	11.742.109.000
222	Nguyên giá		37.228.296.471	37.522.627.771
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.056.868.929)	(25.780.518.771)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	10.162.700.173	13.289.684.841
228	Nguyên giá		16.337.470.733	16.337.470.733
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.174.770.560)	(3.047.785.892)
230	Bất động sản đầu tư	10	954.071.644	2.772.668.242
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.100.990.249)	(31.282.393.651)
240	Tài sản dở dang dài hạn		2.450.163.620	1.616.690.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.450.163.620	1.616.690.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.037.191.585.147	2.097.387.325.775
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	309.296.176.180	309.296.176.180
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b), 4(c)	(740.633.499)	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	2.543.636.042.466	1.603.091.149.595
260	Tài sản dài hạn khác		3.432.904.918	3.553.831.074
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	756.407.180	1.123.428.874
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.676.497.738	2.430.402.200
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		8.474.649.789.539	7.713.256.003.162

		Tại ngày	
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	
		31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	4.817.160.988.600	4,267,335,580,925
310	Nợ ngắn hạn	4.815.429.794.972	4,265,861,294,119
311	Phải trả cho người bán	11758.017.829.094	832.054.129.130
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	756.931.243.882	826.680.842.178
311.2	- Phải trả khác cho người bán	1.086.585.212	5.373.286.952
312	Người mua trả tiền trước	409.228.046	356.646.203
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1216.248.553.492	17.460.170.966
314	Phải trả người lao động	33.644.500.387	30.256.834.159
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	1.344.632.521
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13(a)50.705.710.943	60.910.080.132
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)176.856.406.576	147.555.514.424
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1417.078.407.468	25.410.877.397
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1529.054.437.446	33.668.361.750
329	Dự phòng nghiệp vụ	163.733.414.721.520	3.116.844.047.437
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	1.545.868.114.307	1.293.136.059.212
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.970.144.169.331	1.612.677.750.394
329.3	- Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối	217.402.437.882	211.030.237.831
330	Nợ dài hạn	1.731.193.628	1.474.286.806
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)1.731.193.628	1.474.286.806
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	3.657.488.800.939	3.445.920.422.237
410	Vốn chủ sở hữu	3.657.488.800.939	3.445.920.422.237
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,181.823.914.550.000	1.658.106.170.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17,18369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18205.815.380.525	205.815.380.525
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18182.391.455.000	165.810.617.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	181.075.610.808.105	1.046.431.647.403
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước	714.812.650.403	676.985.686.907
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm này	360.798.157.702	369.445.960.496
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	8.474.649.789.539	7.713.256.003.162


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

			Tại ngày	
Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2023
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	3.357.310,43	36.202,05
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	98.131,97	24.957,24


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		7.799.337.253	6.497.347.116
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24	437.829.534.705	484.490.382.234
13	Thu nhập khác		2.252.569.136	762.181.583
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.208.330.547)	(2.146.238.632)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25	(25.393.150.693)	(26.229.167.976)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36	(120.263.916.054)	(129.152.794.497)
24	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24)		465.332.117.484	473.642.225.093
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)		388.900.889.921	397.218.403.717


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.2-1.3)	19	2.900.584.369.437	2.532.299.552.563
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		3.153.316.424.532	2.677.422.217.971
1.3	- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	16(a)	252.732.055.095	145.122.665.408
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1+2.2)	20	(1.351.525.727.839)	(1.197.763.434.817)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.413.285.629.552)	(1.298.855.284.656)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	61.759.901.713	101.091.849.839
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1+2)		1.549.058.641.598	1.334.536.117.746
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		354.356.271.492	295.516.868.296
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	22(a)	326.316.216.692	263.949.619.993
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(a)	28.040.054.800	31.567.248.303
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Chi bồi thường	21	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
11.1	- Tổng chi bồi thường	21	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	632.979.577.033	562.583.052.592
13	Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	21	300.853.628.546	6.564.557.835
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	85.290.039.901	(46.565.523.767)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+12-13+14)	21	(787.433.246.343)	(516.078.269.125)
16	Tăng dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối	16(b)	6.372.200.051	13.555.112.393
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		(943.356.340.292)	(960.178.439.130)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	22(b)	(886.196.402.981)	(821.560.935.278)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(b)	(57.159.937.311)	(138.617.503.852)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15-16+17)		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10+18)		166.253.126.404	140.241.165.394
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		7.799.337.253	6.497.347.116
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.208.330.547)	(2.146.238.632)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20+21)		5.591.006.706	4.351.108.484

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

			Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	24	437.829.534.705	474.108.028.979
24	Chi phí hoạt động tài chính	25	(25.393.150.693)	(23.168.978.009)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23+24)		412.436.384.012	458.261.214.258
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(120.263.916.054)	(129.152.794.497)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25+26)		464.016.601.068	473.700.693.639
31	Thu nhập khác		2.252.569.136	762.181.583
32	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
40	Lợi nhuận khác - số thuần (40=31+32)		1.315.516.416	(58.468.546)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		465.332.117.484	473.642.225.093
51	Thuế TNDN hiện hành	29	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)		388.900.889.921	397.218.403.717


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	1.116.751.883.461	1.059.810.734.718
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(627.707.163.059)	(555.798.195.215)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(58.500.758.673)	(58.944.808.436)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(74.947.757.823)	(92.054.424.527)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10.923.941.429	4.154.265.871
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(43.308.743.393)	(38.013.740.599)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	323.211.401.942	319.153.831.812
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.958.430.322)	(11.185.802.062)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	152.568.182	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.661.250.000.000)	(1.987.700.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.047.183.863.014	1.499.870.215.681
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	537.588.037.453	333.982.494.963
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(82.283.961.673)	(165.033.091.418)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	75.116.823.269	3.383.610.394
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	66.325.858.527	62.060.369.355
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.655.583.777	881.878.778
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	143.098.265.573	66.325.858.527


NGUYỄN NĂNG KHOAN
Người lập


NGUYỄN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025